



## Số 149

phân loại các thể truyện  
phỏng vấn kinh nghiệm  
viết truyện



BÌNH NGUYỄN LỘC - THẾ VIÊN \*  
DUYNG NGHIỆM MẬU \* NGUYỄN ĐÌNH  
TOÀN \* TRÚNG DUYNG \* ĐOÀN QUỐC  
SỸ \* NGUYỄN QUANG HIỆN \* MẶC ĐỖ \*  
NGUYỄN LỆ UYÊN \* THƯ TRÚNG \* LÝ  
MINH \* MUỖNG MẢN



**VĂN**

**số 149**

**TẬP SAN**

**VĂN CHƯƠNG TƯ TƯỞNG  
NGHỆ THUẬT**

# Văn số 149

bìa: *Tập san Văn*  
nguồn: *Internet*  
trình bày: *Muôn Phương*

*Muôn phương góp lại, trả về muôn phương*

# **Văn số 149**

**Năm thứ 7, số 149  
ra ngày 01-3-1970**



*Đọc trong số này:*

**Tuyển tập thơ văn:**

1. Mùa xuân đi qua 9

*Thế Viên*

2. Truyện ngắn, tân truyện 15  
và tiểu thuyết

*Bình Nguyên Lộc*

3. Những bài lục bát ở quê người 66

*Du Tử Lê*

4. Ngày đốn cây vú sữa 68

*Dương Nghiễm Mậu*

5. Một phần ăn muộn 102

*Nguyễn Đình Toàn*

6. Cây me trước nhà ông đại sứ 124

*Trùng Dương*

|                                                                                    |     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 7. Ngoài khung cửa<br><i>Nguyễn Lê Uyên</i>                                        | 162 |
| 8. Nấu cơm trong rừng<br><i>Nguyễn Đức Sơn</i>                                     | 192 |
| 9. Thêm gió<br><i>Mường Mán</i>                                                    | 194 |
| 10. Thơ sáu tám<br><i>Lý Minh</i>                                                  | 225 |
| <b>Mục thường xuyên:</b>                                                           |     |
| 11. Sầu mây<br><i>Doãn Quốc Sỹ</i>                                                 | 226 |
| 12. Lửa lựu<br><i>Nguyễn Quang Hiện</i>                                            | 242 |
| 13. Phỏng vấn François Mauriac<br>Jean Le Marchand thực hiện<br><i>Mặc Đỗ dịch</i> | 258 |
| 14. Tin văn văn<br><i>Thư Trung và các bạn</i>                                     | 292 |



## MÙA XUÂN ĐI QUA

Thế Viên

Tặng Thanh Tâm Tuyền

Đời đã bao nhiêu tuổi

Đầu đã bạc hay chưa

Cớ sao ta ngồi khóc

Một mình như trẻ thơ.

Ôi! Cuộc đời khốn khổ

Nào có phải mình ta

Bụi đường lên cuối phố

Nhìn đâu thấy quê nhà.

Tết rồi xuân rồi Tết

Bao nhiêu năm trôi qua

Đàn con ngày mỗi lớn

Mẹ một tuổi một già

Bạn bè năm ba đứa

Mỗi đứa một phương xa

Tháng ngày cô đơn mãi

Như đèn khuya bến phà

Ta khóc hay em khóc  
Ở một phương trời nào  
Khói lửa còn mờ mịt  
Tìm em trong chiêm bao.

Ôi! Bom rơi đạn nổ  
Ta ngồi đây một mình  
Em lưu ly viễn xứ  
Mưa buồn giăng núi sông

Rượu đầy ta uống cạn  
Có lúc quên đất trời  
Mùa xuân đi qua đó  
Trên ba mươi tuổi rồi

Ta đau niềm đau lớn  
Khóc quê hương khôn nguôi  
Những người rồi những người  
Thay phiên nhau ngã gục.

Một ngày nào rất gần  
Đến lượt ta nằm xuống  
Đàn con ta lớn lên  
Có còn trông lửa đạn?

Ôi! Mùa xuân thêm buồn

Ôi! Mùa xuân của em

Chiều xuân nào qua phố

Tiếng hát cất êm đềm?

THẾ VIÊN

(Xuân Canh Tuất, 1970)

## TRUYỆN NGẮN, TÂN TRUYỆN VÀ TIỂU THUYẾT<sup>1</sup>

BÌNH NGUYỄN LỘC

*Kính thưa quý vị,*

Tháng rồi, một tờ tuần báo văn nghệ ở Sài Gòn, tờ Khởi Hành, có mở một cuộc phỏng vấn trong làng văn và hỏi mỗi người viết văn lối mười câu hỏi, trong đó có một câu đại khái như thế này: “Truyện ngắn khác tiểu thuyết như thế nào?”

---

<sup>1</sup> Bài nói chuyện tại trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn, do Trung tâm Văn Bút Việt Nam tổ chức, sáng ngày 23 tháng 11 năm 1969.

Vì khuôn khổ của tờ báo có hạn, nên riêng chúng tôi, chúng tôi chỉ đáp vắn tắt thôi, về mỗi câu. Nhưng phiền lắm là sự vắn tắt đối với vấn đề được hỏi, lại dễ gây ngộ nhận. Có nhiều lối tóm tắt một cuộc trình bày dài, mà với riêng cuộc trình bày về truyện ngắn và tiểu thuyết, lại chỉ có một lối, là lối ngắn nhứt.

Chúng tôi đã trả lời như thế này: “Truyện ngắn không khác tiểu thuyết ở chỗ nào hết”. Câu trả lời, thoát mới nghe, thấy có sự mâu thuẫn lớn và rõ rệt trong đó, nên nhiều bạn văn rất ngạc nhiên, ngỡ báo in sai, hoặc chúng tôi đăng trí, nói chuyện vô lý mà không dè. Không ai tin rằng truyện 500 trang lại giống truyện 5 trang được.

Nay nhưn dịp Trung tâm Văn Bút Việt Nam nhờ chúng tôi nói chuyện về một vấn đề văn chương hoặc văn học,

chúng tôi nghĩ ngay đến câu trả lời bị ngộ nhận của chúng tôi, và xin trình bày đầy đủ về vấn đề hôm nay.

Vả lại, nếu chúng tôi không bị ai ngộ nhận, vấn đề cũng nên được trình bày, bởi khi mà có một câu hỏi như vậy thì tức là ý nghĩa của hai loại truyện đó chưa phân minh và có bạn còn muốn biết thật rõ. Thành thử buổi nói chuyện hôm nay không phải là phân trần hay đính chánh điều gì, mà riêng đầu đề câu chuyện đã tự có tầm quan trọng của nó.

Kính thưa quý vị,

Đối với chúng tôi thì đây là một vấn đề cũ, vì cách đây 12 năm, chúng tôi có viết ra thành bài báo, đăng ở tạp chí Bách Khoa. Nhưng quý vị sẽ không phải chịu thiệt thòi mà phải nghe lại chuyện cũ đâu, bởi bài báo đó quá ngắn, mà chúng



tôi lại không còn giữ được. Hôm nay chúng tôi nói dài hơn nhiều, mà không phải là chỉ phát triển một bài ngắn, mà có cả ý nghĩ mới nữa. Và lại tạp chí Bách Khoa năm đó mới chào đời không lâu, chắc có nhiều vị hiện có mặt ở đây, chưa biết tới, thành thử đối với những vị ấy, những bạn ấy, vấn đề hóa ra mới hoàn toàn.

Cả hai danh từ *Truyện ngắn* và *Tiểu thuyết* đều là danh từ mới, danh từ *Truyện ngắn* chỉ mới được tân tạo năm 1933, còn danh từ *Tiểu thuyết* tuy là danh từ của Trung Hoa, có từ đời nhà Chu, nhưng ta cũng chỉ mới mượn trước khi tân tạo danh từ *Truyện ngắn* lối 15 năm mà thôi, mà nghĩa của danh từ đó, từ đời nhà Chu đến khi ta mượn, cũng thay đổi không ngừng.

Như vậy khi nói về hai danh từ của ta, ta không thể không xem qua sơ lược tiểu sử của hai loại truyện mà không phải chính ta bày ra.

Đó là hai thể văn ngoại quốc, nước nào cũng có, không thể biết là nước nào đã bày ra trước, nhưng chúng tôi lại nhắm vào nước Pháp và nước Trung Hoa vì dấu sao cũng phải lấy một hoặc hai quốc gia làm bằng chứng, chớ không thể xét qua hết tất cả mọi quốc gia. Hai nước đó, lại được dân ta biết rõ hơn hết, hơn nữa, họ là quốc gia lâu đời, văn hóa của họ lại cao, thì họ có thể dùng làm chỗ nhắm để ta tìm biết nhiều việc.

Trước hết, chúng tôi xin nói rõ là chúng tôi không đá động tới văn chương lý trí như là Sử, Luận thuyết vân vân, mà chỉ xét về văn chương tưởng tượng mà

thôi, vì truyện ngắn và tiểu thuyết là văn chương tưởng tượng vậy.

Ở Trung Hoa, thời xưa, tức là từ đời nhà Tần trở về trước, văn chương tưởng tượng chỉ có ba loại, truyện ngụ ngôn, thơ và tiểu thuyết.

Ngụ ngôn là gì, tưởng không cần phải giải thích, chỉ xin nói rõ rằng ngụ ngôn Trung Hoa thời cổ chỉ viết bằng văn xuôi mà thôi chứ không hề bằng văn vần.

Thơ thì có khi bằng văn vần, có khi bằng văn biền ngẫu, nhưng phần tưởng tượng trong đó cũng rất ít, chỉ trừ vài bài trong tập Sở từ, như bài thơ Viễn Du của Khuất Nguyên (?) chẳng hạn còn thì toàn là thơ tả tình ngắn, hoặc vịnh cảnh, vịnh đời ngắn. Nhưng chính vì có vài bài Sở từ có kể một câu chuyện nào

đó, mà chúng tôi phải đặt thơ cổ Trung Hoa trong tiết mục “Văn chương tưởng tượng” (Littérature d’imagination) chứ không cho toàn thể Sở từ vào loại thơ.

Tiểu thuyết thì rất nghèo nàn chúng tôi không đá động tới sự kiện dài ngắn mà chỉ kể đến câu chuyện mà thôi. Có những tiểu thuyết, nếu dịch ra Việt văn, không dài tới mười dòng và ông O. Kallenmark Ghéquier, tác giả quyển “Văn học Trung Hoa” phê bình rằng đó là lời tóm lược câu chuyện hơn là tiểu thuyết (Canevas).

Câu chuyện tiểu thuyết của họ thật là nghèo nên không thể tưởng tượng được. Dân Trung Hoa chánh thống, tức người Hoa Bắc, chỉ trọng lý trí và thực tế và rất ghét và rất bận cùng về sức tưởng tượng. Tràn xuống đất Việt ở Hoa Nam, tức ở lưu vực sông Dương Tử và sinh sống ở đó hơn một ngàn năm, trí tưởng tượng

của họ mới nảy nở, nhờ phong cảnh tốt tươi ở đó, nhờ khí hậu ấm ở đó, mà nhất là nhờ dòng máu Việt ở đó biến con người và tâm hồn họ khác đi.

Mãi cho tới đời Lục Triều tức định cư ở đất mới đúng 1700 năm họ mới viết tiểu thuyết dài được, và mới bịa ra truyện thần tiên huyền hoặc được, còn trước kia thì từ cổ tích, ngụ ngôn, đến tiểu thuyết đều ngắn năm mười dòng, mà câu chuyện cũng không ra hồn câu chuyện.

Tình hình văn chương Trung Hoa cổ thời như vậy thì dĩ nhiên là họ chưa có truyện ngắn và cái mà họ gọi là tiểu thuyết, thật ra là truyện rất ngắn, truyện ngắn chẳng đầy gang vậy.

Tĩnh hình đó kéo dài cho tới đời Lục triều, vào năm 385 sau Tây lịch như

đã nói, họ mới có tiểu thuyết và cho tới khi tiếp xúc với phương Tây, họ mới có truyện ngắn mà họ gọi là Đoàn thiên tiểu thuyết. Chúng tôi không xếp những truyện ma của Bồ Tùng Linh vào loại Đoàn thiên vì họ không gọi nó là Đoàn thiên. Nhưng đó là Đoàn thiên thật sự mà họ đã bày ra, chỉ có cái mà họ không gọi nó là Truyện ngắn hay Đoàn thiên gì hết. Họ cứ coi như đó là tiểu thuyết và danh từ Đoàn thiên tiểu thuyết chỉ xuất hiện từ khi họ tiếp xúc nhiều với Tây phương mà thôi, tức sau năm 1911.

Ở Pháp thì xưa có tiểu thuyết, đó là tiểu thuyết hoặc bằng thơ, theo kiểu Lục Vân Tiên, truyện Kiều của ta, thí dụ, Le Roman de la Rose, hoặc bằng văn xuôi như Le Roman Comique v.v...

Thưa quý vị, đề tài là Truyện ngắn và Tân truyện nhưng từ nãy tới giờ, chúng

tôi chỉ nói đến tiểu thuyết, ngỡ như là lạc đề, nhưng thật ra thì câu chuyện tiểu thuyết rất cần để hiểu truyện ngắn. Xin quý vị bền chí.

Nước Pháp có tiểu thuyết, mà đồng thời họ cũng có truyện cổ tích mà họ gọi là Conte.

Tiểu thuyết và Conte của họ, nếu xét theo tinh thần khoa học, thật giống nhau quá sức, mặc dầu một đằng dài ba trăm trang, một đằng chỉ ngắn có ba trang. Nhưng khoa học thì xét tánh cách, chứ không theo dài ngắn, lớn nhỏ. Tiểu thuyết có câu chuyện, có đầu có đuôi, mà truyện cổ tích cũng vậy.

Cổ tích có hơi khác tiểu thuyết một chút là đôi khi nó cắt nghĩa cái gì, một

địa danh chẳng hạn, một nguồn gốc dân tộc, nhưng thường thì cũng chỉ để giải trí mà thôi, y như quan niệm về tiểu thuyết của thời ấy.

Chúng ta đã đi tới vấn đề truyện ngắn rồi đây.

Về sau, lâu lắm, có lẽ vào thế kỷ 19, (chúng tôi thiếu tài liệu trong tay nên phải dùng hai tiếng có lẽ đó, nhưng không hại gì) người Pháp lại tưởng tượng ra nhiều câu chuyện khác hơn là cổ tích và viết ngắn y như là truyện cổ tích vậy, chỉ có khác là bây giờ thì đã có tác giả, còn truyện cổ tích không biết do ai bịa ra.

Họ không biết đặt tên văn thể mới đó là gì, nhưng xét ra thì nó giống một truyện cổ tích, tức cũng có câu chuyện, cũng có đầu có đuôi và cũng cứ là chuyện bịa, nhứt là vì nó ngắn như cổ tích, nên



họ cũng gọi nó là «Conte». Tiếng Pháp Conte chỉ cả hai loại, cổ tích và những câu chuyện bịa ngắn ngắn vào thế kỷ 19 ấy.

Đích thị đó là truyện ngắn. Và đọc giả Pháp không hề lầm lẫn hai nghĩa của danh từ Conte. Họ hiểu đích xác là cổ tích hoặc truyện ngắn, tùy nội dung của cái truyện mà họ đọc.

Danh từ Conte của họ thật sự thì chỉ có nghĩa là Sự kể chuyện, nên họ vay mượn danh từ đó để chỉ hai loại văn mà không gây ngộ nhận, khác hẳn với ngôn ngữ ta mà cổ tích là cổ tích, không thể mượn được để chỉ kim tích.

Vậy thì truyện ngắn đã ra đời ở bên trời Tây, không thể biết đích xác nó ra đời lần đầu tại nước nào, chúng tôi dùng nước Pháp làm thí dụ, chỉ là chuyện sự

bất đắc dĩ thôi, chớ nó có thể ra đời tại Ý đại Lợi hay Tây ban Nha, hai nơi mà sức tưởng tượng của người dân rất là phong phú.

Tánh cách của loại truyện ngắn không phải là cổ tích ấy như thế nào?

Trước hết, nó kể chuyện đời nay chớ không phải đời xưa nữa. Nó lại không cần cắt nghĩa cái gì như là cổ tích. Các nhà văn thuở ấy, chỉ đưa một chuyện ngộ nghĩnh, hoặc ly kỳ để giải trí người đọc, hay để tả niềm đau của ai đó.

Chúng tôi xin trình ra hai thí dụ. Thứ nhất truyện *Boule de Suif* của Guy de Maupassant.

Nước Pháp bị thua trận năm 1870 và bị quân đội Đức chiếm đóng. Một đoàn người đi xe hàng, loại xe do 4 ngựa kéo,

tên là diligence, đi từ nơi này đến nơi khác. Trên xe có một mụ mập béo như một bao gạo chỉ xanh và xấu như ma, lại nghèo nữa, còn thì các phụ nữ khác đều giàu sang xinh đẹp. Họ xem rẻ mụ Boule de Suif lắm.

Xe đi ngang qua một trạm kiểm soát của quân Đức. Quan chiêm đóng hống hách và thường làm khó dễ dân. Nếu không có trà nước thì xe có thể bị giữ lại vài tiếng đồng hồ, nửa ngày hay một ngày, gặp mùa đông thì chết.

Cả xe đều âm mưu dùng mụ béo phì làm vật hy sinh từ hồi lộ cho bọn lính Nhật-nhĩ-man thô tục và đa dâm. Họ đồng ý với nhau xong rồi thì họ bèn làm áp lực cho mụ ta phải gánh lấy cái trọng trách cứu cả xe.

Nếu kể về câu chuyện thì câu chuyện trong truyện ngắn này có đầu có đuôi, rất ly kỳ, và phong phú hơn truyện dài *Les naufragés de l'autocar* của John Steinbeck nhiều lắm. Trong cái thuyết dài của Huê Kỳ đó thì chẳng có gì gay cấn và dôi dào như trong truyện ngắn của Pháp.

Nhưng tiêu biểu nhất cho truyện ngắn thuở xưa là một truyện của Nhất Linh. Pháp cũng có truyện tiêu biểu như vậy, nhưng chúng tôi cố ý chọn một truyện Việt Nam mà ai cũng đã đọc hoặc có thể tìm đọc, để dễ thấy lối truyện ngắn thuở xưa ra sao. Xin nói rõ rằng Nhất Linh là người thời nay, và thuở xưa đây là hình thức thuở xưa, chớ không phải sáng tác vào thuở xưa đâu.

Ngay cả trong lối hành văn và việc dàn bài, Nhất Linh cũng làm giống như các cụ kể chuyện cổ tích, đúng y như

truyện ngắn của Tây phương buổi đầu.

Có lẽ vị nào cũng đã có đọc truyện đó cả, nhưng cũng xin lược thuật lại: có hai chị em nhà kia vốn là con của bần nông quê mùa, sống dưới lũy tre từ bé tới lớn với những thằng Cu, cái Đĩ. Lớn lên cô chị đi lấy chồng, lấy một chú bé con trong làng. Chi tiết về chú bé con này, về phương diện xét tánh cách truyện ngắn của chúng ta hôm nay, thế là đủ. Tác giả chỉ thừa dịp để ám chỉ đến một thói tục ở thôn quê Bắc Việt mà các địa chủ giàu có, cưới dâu 20 tuổi cho con trai của họ mới có 12, cốt để lấy người làm lụng mà khỏi tốn tiền lương. Nếu Nhất Linh nói rằng cô chị lấy một thanh niên trong làng thì tánh cách truyện ngắn của các chuyện của ông cũng vẫn không thay đổi.

Vậy, cô chị lấy chồng, con nhà tử tế, cô làm dâu rất đảm đang và được tiếng tốt khắp cả vùng.

Trong khi đó thì có em đi phiêu lưu ra thành phố vì cô ấy thấy sống ở nông thôn quá cực khổ. Ở đó, cô lỡ bước rồi làm nghề bán phấn buôn hương. Cô ta mang tiếng xấu và cha mẹ, họ hàng, chị em cô xấu hổ lây vì cô. Nhưng quả thật cô khỏi phải bắt chớ cho mẹ chồng rồi giết chớ giữa hai hàm răng, cô khỏi phải mặc rách, khỏi phải làm vợ một thằng bé bụng ỏng và mũi lòng thòng.

Tác giả không có kết luận, nhưng ta có thể hiểu rằng nghèo và quê dốt, cũng bị thâm y như làm kỹ nữ sang trọng.

Chúng tôi bị cháy nhà đến ba lần kể từ năm 1945 đến nay, nên không tạo lại tủ sách được nữa, thành thử chúng tôi

chỉ viết theo trí nhớ, không chắc truyện đó nhan đề là «Hai chị em» hay là «Hai cảnh đời».

Truyện trên đây tiêu biểu cho truyện ngắn buổi ban đầu với những tánh cách này: tác giả kể chuyện đơn giản, không có làm văn chương lần nào hết, nói có lớp có lang, theo lối viết sử biên niên của Khổng Tử, chuyện xảy ra trước kể trước, chuyện xảy ra sau kể sau, chớ không làm rồi nùi đứt đoạn, cũng chẳng tả tình tả cảnh gì, nhứt là có câu chuyện, câu chuyện ấy có thể phát triển thành tiểu thuyết dài năm trăm trang được bởi tác giả kể chuyện từ lúc hai cô còn bé dại cho tới lúc một cô lấy chồng, còn một cô thì trôi nổi giang hồ, câu chuyện xảy ra trong suốt 15 năm trời là thời gian tối thiểu.

Chắc quý vị đã thấy rằng về hình thức thì một câu chuyện như vậy quá giống chuyện cổ tích, nhưng đó là cổ tích kể chuyện đời nay và có tác giả, nên nó mang ý nghĩa và tên là truyện ngắn.

Mặt khác, nó cũng rất giống tiểu thuyết thuở xưa, cũng có đầu có đuôi hẳn hoi, có câu chuyện hẳn hoi.

Cả ba loại đó, tiểu thuyết, cổ tích và truyện ngắn, không khác nhau chút nào hết về tánh cách, hay nói cho đúng, tiểu thuyết chứa đựng nhiều chi tiết hơn, chẳng hạn câu chuyện trên đây mà muốn phát triển thành tiểu thuyết thì phải tả đời sống cực khổ ở nông thôn, tả quan niệm về đạo đức của người dân, tả tâm trạng quen chịu tối tăm cực khổ của họ. Về cô em thì tả sung sướng vật chất của cô với lại tả niềm đau xót âm thầm và tủ nhục của cô mỗi lần cô chột nhớ ra



là cô bị người ta xem như một món đồ chơi, chứ không phải là một con người có nhơn phẩm.

Nhìn vào tánh cách của ba loại truyện đó, thì người Trung Hoa đặt tên rất đúng, vào thuở đó. Truyện ngắn mang tánh cách tiểu thuyết có đầu có đuôi, có lớp có lang thì đó là tiểu thuyết ngắn vậy, và họ đặt nó là tiểu thuyết ngắn, dịch ra Hán Việt thì là Đoản thiên tiểu thuyết, không thể nào đặt khác hơn được.

Ta tiếp xúc với Tây phương rồi nên cũng bắt đầu viết truyện ngắn. Nhưng ta không biết đặt tên nó là gì, bắt chước Pháp thì không thể được bởi danh từ Cổ tích của ta có nghĩa riêng nhất định chứ không mơ hồ như Conte của Pháp, thành thử bắt chước Tây không xong, ta lại quay về với Tàu và vay mượn danh từ Đoản thiên tiểu thuyết của Tàu. Đó là

tình hình xảy ra trước năm 1933.

Chúng tôi nhớ như là những chuyện «Sống chết mặc bay» của Phạm Duy Tốn, những chuyện «Ba hồi kinh dị» của Thế Lữ đều đăng báo vào mục Đoàn thiên tiểu thuyết. Danh từ Truyện ngắn chưa xuất hiện vào đầu cái năm mà báo Phong Hóa tục bản với bộ biên tập mới là nhóm Tự Lực Văn đoàn.

Trong khi ta vừa bắt đầu bắt chước Tây phương thì bên trời Tây, truyện ngắn đã được biến chuyển sang một thể khác. Người ta cũng kể những câu chuyện ngắn ngắn như truyện ngắn, nhưng không còn lớp lang, đầu đuôi gì nữa hết, thường thì cũng chẳng có câu chuyện gì trong đó cả.

Người nào có phận sự tóm tắt những câu chuyện loại đó cho bạn hữu nghe, hay cho đọc giả một tờ báo nghe, phải

khổ sở lắm, chính vì không có chuyện gì trong đó hết. Một ông ngồi uống bước trên vỉa hè quán rượu ở khu Saint-Germain-Des Prés. Ông ta thấy trước mặt của ông ta một cái ót rất khéo của một thiếu phụ, ót đó giống hệt ót của vợ ông ta. Thiếu phụ đang lả lơi với một bạn trai đồng ăm. Ông ta nổi ghen lên, vì chợt nhớ ra rằng vợ mình cũng đẹp như vậy và lả lơi như vậy và khi trưa bà ấy cũng đã nói cười đon đả với một ông khách. Ông ta định đứng lên dông về nhà ngay xem vợ ông ta đang làm gì, thì một cô gái lạ cũng rất đẹp đi ngang qua, có vẻ bơ vơ. Ông ta mời cô ấy uống nước, cô ấy nhận lời rồi giây lát sau cô ta cũng nói cười thân mật với ông ta. Ông ta thấy rằng không cần ghen nữa, bởi có ghen cũng giữ không được, và quyết tâm từ đây bà ăn chả thì ông ăn nem.

Câu chuyện chỉ xảy ra có hai phút rồi chấm dứt, mà thật ra thì chẳng có gì cho ly kỳ hấp dẫn trong đó, không ai biết ông ấy ở đâu; tên gì, làm nghề gì, và vợ ông có lằng lộn thật sự hay không và về sau ông có thực hiện được ý định hay không, bởi không phải luôn luôn mời được người đẹp quá dễ dàng như vậy.

Thật ra thì lối truyện ngắn có cốt truyện hấp dẫn, có đầu có đuôi vẫn cứ còn tồn tại cho đến ngày nay, chớ không bị lối mới này lấn mất hết đất, nhưng nó còn mà nó vẫn bị biến, nghĩa là cốt truyện không còn là việc chính đáng kể nữa, nếu nó có là vì tình cờ, ngoài ý muốn của các tác giả.

Các tác giả chỉ cần tả một tâm trạng nào đó, hoặc diễn một ý nào đó bằng một loại văn tưởng tượng mà thôi chớ không

phải bằng luận thuyết như xưa nữa. Như trong câu chuyện tóm lược lại trên đây thì tác giả tả rất dài về sự ghen bóng ghen gió của một hạng đàn ông có vợ đẹp, rồi lại diễn cái ý rằng người đẹp thường lãng lơ, mà các ông chồng có muốn giữ cũng không được.

Đặc biệt nhất là tác giả viết lộn tùng phèo không có lớp lang gì hết. Thoạt tiên, một cái ót xuất hiện ra, nó tròn, nó trắng, không ai biết ót ấy của ai, xuất hiện nơi nào, trước mắt ai. Rồi thì một chuỗi cười như thủy tinh vỡ vang lên, rồi thì cái lưng ong của thiếu phụ, kế đó một bàn tọa bẽ thế, rồi thì một người nội trợ cũng có tấm thân y hệt như vậy và khi trưa đã nói với khách mấy câu mà cái giọng rất là âu yếm và nũng nịu, rồi thì một kẻ nào đó không biết, sôi gan lên, bóp ly rượu suýt nát ngầu ra, đọc 10

trang rồi, không biết tác giả muốn nói cái gì.

Những nhà văn phương Tây, tạo xong loại văn thể lạ đó, rồi thì họ rất bối rối, không biết đặt tên loại truyện này là gì bởi nó không còn tánh cách Conte nữa. Rốt cuộc, họ tìm được một danh từ thật là mơ hồ là danh từ Nouvelle. Nouvelle là một tính từ biến thành danh từ, lại mang giống cái, đứng riêng một mình nó, thật chẳng có nghĩa nào hết. Nghĩa của nó là «Mới». Nhưng cái gì mới, mới được chớ? Nhưng chính nhờ mơ hồ như vậy mà nó chỉ được loại truyện mới bày, loại này cũng rất là mơ hồ, không thể định nghĩa được, có khi câu chuyện đơn giản, có khi câu chuyện rắc rối bao nhiêu cũng chỉ xảy ra có vài phút thôi, có khi không có gì hết, như nước lã mà khuấy nên hồ.

Nouvelle rất sâu sắc, rất tế nhị, và nhứt là thiên hình vạn trạng, không có tiêu chuẩn gì hết, không thể định nghĩa được. Năm xưa Văn Bút Quốc tế ở Luân Đôn có mở cuộc thi Nouvelle quốc tế. Anh Nghiêm Xuân Việt có dịch một truyện của chúng tôi và khuyên chúng tôi dự thi với điều kiện bỏ bớt một đoạn, vì ban tổ chức Luân Đôn có ra hạn định bao nhiêu ngàn tiếng cho mỗi truyện mà truyện của chúng tôi dài hơn non một ngàn tiếng.

Chúng tôi từ chối dự thi vì chúng tôi thấy Luân Đôn vô lý và phản lại quan niệm Nouvelle là không có tiêu chuẩn nào cho Nouvelle, kể cả sự dài bao nhiêu ngàn chữ. Một tổ chức quốc tế mà quan niệm sai lầm như vậy thì họ không xứng đáng cho mình tham dự vào công việc của họ.

Bấy giờ thì ta cũng tiến theo Tây phương, cũng viết Đoản thiên theo lối mới và ta phải tìm tiếng cho cả ba loại, vì ta học tắt, học tốc hành, phải có tiếng ngay để ta dùng.

Roman thì rất dễ giải quyết, bởi ta cứ mượn danh từ Tiểu thuyết của Tàu là xong.

Conte cũng thế, ta mượn danh từ Đoản thiên tiểu thuyết của họ nói tắt là Đoản thiên.

Chợt Tự lực văn đoàn ra đời. Văn đoàn này muốn làm cái gì cũng mới lạ cả nên bỏ cả hai danh từ vay mượn, tạo ra hai danh từ khác là Truyện dài và Truyện ngắn.

Tự Lực Văn đoàn được hoan nghinh nhiệt liệt nên hai danh từ ấy cho dầu có



sai, cũng cứ được hoan nghinh và phổ biến rộng rãi. Nhưng thật ra thì không có sai bởi vì cả hai đều cứ là chuyện bịa, có đầu có đuôi, một thứ viết dài, một thứ viết ngắn như tiểu thuyết và đoản thiên tiểu thuyết của Tàu.

Nhưng chính Tự Lực Văn đoàn lại làm cho hai danh từ của họ sai. Họ tiến hơn các nhà văn lớp trước họ, đi đến cái chỗ ... được Nouvelle, nhưng lại cứ gọi Nouvelle là truyện ngắn.

Trong Nouvelle không có câu chuyện nào hết thì còn gọi là truyện làm sao cho ổn nữa?

Trong tất cả truyện ngắn của Nhất Linh chỉ có hai truyện vừa kể là thực sự có câu chuyện, đó là truyện mà chúng tôi vừa kể khi nãy, và truyện «Thế rồi một buổi chiều», mà chúng tôi không thuật

lại, vì đã hết cần thiết rồi, bởi các bạn đã có ý niệm rõ về ba văn thể nói trên rồi.

Tới đây thì cảnh hỗn loạn diễn ra, không phải trong nhóm Tự Lực Văn đoàn mà ở các nhóm khác. Người ta thấy danh từ Truyện ngắn không ổn nữa, và Hà Nội và Sài Gòn đều thảo luận không ngớt về danh từ đó trong lúc các bạn văn gặp mặt nhau. Dĩ nhiên là sau đó, người ta canh cải cái danh từ đã hết đúng ấy.

Nhóm gây loạn đầu tiên là nhóm Tinh Hoa của Đoàn Phú Tứ.

Nhóm này trở lại gọi Roman là Tiểu thuyết như trước tạo ra một danh từ mới là Truyện dài để chỉ Nouvelle. Ý ẩn của nhóm đó là cái gì không dài mới là truyện, mà truyện thì có hai thứ: một thứ tên là truyện ngắn như trước đó, có đầu

đuôi, còn loại Nouvelle chuyện lại viết quá dài thì gọi truyện dài.

Đành rằng quả Nouvelle có dài hơn Conte thật sự, nếu in thành sách thì đôi khi dài hơn tới 20 mươi trang, nhưng vấn đề, đâu có phải ở cái điểm ngắn hay dài như quý vị đã thấy theo lời trình bày của chúng tôi trên kia. Vấn đề là tánh cách của loại văn, và hai tính từ Dài, Ngắn không nên dùng tới vì nó gây ngộ nhận.

Chủ trương của nhóm Tinh Hoa hơi kỳ cục. Danh từ Truyện dài, vốn đã được Tự Lực Văn đoàn phổ biến cực kỳ sâu rộng với cái nghĩa tiểu thuyết, bỗng thành linh mang cái nghĩa là truyện ngắn hơi dài, khiến độc giả lạc hướng và bối ngỡ hết sức. Vì thế mà rồi không ai theo nhóm đó cả.

Tính cách của những văn thể đó rõ ràng không nằm ở điểm ngắn hay dài thì có xoay thế nào cũng không ổn. Người ta có thể viết một tiểu thuyết 10 dòng chữ như tiểu thuyết Tàu đời Chu, và một nouvelle 80 trang sách như truyện «Tuyết tan giá rã» của Ilya Erhenbourg thì vấn đề dài ngắn không có chỗ đứng trong những văn thể này.

Trong khi đó thì Trung Hoa cũng bắt đầu viết Nouvelle gọi đó là trung thiên tiểu thuyết, tức cũng ngấm lấy sự dài ngắn làm tiêu chuẩn, tức cũng sai.

Thi sĩ Xuân Diệu, dính líu chặt chẽ với Tự Lực Văn đoàn thì lại gọi truyện ngắn của ông là Tiểu thuyết ngắn.

Xuân Diệu sai nhiều hơn tất cả mọi nhóm khác vì chính truyện ngắn của ông là những truyện nghèo câu chuyện

nhứt thế gian và ông đã định nghĩa cho truyện ông rất hay là không có «chiều hôm trước, sáng hôm sau gì cả». Thế mà ông lại gọi truyện ông là tiểu thuyết ngắn thì thật là kỳ.

Truyện của Xuân Diệu đích thị là Nouvelle, một thứ Nouvelle đi tới hình thức tốt cùng phóng túng của thời đó. Xuân Diệu bị ám ảnh vì sự đo lường, nên cũng cứ quanh quẩn, loay hoay trong những tiếng dài, ngắn.

Lối đặt tên kỳ dị và buồn cười nhứt là của nhóm Sống ở Sài Gòn, của cố thi sĩ Đông Hồ. Nhóm này làm lò chung sự lên trong tờ báo của họ. Họ đặt tên loại truyện đó là truyện vừa.

Nhóm Sống ở Sài Gòn, chỉ bắt chước Trung Hoa mà thôi bằng cách dịch Trung thiên tiêu thuyết ra tiếng Nôm là truyện

vừa, chớ không có gì lạ. Nhưng tỉnh từ vừa nghe dị kỳ hơn trung thiên nhiều quá.

Tới đây thì đã hỗn loạn xà ngầu, thịnh thế của Tự Lực văn đoàn lại bắt đầu suy giảm, nên anh hùng cát cứ mỗi nơi, chia năm xẻ bảy, như nước Tàu dưới thời Chiến quốc. Chỉ có một văn thể mà bốn nhóm gọi bằng bốn lối khác nhau: Truyện ngắn, Truyện dài, Tiểu thuyết ngắn và Truyện vừa, nhiều người đọc thường, không thạo văn nghệ, đến phải điên cái đầu.

Năm 1943, ở Sài Gòn có một tờ báo hằng tuần, tìm được và dùng ngay, một danh từ thật ổn mà một số báo Hà Nội cũng theo, nó là danh từ Tân truyện, danh từ này có nghĩa mơ hồ y như Nouvelle, lại cũng mang một cái ý tương đương với

Nouvelle là Mới. Danh từ được toàn thể chấp thuận và được dùng ngay.

Vì đó là tờ báo văn nghệ của năm 1944, tức phải là báo bán không chạy, rồi lại bị biến cố 1945 làm cho thiên hạ quên cái danh từ hết sức ổn thỏa ấy, ít được người ta theo.

Lối năm 1946, ở Sài Gòn có tờ hằng ngày Dân Quí, dịch ra Nôm danh từ Tân truyện là Truyện mới, lại càng không được theo hơn, vì Truyện mới quá rõ nghĩa. Phải mơ hồ như là Tân truyện kia, mới ổn.

Danh từ rất tốt nói trên, từ năm 1950 đến nay, chỉ được có một mình chúng tôi bênh vực bằng cách đưa nó lên báo mỗi tuần, nhưng mặc dầu chúng tôi viết nhiều, cũng không địch nổi bao nhiêu là báo khác, họ cứ dùng danh từ này hay

danh từ nọ trong 7 danh từ đã được bày ra, và xin nhắc lại:

Thứ nhất    Đoản thiên tiểu thuyết

Thứ nhì     Truyện ngắn

Thứ ba      Truyện vừa

Thứ tư      Truyện dài

Thứ năm    Tiểu thuyết ngắn

Thứ sáu     Truyện mới

Thứ bảy     Tân truyện

Kể ra thì cũng vui đó, chỉ có một món hàng mà hiệu này gọi khác hiệu kia, ban cho nó tới bảy tên khác nhau, tưởng không có vật gì mà được chú trọng đến thế, trên đời này.

Chúng tôi không thấy trong nước ta hoặc trên thế giới, từ Đông sang Tây, từ



cổ chí kim có vật nào, có con thú nào, nơi chốn nào mà giàu tên như vậy bao giờ.

Sở dĩ người ta cứ nấu chè nấu xôi đặt tên lại mãi là vì những tên trước không ổn, chớ ai dư công đâu mà bỏ ra cho một chuyện vật như vậy.

Nhưng theo chỗ quan sát, theo dõi, của chúng tôi thì trong vòng vài ba năm nay, danh từ Truyện ngắn của Tự Lực Văn đoàn thắng thế rõ rệt. Có sự thắng thế ấy vì các anh thư ký tòa soạn biết Tự Lực Văn đoàn nhiều hơn là biết các nhóm khác, Tự Lực Văn đoàn lại vào chương trình giáo khoa, các sách ngành văn học sử theo danh từ của họ mà viết lách, thành thử danh từ của họ càng năm càng được vững chơn đứng.

Mặc dầu cứ tiếp tục dùng danh từ Tân truyện chúng tôi cũng nghiêng mình trước số đông bởi vì danh từ do dân chúng và số đông tạo ra, sai cũng chẳng sao, nó chỉ gây ngộ nhận và lộn xộn vài mươi năm rồi thì vững địa vị, và ai cũng hiểu nghĩa thật đúng của danh từ sai ấy cả thì không cần phải sửa lại làm gì.

Chúng tôi không hề khó chịu mà thấy danh từ sai là danh từ Truyện ngắn được thẳng thắn vì, như ông Hoàng Xuân Hãn nói, ngôn ngữ của dân tộc nào cũng đầy dẫy những vô lý, những sai lầm, mà rồi rút cuộc cũng chẳng ai có việc gì cả.

Tất cả đều do lỗi hiểu của đa số vào một thời nào đó, lỗi hiểu ấy đôi khi một trăm năm sau, khác rất xa lỗi hiểu trước đã biến mất rồi không còn dấu vết nào hết. Chúng tôi lấy thí dụ tên chồng của bà Trưng Trắc. Ta cứ yên chí rằng ông

ấy tên là Thi Sách. Chợt cách đây 5 năm, một sử gia Việt Nam bỗng khám phá ra rằng trong một quyển sử Tàu đời Hán, có chú rằng ông ấy chỉ tên là Thi mà thôi, còn Sách thì là động từ có nghĩa là cưới vợ, tức cưới bà Trưng Trắc. Động từ đó, chắc là động từ cổ, tới đời nhà Hán thì mất nghĩa mà cả người Tàu lẫn người Việt cũng không hay biết, cứ tưởng đó là tên người.

Danh từ, thay đổi theo thời, mà cũng theo xứ nữa, chẳng hạn như ở các quốc gia dùng Anh ngữ thì Truyện ngắn họ gọi Truyện ngắn, bất kỳ viết theo lối cổ có đầu có đuôi, hay viết rồi mù theo lối kim. Đó là danh từ Short Story. Như vậy thì ta giống Anh và Mỹ rồi. Nhưng còn tiểu thuyết thì họ lại gọi là Nouvelle. Cái mới là chương đời. Nhưng chương đời mà họ hiểu đúng nghĩa của chứa đựng

của văn thể, thì họ cũng cứ mạnh về đường văn nghệ như thường.

Ở Nam kỳ, danh từ Thơ có nghĩa là tiểu thuyết dài bằng thơ, như Kiều, Lục Vân Tiên, Bích Câu vân vân, tuy có khác ở Trung, Bắc, nhưng đâu có sao.

Thành thử buổi nói chuyện hôm nay, không có mục đích bình vực cho danh từ nào mà chỉ để vẽ lại lộ trình biến hóa của một danh từ, và nhứt là để định nghĩa danh từ Truyện ngắn mà một tờ báo đã hỏi chúng tôi, nhưng chúng tôi không được cho đủ giấy để trả lời.

Cái thể văn mà chúng tôi gọi là Tân truyện và đa số gọi là Truyện ngắn ấy, cứ còn biến chuyển mãi và không biết nó sẽ đi tới đâu. Đừng nói chi ở các nước gọi là tiên tiến, ngay như ở Sài Gòn, nó cũng đã biến hóa rất đủ rồi. Chúng tôi xin lấy

thí dụ một Tân truyện của nhà văn Kiêm Minh, nhan là Ngày thứ nhứt, trong đó một cô gái đi, cô Tuyết, cô ấy nói suốt 12 trang, dĩ nhiên là nói cho người khác nghe, nhưng thật ra là nói một mình. Cô ấy chỉ có nói, không có làm gì hết. Mà người đàn ông nghe cô ta nói, cũng chẳng có làm gì hết. Thế rồi chấm dứt, không có động tác, không có câu chuyện. Vậy mà đó là một truyện hay nổi tiếng, được hầu hết người trong giới công nhận như vậy.

Nếu không dùng tỉnh từ dài ngắn gì hết, nội cái danh từ truyện cụt ngắn, cũng chẳng đúng với cái truyện không có truyện đó. Vậy thì tưởng nạo óc cho lắm để tìm cho nó một cái tên đúng, chỉ là việc lãng phí sức lao động của trí não mà thôi. Nó giống như con vịt trong câu chuyện anh thơ lại nịnh quan ngày

xưa. Anh ta đi theo quan tuần thú, thấy con vịt ngủ, đứng một chơn. Anh ta gọi quan để chỉ cái sự lạ đó thì con vịt giật mình thôi ngủ và đứng bằng hai chơn như thường. Truyện ngắn cũng biến hóa nhanh chóng trong lúc ta đang cặm cụi định nghĩa nó, viết xong một câu định nghĩa là nó không còn là nó nữa rồi.

Có điều này cần nói ra là những nhà văn có thực tài, họ bất chấp hình thức và không câu nệ về hình thức. Họ không ngại thỉnh thoảng trở lại hình thức ban đầu của năm 1850. Sở dĩ Nhất Linh viết truyện Hai chị em theo lối các cụ kể chuyện cổ tích, không phải là nhà văn đó không biết viết theo lối tân kỳ, mà vì cái đề tài đó phải được trình bày ra như vậy nó mới hay.

Những nhà văn chạy theo mốt, khai thác đề tài đó theo lối không đầu

không đuôi ngay nay để được xem là mình không xưa, là mình chạy theo kịp phong trào, thì hỏng bét.

Còn những nhà văn có thực tài mà họ sử dụng hình thức lộn tung phèo, là cũng cứ tại để tài bắt buộc, chứ không phải vì họ lập dị. Làm văn nghệ mà chạy theo mốt và lập dị thì không thể thành công bền. Có được hoan nghênh một lúc rồi cũng chẳng còn gì.

Nữ văn hào Pearl Buck của Huê Kỳ, trong tiểu thuyết «Gió Đông, Gió Tây», bà cũng cứ kể chuyện một cách thật thà như là một chị bán chạp phô, không hề biết văn chương là gì. Bà ấy không có làm văn chương gì hết, nhứt là không có theo phong trào, theo hình thức mới nhứt nào cả. Vậy mà tác phẩm của bà cứ bất hủ như thường.

Còn văn hào Marcel Proust, qua 3.819 trang giấy, ông ấy nói chuyện trên trời dưới đất lung tung, không đầu không đuôi gì hết ráo, không phải vì ông ấy nghĩ rằng phải làm như vậy mới hay, mà tại đề tài của ông nó bắt buộc ông làm như vậy, chỉ trong tác phẩm đó mà thôi.

Đề tài và hình thức liên hệ mật thiết với nhau, cũng như cơm mỡ phải nấu bằng tay cầm mới ngon, kể cả các hiệu ăn sang trọng mắc tiền nhứt ở Sài Gòn cũng dọn cái tay cầm đất ra trước bao nhiêu khách hào hoa tú xú, ông Huê Kỳ cũng phải ăn trong tay cầm đất. Nhưng đừng tưởng món khác cũng dọn bằng tay cầm đất mới là bánh. Cho người ta uống Champagne, chớ cho uống ly dành cho rượu đế.

Tất cả bí quyết nằm ở chỗ chọn hình thức cho hợp với đề tài, mà bí quyết ấy,



có muốn nói ra, cũng không được, vì nó tùy thính hơi của nghệ sĩ, không ai bảo ai được hết.

Tóm lại cái «loại đó», tên được phổ thông nhất ngày nay ở xứ ta là Truyện ngắn. Nhưng Truyện ngắn thì thiên hình vạm trượng, mà không có hình thức nào là quê mùa hủ lậu, hình thức nào là tân kỳ hết. Hễ dùng sai thì truyện hóa dở, dùng đúng thì truyện thành hay.

Còn truyện ngắn khác với tiểu thuyết như thế nào? Đó là câu hỏi chánh của tờ báo Khởi Hành.

Cứ theo cái đà biến của chính tiểu thuyết thì nó cũng chẳng khác với truyện ngắn ngày nay. Cả hai đều không đầu không đuôi, lộn tung phèo như tơ vò, không có câu chuyện nào hết và không thể thuật lại cho người khác nghe. Cái

hay của nó là ở chỗ lật vặt chứ không phải trong câu chuyện như cái hay của loại tiểu thuyết của Alexandre Dumas của Hồ Biểu Chánh ngày xưa.

Như vậy hóa ra xưa và nay gì hai loại đó đều không thể khác nhau, xưa thì cả hai đều lấy cốt chuyện làm lý do tồn tại, nay thì cả hai đều trình ra những cái khác hơn là câu chuyện.

Có những tiểu thuyết không có cả nhơn vật, hoặc có nhơn vật mà tác giả không buồn đặt tên cho y là Chàng Này hay Nàng Nọ.

Nhưng thông thường thì dầu sao tiểu thuyết cũng có bóng mờ của một câu chuyện nào đó, rất là mong manh, nhưng vẫn cứ có. Không nói chuyện bên Tây bên Tàu cho xa, là cứ xét ngay trong

văn chương ta và lấy quyển *Lạnh Lùng* của Nhất Linh làm thí dụ.

Chúng tôi nói đến Nhất Linh nhiều quá, có vẻ bất công với các bạn trẻ ngày nay, mà đôi bạn rất là có tài. Nhưng Nhất Linh được nhiều người biết hơn, tác phẩm của ông được dùng làm thí dụ thì người ta dễ thấy ý của mình muốn nói hơn.

Đố ai kể lại chuyện *Lạnh Lùng* cho được. Nỗ lực lắm, chúng tôi có thể tóm tắt như sau: Một góa phụ còn rất trẻ và rất đẹp ở với mẹ chồng. Bà này không thích dâu bà tái giá, mà biết mình không đủ quyền lực ngăn cản, nên cứ đề cao cái sự thủ tiết là cao quý. Cô dâu bị mắc bẫy vì chiến dịch đề cao ấy, không dám thoát ra. Nhưng rốt cuộc cô chợt thấy rằng quá vô lý. Tấm bia “Tiết hạnh khả phong” chỉ

là ích kỷ của bọn đàn ông đã chết và thân quyến còn sống của họ, mà góa phụ nào nghe theo luân lý đó thì phải thiệt thân chịu cảnh lạnh lùng từ năm 21 tuổi đến lúc bạc đầu.

Bóng mờ của câu chuyện kể ra trên đây, phải nỗ lực lắm mới kể được, chớ trong tiểu thuyết, nó không quá rõ rệt như vậy đâu. Người đọc vội, không thể thấy được cái bóng mờ đó, không có sáng hôm trước chiều hôm sau gì hết, không có một chút xíu ly kỳ, gay cấn nào cả.

Tuy nhiên, dầu sao cái bóng mờ đó vẫn có. Chớ như nói truyện ngắn loại không cổ thì tuyệt đối chẳng có gì hết. Chính cái truyện ngắn mới nhứt đăng báo ở vào tháng trước của chúng tôi là như thế này: Một anh Ấn Độ nghèo, sáng ra đi qua cửa hàng điểm tâm bình

dân, do dự rồi rốt cuộc ăn lầm vố. Thật là hoàn toàn không có gì cả.

Không có gì, nhưng mà vẫn có, nếu không, các báo họ đâu có mua cho mình. Nhưng cái có đó, không phải là câu chuyện.

Sự gặp gỡ của tiểu thuyết và truyện ngắn vào thời xưa và ở thời nay, chính là ban đầu cả hai đều có câu chuyện y như nhau, và sau đó, cả hai đều không có câu chuyện y như nhau.

Nhưng không có câu chuyện không phải là điều kiện tiên quyết làm cho một tác phẩm có giá trị đâu. Tuyệt đối không phải như vậy. Cốt là phải có những cái khác, còn có câu chuyện hay không, chỉ là chuyện phụ thuộc, hoàn toàn không tăng giá cũng không hạ giá một tác phẩm.

Có nhiều nhà phê bình ta quan niệm sai lầm rằng có câu chuyện là dở, cho đến đổi người đọc sách giải trí bị ảnh hưởng quan niệm đó, vứt sách có câu chuyện, không đọc tới nữa, vứt ngay vì thành kiến sai lầm trên.

Đã bảo đó là chuyện phụ thuộc thì làm sao mà đánh giá một tác phẩm trên điểm phụ thuộc được. Nếu rủi ro một tác phẩm có câu chuyện ly kỳ mà đồng thời nó cũng chứa đựng những cái khác rất dồi dào, rất phong phú thì nhận xét bằng thành kiến trên kia, có phải là oan ức cho tác phẩm đó hay không?

Truyện Kiều có câu chuyện mà câu chuyện lại rất ly kỳ, nhưng có vì thế mà tác phẩm của Nguyễn Du mất giá bao giờ đâu nào! Trái lại nữa, câu chuyện cũng rất cần nếu Nguyễn Du viết Kiều theo lối Chinh phụ hay Cung oán thì thơ của

Tiên Điền có hay bao nhiêu, truyện Kiều chắc cũng chẳng được cái địa vị lớn như ngày nay.

Người ta đứng ở hai thái cực để mà đánh giá một văn phẩm: một phái thờ câu chuyện như thần thánh, một phái xem câu chuyện như là vi trùng dịch hạch. Cả hai thái cực ấy đều là thành kiến cực đoan.

Kính thưa quý vị, chuyện văn nghệ thì nói tới bao giờ cũng chưa xong. Người ta đã cãi nhau từ mấy ngàn năm nay mà nào có dứt khoát gì đâu. Như vậy, những gì chúng tôi trình bày hôm nay, trừ lịch sử biến chuyển của các danh từ, còn thì là quan niệm chủ quan của riêng chúng tôi, chứ không hẳn là sự thật. Xin quý vị biết cho rằng chúng tôi không quá tự tin, không cuồng tín và hôm nay quý vị nghe chơi để biết thêm ý kiến riêng một

cá nhor vậy thôi. Chúng tôi luôn luôn  
nghiêng mình trước quan niệm của đa  
số. Và xin đa tạ quý vị đã bỏ các cuộc vui  
khác, ly kỳ hơn, để nghe một câu chuyện  
có hơi buồn ngủ.

Xin kính chào quý vị.

BÌNH NGUYỄN LỘC





## NHỮNG BÀI LỤC BÁT Ở QUÊ NGƯỜI

Du Tử Lê

1

Đón đau tôi ứa lệ chào  
cây khô trên ngọn gốc hao dùng người  
nằm co chân chạm ván đời  
tay bưng ngực mỏng kéo hơi thở buồn  
râu cùng tóc mọc, như gươm  
rạch đâm ngang mặt những đường máu  
thâm

nhớ người rét buốt đêm cam  
sương sa kinh phẳng đã đầm ìa tuôn

2

đến đây nắng cũng lạ người  
chân đi dưới phố hồn ngời tháp cao  
tôi như quái vật chốn nào  
ngu ngơ lẫn lạc bước vào cõi âm  
rùng rùng những bóng đã nhân  
đi qua đi lại bước chân ngoài đời  
bỗng thềm khát một tiếng thôi  
bỏ tiền vào máy nghe lời... “chào ông”.

(San Francisco, 10-69)

## NGÀY ĐÓN CÂY VÚ SỮA

Dương Nghiễm Mậu

**B**ÊN KIA BỜ SÔNG CỦA QUẬN LÝ LÀ MỘT XÓM nhỏ, những căn nhà thưa rải rác trên những khoảng đất trống không đều, có khoảng đất được canh tác, có khoảng bỏ cỏ hoang, những cây ăn trái và ít gốc dừa nước rải rác theo với mép sông nước ròng, có mấy con kinh nhỏ đưa nước vào sâu trong xóm. Trong khu xóm có một ngôi nhà ngói cũ, ba gian, một sân gạch

nay đã hư nát, ngôi nhà ở phía ngoài đường liên tỉnh để tới đầu cầu đưa vào thị trấn. Trong khoảng vườn rộng của ngôi nhà có trồng một cây hoàng lan lớn. Ngôi nhà có một khoảng mái bị đạn nay được vá bằng một tấm tôn sáng bóng. Cách với ngôi nhà không xa, bám vào con đường liên tỉnh có một ngôi trường học nay bỏ hoang với mái ngói sụp đổ và là nơi những toán quân ngang qua vẫn coi chừng bằng cách nổ những loạt đạn bâng quơ vào trong những tường gạch đã cũ vì mưa nắng và um tùm những cỏ dại.

Một người đàn ông đứng tuổi đạp chiếc xe đạp cũ vào thẳng trong sân ngôi nhà, trời đã chiều, toán dân vệ từ đồn nơi đầu cầu đi hàng một dọc theo con đường khởi đầu chuyến kích đêm ngoài vòng đai bảo vệ quận lỵ. Người đàn ông

chậm chạp ngừng xe lại trước cửa nhà, nhẹ nhàng bước xuống rồi nhấc chiếc xe lên hiên, đẩy cửa bằng bánh xe trước vào trong căn nhà đầy bóng tối. Tiếng người đàn bà:

– Ai đó?

– Không có, tôi đây, sao bà không đốt đèn lên một chút...

Tiếng bước chân nặng nhọc từ trong nhà vọng ra. Người đàn ông lúi húi mở dây chiếc bao đèn phía sau chiếc xe. Người đàn bà già yếu, da xanh đứng tựa nơi cửa vào nhà trong:

– Thằng hai nó gửi cho bà ký hòm, thằng nhỏ mới sinh thật ngộ, nó đen khoẻ như cha nó vậy, đôi mắt tròn quay dễ thương hết sức, thằng hai nói sẽ về

đón bà lên ở với bọn nó, nó la tôi quá trời đất, bọn nó đâu có hiểu gì...

Người đàn bà lặng lẽ đón lấy những trái bôm tím ngon lành, hơi thở mệt nhọc, người đàn ông bật hộp quẹt châm lửa vào ngọn đèn huê kỳ nhỏ để trên bàn thờ, ánh sáng vàng ủa lan ra căn nhà trống:

– Bà ăn gì chưa.

– Ông ăn cơm với bọn nó rồi há.

– Ủa, ăn cơm sớm, thằng hai còn bận vào trại, tội nghiệp con vợ, người làm không có, trông vào con gái lớn một chút, cái hôm nó sinh may nhờ có hàng xóm người ta giúp cho không thì đẻ ra nhà, rồi ngày ngày ngày thằng hai phải về mà bới cơm cho vợ, bọn nhỏ thì không

có ai coi hết, mình mà ở trên đó cho bọn nhỏ, thật cực hết sức...

– Tội nghiệp...

Người đàn bà nói buông thông, người đàn ông cầm chiếc mũ vải đập đập trên tay rồi móc lên chiếc đinh đóng nơi tường mé gần chiếc bàn lớn dài bằng gỗ đã cũ. Người đàn bà đi ra ngồi xuống ghế:

– Ông có nói chuyện hồi hôm cho thằng hai nó biết không?

– Có...

– Nó nói sao?

– Nó nói mình lên trên đó ở với bọn nó.



– Thế còn nhà cửa, còn thằng tư...

– Thì tôi cũng nói vậy, nhưng nó nói nhà cửa mà làm gì, còn người còn của, chuyện thằng tư thì... coi như nó chết rồi.

– Chết rồi, nó rửa em nó vậy được sao, đằng nào thì cũng là em nó, tôi thương nó...

Tiếng nói chùng thấp nhợt nhạt, tiếng thở dài của người đàn ông. Thấp thoáng ngoài cửa bóng ngọn đèn lay động mơ hồ.

– Thằng hai nói chuyện ở trong quận người ta hỏi mình, làm rộn mình một chút là chuyện không thể tránh được, mình ở ngay chẳng hơi đâu mà sợ, nhưng tôi nói, tôi lo cho thằng tư, hồi này đã lâu

rồi không thấy nó về, chắc là khó khăn, bà thấy đó, tối đến lính họ nằm ngoài đường lộ, tối không còn nghe thấy sữa, không biết hồi này nó thế nào, tôi lo nó chết bờ chết bụi mất xác...

– Thời buổi loạn lạc...

Người đàn bà đi vào nhà trong, người đàn ông ngồi im một lấy ra hộp thuốc vắn hút, ngậm khói đục trắng lơ lửng không muốn tan. Nghe từ xa, ngoài sân có tiếng gà gọi nhau lên chuồng. Đêm đang xuống... Người đàn bà lấy chiếc tô lớn múc cháo từ trong chiếc soong nhôm ra, mầu gạo đỏ lơ lơ, ngọn đèn nhỏ leo lét trên mặt chiếc bàn cũ đã đen lại, gian nhà rộng mênh mông mịt mù trong ánh sáng nhờ nhờ đau yếu... Người đàn ông cài cửa nhà ngoài trở vào nằm trên bộ ngựa lớn nơi góc phòng. Tiếng nhai của

người đàn bà chậm chạp rời rã.

– Thế bà có tính lên trên đó với thằng hai không?

Không khí im lặng kéo dài, tiếng con muỗi bay quần vào gần vành tai khó chịu. Người đàn bà ngừng lại, nhìn vào ngọn đèn. Chiếc bóng thủy tinh có những bọt không đều nhau, phía trên khói đã bám đen thành một vòng đều. Người đàn ông bắt tay phải lên trán che hết ánh sáng trên đôi mắt vẫn còn mở lớn không động đậy:

– Tùy bà, tôi sao cũng được, thật tôi cũng không còn ruột gan nào mà nghĩ, bà tính coi...

Người đàn bà theo dõi mấy con muỗi cỏ đang bay quanh ngọn đèn, có

lúc chúng đập vào bóng đèn nóng loạng quạng một lúc rồi lại tiếp tục bay vòng quanh...

\* \* \*

Người đàn ông kéo chiếc ghế dài lùi xa chiếc bàn một chút, rồi ngồi xuống, người thanh niên mặc áo quần màu lục sẫm cầm cúi đọc tờ giấy bỏ trên bàn lúc lâu mới ngừng lên người đàn ông trước mặt, tóc cắt cao không chải, có những ngọn tóc dựng đứng, hai bên tóc mai nhiều những sợi bạc, nước sa xám, những vết nhăn, đôi mắt kèm nhèm, chiếc áo bà ba đen đã cũ, chiếc khăn ca rô vắt trên vai nhàu nhượi, hai bàn tay khăng khiu bỏ trên mặt bàn và cái nhìn lơ đãng:

– Bác còn cậu con đi theo Giải phóng phải không?

– Dạ, nó là thằng tử, thằng con trai út của tôi.

– Anh ấy đi hồi nào vậy?

– Có hơn hai năm, hồi quận chưa có.

– Lâu nay có về nhà không?

– Dạ không.

– Bác cứ nói thật đi, không sao đâu, tôi muốn bác nói anh ấy nên về chiêu hồi đi, về làm ăn không sao cả...

– Dạ, lúc trước nó về tôi có nói, nhưng không được, vợ chồng tôi coi nó cũng như chết rồi...

– Sao bà con lối xóm nói nói đây anh ấy có về thu thuế mà, tôi hỏi thật bác,

nếu anh ấy có trốn ở trong nhà thì bác không nên giấu chúng tôi...

– Chết, đâu có, lúc trước cũng có đôi lần nó về, về ban đêm chốc lát rồi đi, khổ lắm, nó về thì chỉ thấy xin tiền bạc mà vợ chồng tôi thì có gì nữa, ruộng vườn bỏ cả, vợ chồng tôi cũng tính lên hẳn trên quận ở với thằng hai trên đó, nó làm việc trên quận, chắc ông biết...

– Dạ, chúng tôi có biết báo có người con cả làm việc ở trên

– Hồi trước nó suýt chết vậy đó ông, trước đây nó về thăm tôi, vừa ra khỏi nhà thì mấy ông du kích ập vào bắt nói nó làm mật thám cho đế quốc, mấy ông ấy cũng bắt chúng tôi kêu nó về với nhân dân, với giải phóng... Vợ chồng tôi thì già, sinh con ra lớn lên bọn nó là gì thì

làm chúng tôi nào có biết, ông nghĩ coi, rồi sau đó tôi được biết giải phóng kết án tử hình nó, từ đó tôi đâu có dám cho nó về, ông tính... (đó là những khuôn mặt dữ dằn, tiếng nói quen thuộc, quần áo nhem nhuốc, bất chợt có mặt và mất đi thật nhanh trong đêm tối chỉ để lại những tiếng chó sủa trong đêm thanh vắng, kẻ bị bắt được nói cho đi học tập, hoặc được mang ra ngoài vườn sau và một mũi dao thích vào bụng hoặc một tràng đạn nổ vào ngực, con ông Năm trong xóm được mời đi học tập, hai hôm sau thấy xác nổi trôi tấp vào bờ sông hai tay bị trói giật sau lưng....)

– Bác nên khuyên anh ấy về, không thì e khó sống được nếu còn quanh quất ở đây, bác biết tên xã ủy không, hẳn bị hạ rồi, hôm đó bọn tôi nhanh thì con bác

cũng bị hạ, may thoát. Bác biết chúng tôi về đây để giữ cho làng ấp được yên, bác coi hồi này đâu có bị phá rồi, thu thuế, thu thóc như trước.

– Dạ, cũng nhờ ơn mấy ông...

– Mong bác ráng khuyên anh ấy, nếu không được khi nào anh ấy về bác mật báo cho chúng tôi.

– Dạ, nhưng tôi chắc nó cũng chết rồi.

– Không đâu anh ấy còn sống, người ta còn nhận được mật anh ấy mà, bác không nên che chở cho đứa con hư ấy nữa. Và bác cũng đừng tiếp tế cho họ, nếu không bác cũng liên lụy, chúng tôi biết bác là người làm ăn lương thiện, chúng tôi cũng biết con lớn của bác mà.



– Dạ, cảm ơn mấy ông hiểu giúp cho vợ chồng tôi.

Người thanh niên mở xấp giấy lấy ra một bức hình đưa về phía người đàn ông:

– Bác có nhận thấy mặt con trai bác không, đó, anh ta vác khẩu súng nơi vai, người đứng giữa là tên xã ủy chúng tôi mới hạ được, còn tên này nữa, nó là bí thư xã, nó đã bắn mấy người ở trong xã, chúng tôi đang tìm hắn, bác nhận mặt rõ chưa, nếu gặp hắn thì bác báo ngay cho chúng tôi và đừng bao giờ chứa hắn, hắn đã giết người.

– Dạ... (thằng tư mặc đồ bà ba đen, đầu trần, vai khoác khẩu súng ngắn gọn, nó đang tươi cười bá vai tên bí thư, tên giết người, sao hình hồi nào mà trông nó

khỏe và trẻ quá, sau này nó gầy đi nhiều mà có thấy nó mang súng như vậy bao giờ đâu).

Người đàn ông ra khỏi nhà hội đồng lúc mặt trời đã đứng bóng. Nhắc chiếc xe đạp quay đầu ra ngoài rồi nhẹ nhàng leo lên và đạp ra con đường đất để ra con đường liên tỉnh. Khi chiếc xe vào đến sân, ngừng lại dưới hiên để nhắc chiếc xe vào nhà, người đàn ông nhận thấy hai chân hơi run và ù nơi hai mang tai, những giọt mồ hôi chảy ròng xuống cổ. Buổi trưa im vắng và nóng...

\* \* \*

Người cha ngồi hút những hơi thuốc đây, nhìn lơ đãng vào khoảng không. Người con ăn, nhai vội vã, bàn ăn chỉ còn một mình người con với những bát

chén ngổn ngang của những người đã xong bữa.

– Thôi ba đừng nghĩ gì cả, coi như không có thằng tư... Nào đâu mọi người không nghĩ đến nó.

– Nhưng đằng nào thì nó cũng là em mày...

– Vậy bây giờ bảo con phải làm sao? Thời buổi mà anh em phải bịt mặt mà giết nhau. Hồi về nhà may mà con không bị bắt, nếu không thì ba tính... Bây giờ con muốn ba lên ở luôn trên này với bọn con, thế là xong, nhà cửa thì nhờ bà con ở dưới vậy...

– Nhưng má con không muốn đi, bà ấy thương nó...

Người con bỏ chén bát đứng lên khỏi bàn ăn. Người cha vẫn ngồi im nhìn lơ đãng trên mặt bàn. Người con đi xuống nhà mang lên hai ly nước trà, một ly cầm nơi tay, một ly để trước mặt người cha. (Khi đi làm trở về người nhà đưa cho một lá thư, nét chữ quen của người em ruột: Mặt trận đã tuyên án xử anh, mong anh hồi tâm trở về thì sẽ được khoan dung, nếu không thì em cũng không thể cứu được anh. Cùng với phong thư có kèm theo một trái lựu đạn đã thối).

– Con nghĩ chắc thằng tư cũng không còn ở trong vùng nữa, bây giờ đâu có dễ gì mà lọt được trở lại vùng bình định, ba má có ở lại cũng không giúp được gì cho nó đâu, mà ba má thì già rồi, mình lên trên này hồi nào yên hẳn thì về, nhà cửa ruộng vườn còn đó chứ ai lấy đi được mà lo.

– Thôi được rồi, đề rồi ba thu xếp, nhưng con có cách nào gọi nó về được không?

– Cách nào, biết nó ở đâu mà tìm, mà gặp nó nói nó chịu về không, thì ba má cũng đã nói với nó rồi. Nhà mình ba má được hai đứa, giá yên bình thì con cũng ở nhà làm ăn chứ có sao, nào đâu phải con xung phong đi lính, lệnh đi thì đi, cũng may là con chưa phải cầm súng mà đi kiếm nó, nó có số phần của nó... Con chỉ là nó quanh quẩn đầu đó...

Người cha uống một ngụm nước, đứng lên dời khỏi bàn ăn tới ngã lưng xuống chiếc ghế vải để ở bên cạnh tường. Người con vặn máy thu thanh, tiếng hát vang lên đầy căn nhà rộng. Người con ngồi xuống chiếc ghế thấp cầm lấy tờ báo đọc. Đứa trẻ sáu tuổi từ trong nhà chạy

ra lẫn vào lòng người con. Người con bỏ tờ báo xuống:

– Thôi mà, làm nũng gì đây nữa, lại chơi với nội đi, thôi mai theo nói về vườn mà ăn trái cây, mùa này có vú sữa rồi đó.

Đứa trẻ nằm im mở mắt nhìn nghiêng tới ông nội nó đang trầm ngâm hút thuốc. Người con vuốt tay lên đầu đứa trẻ... Người đàn bà từ trong nhà đi ra:

– Ba vào trong giường nghỉ trưa cho khoẻ.

– Thôi ba nằm ngoài này cũng được, chút ba về rồi.

– Mai ba lên?

– Ủa để xem đã, còn nhà cửa ở dưới...

– Hay để mai còn xuống đón ba má luôn thể, mình kiếm một chuyến xe lam, còn đồ đạc lếch thếch, má thì yếu...

– Con khỏi lo, con đi về rồi ai coi bọn nhỏ cho, ba khỏe mà lo chi.

Người đàn bà bế đứa nhỏ đỡ nó đi ngủ, người đàn ông vuốt tay lên má nựng nó giọng ngọt ngào. Đứa nhỏ bị nhột cười khích khích khi người đàn bà bế nó vào nhà trong. Không khí căn nhà trở lại im vắng.

\* \* \*

Buổi chiều người đàn ông đạp chiếc xe chậm chạp vượt qua cây cầu chiếc xe không chạy thẳng, vòng xuống phía dưới, gần với bờ sông, chiếc xe chạy chậm chạp, người đàn ông chú ý tới những bảng vải viết chữ căng ngang, những tờ

truyền đơn giải bay trên đường đi, và những bích chương màu dán nơi những thân cây bờ tường gần nơi nhà hội đồng xã, nơi đó một vài người qua lại. Người đàn ông ghé lại nhà một người quen, khoảng sân đất rộng ngôi nhà tôn thấp. Một người đàn bà từ trong nhà đi ra:

– Chú lại chơi.

– Anh có nhà không thím.

– Nhà tôi xuống dưới xóm, người ta tìm thấy xác vợ ông hội đồng hồi trưa, thật tội nghiệp...

– Ở đâu vậy?

– Ở ấp bên, nhà của ông gì đó, trong vườn, dưới một cái hố, trời ơi, nhà tôi nói trông mà khiếp vậy đó chú, họ cho ngôi xuống rồi đập đầu cho vỡ và đập lên



trên mấy miếng gạch xi măng, sao chết đã lâu mà chưa gì hết, còn chân thì sơ ra và quần thì bị rách lên tận thắt lưng, thật là tội...

– Sao mà tìm được vậy?

– Nghe đâu có người hồi chánh ở đâu đó nghe chuyện biết được nên chỉ cho quận, quận liền theo đó mà tìm. (Trong đêm tối một tốp người vào nhà gọi cửa bắt đi, bà ta không chịu đi, họ bắt đi, hai người mỗi người giữ một tay kéo đi, mặc tiếng kêu khóc vang lên cả ấp không ai dám mở cửa ra ngoài, rồi mất tích...)

– May mà còn tìm được xác, ông bà ấy từ xưa tới nay ăn ở cũng đường hoàng có gì đâu, chẳng biết có thù oán gì với ai không? Ông bà ấy chỉ còn một người con dâu ở trên Sài Gòn.

Người đàn ông như nhớ ra mình vẫn còn đứng dưới sân với chiếc xe đạp, ông ta từ từ đẩy chiếc xe vào gần nhà dựa vào tường rồi bước lên hiên:

– Tôi tính sang nhờ anh chị coi giúp cho cái nhà, tôi đưa bà ấy lên trên với thằng hai.

– Bao giờ chú đi.

– Thùng thăng ít bữa, đồ đạc thì cũng không có gì, nhưng cái nhà thì phải ráng giữ để nay mai yên ổn thì về có chỗ mà ở, thằng hai nó nói quá chứ tôi không muốn đi.

– Dạ.

Người đàn ông đứng im ngó nhìn những ngọn dừa xanh vượt lên bầu trời cao, buổi chiều êm ả không có gió. Một

chiếc máy bay xuất hiện ở trên cao. Lúc sau người đàn ông xuống hiên đi vòng quanh khoảng sân ngó lên những ngọn cây ăn trái, những luống rau trồng ngoài vườn, khi trời đã xẩm người đàn ông đạp xe trở ra con lộ về nơi ngôi nhà mái ngói. Bóng tối xuống chậm...

\* \* \*

Khu vực ngoài thị trấn lúc trước, có một thời rất đông dân cư, đời sống khá sung túc, vườn tược sau thời gian chiến tranh canh tác trở lại, những ruộng bỏ hoang bắt đầu những vụ lúa mới, nhưng thời gian ấy kéo dài không lâu, chiến tranh trở lại, có lúc khu vực như hoàn toàn chịu quyền kiểm soát của thế lực mới, dân chúng không chịu được chiến tranh kéo sát bên mình một cách thường trực nên bỏ đi làm ăn xa tùy theo phương

tiện và hoàn cảnh cho phép, tuy nhiên có một số người chỉ biết ruộng vườn thì buộc phải giữ lấy cuộc sống vẫn có, có người đã dời gia đình ra ở nơi những căn nhà làm bằng đất ngoài đồng trống để tránh tai họa. Chậm rãi theo thời gian, số người sống mỗi lúc một hao mòn, số người đi xa cũng nhiều thêm, những trẻ nhỏ tha thân ngoài ruộng bùn với những bàn tay chai cứng, trong những căn nhà tối chật hẹp chỉ còn những người già cả... Thôn xóm mang theo khuôn mặt buồn hiu. Có lúc người ta đứng đưng không còn xúc động với những cái chết. Những cuộc hành quân mở ra với từng đoàn xe nối nhau trên con liên tỉnh thỉnh thoảng xáo trộn đời sống bình thường của dân chúng, những trẻ nhỏ đứng ra dọc bên đường vẫy tay những người lính lạ... Dần dần an ninh được vãn hồi, dân chúng lại làm ăn, một đôi người ở xa trở về thăm lại

nhà cũ, và đã có một hai chuyến xe lam chạy nổi khu vực với quận lý ở trong, và những phiên chợ bắt đầu đông hơn xưa... Nhưng ban đêm tới vẫn là những đe dọa không chừng, có những tiếng súng đánh thức người dân đang ngủ với nỗi lo âu bất rút thường trực...

\* \* \*

Buổi sáng bắt đầu với vẻ nhạt nhòa, người chống ra sân đứng nhìn toán nghĩa quân đi kích trở về vẻ chậm chạp ngái ngủ mang theo ba lô, ít bó rau, ít trái cây, họ đi dọc theo mép con lộ về phía cây cầu, bóng chiếc trực thăng đang bay vòng quanh ở phía nam, tiếng động nghe xa rời. Chiếc xe bò chở lá dừa chậm chạp lăn bánh với tiếng kêu khô khan và ngắt. Một người đàn bà gánh rau đang đi xuống phía nhà hội đồng. Năng sáng

trong nháy nhót trên những cành lá xanh. Người chồng thở dài ngồi xuống nhìn cây vú sữa trụi lá giờ những cành khô lên trên trời... Mấy tháng trước, hai vợ chồng già chột ngổ ngang nhìn nhau khi thấy những cành lá trên hầu hết những cây ăn trái trong vườn bỗng vàng và đổ xuống không đúng mùa. Người ta nói bị ảnh hưởng thuốc khai quang từ vùng trong theo gió trở ra. Sau đó, mùa mưa trở lại, cây cối phần lớn hồi phục với vẻ eò oặt, chỉ có cây vú sữa lá không ra, mỗi ngày người chồng ra bấm vào vỏ cây thăm dò và sau chót thì người chồng lắc đầu nói với người vợ: nó khô rồi...

Người chồng đi vào nhà mang ra cây dựa lớn và bắt đầu đến cây vú sữa, thân cây cũng không lấy gì làm lớn, người vợ từ trong nhà đi ra, ngồi xuống hiên mắt

nhìn người chồng bỏ từng nhát chốc chốc ngừng lại nghỉ:

– Ông còn đốn làm gì nữa, khô rồi, mặc nó, sức đâu...

– Trông cái cây khó tôi khó chịu, đốn nó đi cho những cây chung quanh nó lớn, thế là nhà mình không còn cây vú sữa nào nữa, tôi còn tiếc cái cây năm trước bị bão...

– Để mình trồng mấy cây khác, thứ này không chịu được thuốc khai quang, chỉ một chút cũng khó sống... Những trồng rồi có được ăn trái không?

– Mình không ăn thì con cháu nó hưởng, bà thì thật...

– Thế ông tính bao giờ mình lên với thằng hai...

– Bây giờ bà lại giục tôi, thì để vài bữa nữa, sao tôi cứ thấy bứt rứt không yên...

Người đàn ông tiếp tục đốn cây vú sữa, mỗi lần chiếc dũa ăn vào thân cây. Cây vú sữa khô lại rung lên, một vài cành nhỏ mục rụng xuống lần đất ẩm... Người đàn bà cầm chổi quét khoảng hiên nhỏ hẹp, con gà nhỏ quanh quẩn dưới chân chạy theo sau người đàn bà vẻ quẩn quýt. Nắng còn bỏ lại khoảng mát lớn trên chiếc sân vuông vức. Liên tiếp những nhát dũa chặt vào thân cây, cho tới khi đã mệt người đàn ông nhận thấy chỉ mới được nửa thân cây. Ông ta dùng hai tay cố sức rung nhưng thấy vẫn còn chắc, ông ta bỏ vào lấy nước uống và ngồi nơi hiên vẫn thuốc hút. Người vợ đứng ngoài sân:



– Ông viết thư cho thằng tư ra sao?

– Tôi gửi cho nó một ít tiền, nói nó về, tôi cũng gửi cho nó một giấy thông hành nữa, tôi đã hỏi kỹ người ta rồi, có một thằng bạn nó cũng mới bỏ ngoài ấy về trình diện đây.

– Chết, rồi nếu người đưa thư ấy không kín...

– Người tôi gửi tin cẩn lắm, bà khỏi lo, nhưng thật tôi không hy vọng, nó là thằng cứng đầu...

– Tôi lo cho nó...

Người đàn bà quay mặt đi, không khí đã rời rã, người đàn ông nghỉ ngơi một lúc rồi ra đốn tiếp cây vú sữa, lúc cây khô ngã xuống thì bóng mát trên sân cũng đã thu hẹp lại. Một người đàn bà từ ngoài

hốt hải đi vào, nhìn người đàn ông:

– Bác ơi, bác đi theo cháu coi...

Người đàn ông ngó lên, nhăn mày:

– Gì vậy cháu?

– Bác đi theo cháu coi xem có phải thật không, người ta vớt được một xác chết, có người nói trông như anh tư nhà bác...

Người đàn ông đứng bật dậy, người đàn bà từ trong nhà đi ra. Người đàn bà đứng dưới sân nói:

– Có lẽ người ta nhìn lầm...

– Thăng tư...

Người đàn ông vội vã đi xuống sân

ra phía cổng, người đàn bà đi theo, người đàn ông quay trở vào lấy chiếc xe đạp ra hiên, nhưng lại dựa chiếc xe vào tường rồi vội vã đi:

– Bà ở nhà, tôi ra coi, thẳng tư...

Người đàn bà ngồi xuống hiên nhà ôm mặt khóc. Người đàn ông vừa đi vừa chạy, người đàn bà theo sau tức tưởi. Đám đông tụ lại nơi bờ sông, gần nơi nhà hội đồng, toán nghĩa quân lơ nhố ở bên, người đàn ông rẽ đám đông vào trong, một xác chết ướt sùng nằm trên bờ cỏ, tờ giấy báo phủ lên mặt, bộ quần áo đen ướt nhép, bàn chân cứng chỉ lên trời đã trương. Người đàn ông cầm tờ báo bỏ ra, đầu tóc bù xù, miệng há lớn phơi ra hàm răng trắng hếu, dấu đạn khoan thủng một miếng nơi bả vai bên trái gần với cổ, người đàn ông đẩy vội tờ báo lại. Người

đàn bà đứng sau, đám người im lặng, người đàn bà nói nhỏ:

– Phải anh tư không?

– Thằng tư nhà tôi...

– Trời ơi, tội nghiệp, mà sao nó chết dưới sông vậy, đạn nào bắn vậy...

Người đàn ông không nói, mặt bình thản chậm chạp quay ra đi trở lại con đường về nhà...

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

ĐÃ PHÁT HÀNH:

**MỘT SÁNG TRONG SƯƠNG**

tập truyện NGUYỄN ĐỨC NAM

THÁI ĐỘ xuất bản

## MỘT PHẦN ĂN MUỘN

Nguyễn Đình Toàn

TẤT CẢ CHỈ CÒN LÀ SỰ TÒ  
MÒ LẠNH NGẮT BÂY GIỜ  
ANH muốn nhớ lại, muốn thử khơi dậy,  
bằng hình dáng em phủ kín dưới những  
lớp áo, bằng những điều em muốn nói,  
và còn gì nữa, tất cả đã bị bóp méo, làm  
cho lệch lạc đi, trở thành bất động, hoặc  
đã chuyển động quá nhanh, anh muốn  
xếp đặt cho có trật tự, nhưng còn để làm  
gì?

Ph. nói:

– Em không muốn anh nghĩ về em như thế.

– Nhưng em biết anh nghĩ gì về em.

– Có điều gì anh nghĩ về em mà em không biết đâu.

– Tốt hơn chúng ta không nên nhắc lại chuyện ấy nữa.

– Em đâu có muốn nhắc làm gì. Thà chúng ta không gặp lại nhau. Nhìn thấy anh có bộ mặt như thế.

– Em muốn anh phải có bộ mặt thế nào?

– Anh tưởng em đã yêu một người khác sao?

– Không. Anh không tưởng, không biết. Anh không biết gì về em kể từ ngày em bỏ đi.

Những lời đối thoại trao di, trả lại, lâu lâu giống như trái banh của những đứa trẻ, chúng tôi đã nói với nhau bằng những tiếng nói trẻ con, và chính trong cái lúc thực sự thấy mình trẻ con như thế, tôi lại cảm thấy yêu nàng, ý muốn và những tiếng nói bám chặt lấy trí óc, ký ức, thành một khối đặc sệt, tôi không phân lìa ra được, rút cuộc tôi có cảm tưởng hình như chúng tôi chỉ biểu lộ được ra, đang nói với nhau, mặt trái của câu chuyện, và đó là điều làm tôi sống sờ, và chính trong mặt trái của câu chuyện đó (những điều lập đi lập lại) trong dáng điệu vừa thân mật vừa xa lạ của nàng, những sợi tóc đen biến thành nâu ở ngọn, chỗ những nhát kéo đã cắt trong những lần nàng đi uốn tóc, hơi nóng của máy sấy đã làm những ngọn tóc đỏ lên, vầng trán phẳng, hai hàng lông mày tỉa sơ sài, những móng tay cắt ngắn (một



thói quen đặc biệt của Ph.), mùi thơm của thứ phấn đánh mặt, những kỷ niệm không được rõ rệt lắm về những lần giận dỗi âu yếm, sung sướng, tất cả những thứ đó, dường như đã làm cho thấy lại mình, sự thấy lại ngẩn ngơ vì không phải là điều định tìm kiếm, thật ra tôi muốn thấy lại sự thân mật đối với nàng, sự rằng buộc chứng tỏ tôi không thể thiếu nàng nhưng những hình ảnh, lời nói, nhìn thấy, nghe thấy, lại làm cho chỉ nhận ra chính mình, và từ đó, bóng dáng nàng càng khuất chìm thêm đi, trong lúc nàng vẫn ngồi đó. Nàng lẫn vào với bao nhiêu người đàn bà ngồi trong quán, bà chủ quán ăn mặc hở hang với đôi chân thon dài, hai chiếc đùi màu nâu phía trên hằn dưới tấm váy bó sát, chiếc háng rộng, những cánh tay dài để trần, chiếc váy chỉ treo trên vai bằng hai sợi dây nhỏ, hở một phần phần ngực, những người

con gái khác đeo những cặp kính to bản, những mái tóc xõa sau lưng, bài hát quen thuộc trong cuốn băng nhựa được quay lại, người nữ thâu ngân loay hoay sau quầy hàng bóng in vào tấm gương sau tủ rượu, những chai rượu dài, ngắn, xanh đỏ, những đồng tiền tròn, răng cưa để lại trên những chiếc đĩa sứ trắng, mùi trà, mùi cà phê, mùi rượu bia, bánh nóng, những thân hình nồng nàn, những cặp chân nhìn thấy dưới gầm bàn, những nụ cười, những hàm răng trắng nõn, thành phố sang trọng, tối tẻ, những bóng người xẹt đi xẹt lại trong các tấm gương gắn trên mấy chiếc cột vuông.

Một đời sống hỗn tạp đồng thời hiện ra theo một trật tự rõ ràng.

Bỗng nhiên tôi nhìn lên chiếc cổ vươn dài của Ph., chiếc cổ thon nhỏ và đôi mắt long lanh của nàng, đôi mắt bao

lần tôi đã nhìn thấy bóng mình thu nhỏ trong đó, đôi mắt phản chiếu những thời khắc nhất định của một ngày, đôi mắt đã nhìn những con cá nhỏ bơi trong chiếc cốc bằng thủy tinh, nhìn những bông hoa thả trong chiếc bát nhỏ ở đầu giường; cái lưng, cái gáy nàng, nhưng tôi đã lại xa với câu chuyện đang nói với nàng. Biết bao nhiêu điều cứ mỗi phút lại ló ra, kéo nàng ra khỏi mớ hình ảnh chằng chịt, hỗn độn, nhưng rồi lại giấu nàng sâu thêm dưới chính nó.

Bây giờ có lẽ đã mười một giờ. Những mảnh nắng bám trên mấy bức tường của dãy lầu đằng trước đã rút cả đi từ bao giờ. Nắng chói chang giữa mặt đường. Trên những thân cây nứt nẻ, màu óng ánh của những đám rêu hoe vàng trông mịn màng. Những thùng rác để ở hai bên lề đường đã được mang hết đi.

Ph. nói:

– Anh có biết cái gì đã làm em sợ anh không?

Tôi nhìn nàng chờ đợi câu nói tiếp.

– Sự yên lặng. Anh không thấy có nhiều lúc ngồi với em cả giờ anh không nổi một điều gì à?

Tôi bảo:

– Anh nghe em.

Nàng có vẻ buồn:

– Không phải em có ý trách anh. Nhưng đó là những lúc em cảm thấy thực sự xa anh.

Tôi nói:

– Em hiểu đó không phải là điều anh muốn mà.

Giọng Ph. nghe thấp hẳn xuống:

– Nhưng có phải vì thế mà em thấy khác được đi đâu chứ, em đã có...

Tôi nhìn thấy trên khoé mắt nàng long lanh nước mắt.

Đó là điều ít khi xảy ra với Ph. Một năm sống với nhau, chỉ có một lần tôi nhìn thấy nàng khóc, tôi đã dỗ dành nàng nhưng không hỏi tại sao nàng khóc, bởi vì, tôi nghĩ, dù sao cũng chỉ là những nguyên do không đáng kể, đó là đêm, dường như tôi đã mơ thấy một điều gì sợ hãi, tôi kêu thét, vùng vẫy trong cơn mê, tôi thấy từ ngực mình chảy ra những vết máu, những búng máu ỏ ra từ trong cổ họng, hình như tôi bị thương, bị đánh đập, hình như chỉ là một cơn bệnh, tôi ho từng trận và máu ứa ra ướt đẫm trong những chiếc khăn, những giọt máu tanh

nồng, đỏ tươi, tôi thức dậy từng chập rồi lại ngủ thiếp đi, giấc mơ làm tôi giá lạnh chân tay, tới lúc tôi tỉnh hẳn lại, như thức dậy như sau một giấc ngủ bình thường, chợt nhận ra có một vẻ gì khác lạ bên cạnh, tôi quay lại sờ trên mặt nàng, thấy bàn tay ướt tôi mới biết nàng khóc, tôi gọi Ph., Ph., nàng không nói gì, tôi vỗ về nàng, hôn nàng, sau đó chúng tôi yêu nhau và ngủ lại, giấc mơ đó chẳng bao giờ tôi nói lại với nàng, và tôi cũng không hỏi tại sao nàng khóc. Khi còn ở gần nhau người ta có nhiều cách giúp nhau quên những cái khó khăn. Tôi biết rằng sức khỏe của tôi đã thực sự suy yếu. Sức khỏe, với dấu hiệu của sự yên vui cứ mỗi ngày một mất dần, tình ái trở nên mệt nhọc và giảm đi hứng thú, dù không phải tôi không còn ham muốn, có lẽ tôi đã trở nên lạnh lùng với nàng đôi chút, trong sự vô vấp, đòi hỏi, âu yếm, tất cả

những cử chỉ ấy tôi không thể làm với nàng mà không nhuốm một chút xót xa, trong đêm khuya một mình tôi thức dậy, một mình nhìn ngắm nàng ngủ, đó là lúc tôi cảm thấy mình già đi trong xót thương, đời sống như con mắt khép kín, hình như nỗi cô đơn chẳng thể xâm nhập vào nàng, hình như nó đã xâm chiếm trọn nàng, tôi trở thành cái bóng chập chờn bay lượn bên ngoài, chung chạ nỗi cô đơn trong sự phân cách, sự buồn nản, nhặt nhéo đè nặng trên chân tay như một giấc ngủ bên ngoài, tan loãng, chụp xuống, thiếp đi cùng với hơi thở của nàng phập phồng trên ngực. Những giọt nước mắt hiếm hoi, đó có thể cũng là dấu hiệu cuộc tình của chúng tôi. Thực ra cũng có lúc tôi thấy điều ấy khá kỳ quặc, mặc dù bản tính Ph. không phải là người dễ khóc. Hãy nhìn ngắm gương mặt, dù đó là gương mặt của người yêu dấu, trong

lúc người đó ngủ, thật cũng khó mà nhận ra được vẻ thân thuộc, gương mặt như chiếc mặt nạ che giấu hết những gì lúc thức người đó biểu lộ. Sự lạnh lùng từ cái gương mặt bằng phẳng đó thấm qua ta như một sự từ chối khó chịu. Ngay trong lúc nàng thức, thỉnh thoảng tôi cũng bắt gặp ở nàng cái vẻ mặt, cái nét, như một thành phố có biết bao nhiêu cánh cửa đóng kín, bao nhiêu cánh cửa mở ra, thành phố khắc khổ, hân hoan, thành phố với những phép yêu thuật, quỷ quyết, mê hoặc, đó là những điều cay đắng có thể chỉ có trong tưởng tượng nhưng dần dà đã trở thành thật hay có thật và đang cố gắng biến đi, cố gắng trong sự cố gắng dàn xếp của những kẻ sống trong thành phố, như anh và em.

Tôi hỏi nàng:



– Em áng chừng khi nào giấy tờ xuất ngoại của em sẽ làm xong?

Nàng nói:

– Một vài ngày, một tuần lễ.

Nàng duỗi dài cánh tay, với ấm nước rót vào tách, gương mặt trầm tĩnh, hay ít ra cũng chỉ biểu tỏ một cách lơ là điều nàng định nói, có lẽ nàng đang bận tâm một điều gì khác, những ngày chung sống, những cơn giông tháng năm, những cơn gió mùa mưa vẫn thổi vào trong phòng có lẽ nàng cũng chưa quyết định hẳn bỏ đi, có lẽ nàng bực mình chính vì sự không thể quyết định đó.

Thành phố về trưa thừa nắng, suốt con đường nhìn xuyên qua tấm kính dày không thấy một bóng người, thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy lướt qua.

Những gốc cây màu nâu thẫm sâu hút, kéo dài mãi về phía cuối tầm mắt, ở đó, bóng nắng, những thành tường và hè phố đều trở thành màu xanh nhạt, thứ màu xanh có pha lẫn màu vàng, những cành cây mảnh khảnh chìa sát vào những mái nhà cũ kỹ rêu đen, tất cả hiện ra êm dịu như trong một tấm hình, những gốc cây xa hơn nữa biến thành màu trắng bạc.

Ph. nói:

– Em mong mình sẽ dàn xếp được với nhau.

Tôi bảo:

– Dĩ nhiên anh cũng muốn như thế. Nhưng không phải vì vậy mà em...

Ph.:

– Chúng ta tìm cách dàn xếp với nhau

chứ không phải tìm xem ai sẽ bỏ nhiều hay ít điều kiện của mình. Em mong anh cũng nghĩ thế.

Tôi nắm lấy bàn tay nàng:

– Anh cũng mong anh làm nổi việc ấy.

Những tiếng nói mỗi lúc như tự nó thắt chặt thêm sự khuyến khích và dường như lại biến thành một điều gì có vẻ bất đắc dĩ. Có lẽ cả hai người đều chỉ muốn nói đến những điều trấn an mình, thiếu quả quyết, trò chơi kéo dài quá đáng sắp trở nên lố bịch.

Tôi nói:

– Có lẽ anh cũng chẳng nên nói thêm gì với em nữa. Anh mong em trở lại. Nhưng anh cũng muốn em suy nghĩ trước đã.

Ph. cúi đầu nói nhỏ:

– Thôi, anh cho em đi.

Ph. ra khỏi quán. Nàng đi khuất ngay vào một khúc rẽ để tôi không thể nhìn thấy nàng. Còn lại một mình trong quán tôi nghe một lúc muôn vàn tiếng động, nhìn một lúc hàng dãy những khuôn mặt xa lạ đang cười nói, ngửi thấy những mùi thơm lẫn lộn, nhớ tới một lúc căn phòng tẻ lạnh của mình, những cành cây ẩm áp tắm đẫm trong nắng vàng những sớm mai dậy muộn nhìn thấy ngoài cửa sổ, những giọt sương long lanh trên đầu các ngọn cỏ lúc xuống phố dạo chơi, tiếng nói trong trẻo của nàng vui vẻ hẹn về đúng giờ, mùi hăng thơm của những trái khô từ cánh đồng thổi lại, nhớ tới bông hoa thả trong chiếc ly để ở đầu giường, nhớ mùi thơm trên những ngón tay nàng, nhớ tới những rặng thông reo

thi với sóng biển, những cánh rừng cao trên núi, tím xẫm trong bóng chiều, nhớ những con chim chìa vôi yên lặng vẫy đuôi bên mép nước thông thả đi bước một bên những con sóng rạt rào đổ trắng trên cát, những thuyền bè đánh cá trở về mang theo mùi tanh tươi, cả một chuỗi ngày biến đổi, kéo lê nhẹ nhàng trong trí nhớ mù mịt đang cố bắt lại những đầu mối, những ngày vui sướng như cánh buồm căng lướt trên mặt biển xanh, những đêm sụp xuống nhanh chóng với hơi ẩm của ngày còn sót trên mặt cát bay hết trong một vài cơn gió, vị nước biển mặn chát trên đầu lưỡi những đêm trắng bơi lội một mình, những ngày mưa biển và trời nối liền với nhau bằng một màn nước lê thê, cả cái tỉnh lỵ nhỏ bé rét cóng run rẩy trong những cơn giông dữ dội thổi từ ngoài khơi vào, thân thể tan biến thành hàng ngàn những tiếng động,

trăm ngàn cảm giác, một mình cô đơn gắn chặt trong những trận gió vùn cây cối oằn oại, reo rào rào trên những mặt tường. Tình yêu có lẽ cũng chỉ là sự đắm đuối, những cơn mơ tưởng người ta có thể chấm dứt, ra khỏi hay tiếp tục.

Tôi kêu người bồi lại trả tiền, nhìn ra ngoài trời nắng, tôi mở cửa ra đường, đi kiếm một quán ăn, có lẽ tôi cũng cần một bữa ăn đầy đủ. Trời cao, khoảng trời lọt vào giữa hai hàng cây song song hai bên lề đường xanh biếc, trên những ngọn cây những chiếc lá non lẫn vào những cành khô mục, có những trái cây màu nâu, có những chùm me đã quắt lại, tôi tự nghĩ, giờ này có lẽ Ph. đã về đến nhà nàng, có lẽ nàng còn ngồi trên một chiếc taxi đang chạy. Thành phố quen thuộc, những ngày tháng quen thuộc, và đời sống diễn ra không ngoài những gì có thể

dự đoán, nhưng đó cũng chỉ là một cách dự đoán, một cách tưởng tượng. Tưởng tượng như những bóng nắng, những cơn mưa bám bên ngoài thành phố. Thành phố tự giấu kín nó sau những bức tường dày, những cánh cửa đóng kín, những lầu cao. Những đường phố, những ngõ ngách, công xưởng tôi đã đi qua, không biết bao nhiêu lần, nhưng hình như tôi vẫn không thể tưởng tượng nổi kích thước thật của nó, những cửa hàng rạp chiếu bóng, quán bán hoa (nơi Ph. vẫn thường mua hoa hồng), thành phố và kỷ niệm, có lẽ chúng tôi đã không thể yêu nhau bởi vì chúng tôi đã không cùng làm quen được với thành phố. Tôi vẫn chưa thể nhận ra những phương hướng đích thực của những căn nhà, đôi khi tôi tưởng cái cao ốc nhìn thấy khi đi ngang qua một khu phố, ở phía bên phải công viên mình dự đoán, lúc tới gần tôi mới

biết là không phải. Nhưng lúc này đây thì khu phố hay những tủ kính của các quầy hàng, những thị dân quen thuộc và xa lạ đều chẳng ăn nhập gì với sự nồn nóng trong lòng tôi cả. Hình như tôi đã quá yếu lòng trong câu chuyện, trong cách đối xử với Ph. Tôi cố tìm ra bằng chứng của sự yên lòng đó nhưng không được. Thực ra, nếu nàng tưởng tôi yêu nàng đến không thể thiếu nàng, có lẽ nàng đã hiểu tình cảnh của chúng tôi một cách không đúng lắm. Nhưng, nếu không có nàng? Có thể tôi sẽ sống những, ngày tháng nhạt nhẽo, mong nhớ nàng. Nhưng có lẽ nàng cũng không nghĩ như thế đâu. Trong mắt nàng tôi đọc thấy sự buồn rầu, thấy sự khẩn khoản, có lẽ nàng cũng đau lòng như tôi. Đáng lẽ chúng tôi không nên đối xử với nhau như vậy. Không nên bỏ nhau. Nhưng có một cái gì đó, cứ mỗi lần chúng tôi tìm cách nói chuyện với



nhau thì câu chuyện xui dục cho tôi trở thành mê hoặc hay điên người lên, và tôi không thể nào chịu được, dù rằng tất cả những điều đó chỉ diễn ra âm thầm trong ý nghĩ của tôi, một thói xấu, đôi khi tôi lại quá yếu mềm, tôi đã sống với nàng như chính nhờ nàng mà tôi sẽ xóa mờ được đi một nỗi khổ tâm nào đó, và càng ngày càng đắm đuối vào cơn ao ước kỳ lạ này, tôi chán ngấy, và tất cả sự chán nản, ngây ngất đó, chẳng bao giờ hiện ra rõ ràng cả, nó lẩn khuất trên cái gáy trắng cao của nàng, trong lúc tôi nói yêu nàng và trong những lúc tôi ngồi một mình.

Tôi bước vào quán ăn, gọi một phần ăn, tôi đói và ăn ngẫu nhiên. Người hầu bàn mang tới cho tôi một chiếc khăn trắng nóng có tẩm một thứ nước hoa vẫn thường thấy trong các tiệm cắt tóc.

Người tớ gái còn trẻ, thân hình chưa nẩy nở hết sau tấm áo choàng bằng vải thô. Một lần nữa tôi lại nghe những tiếng thì thầm cười nói của những khách hàng trong quán, những ly nước trà, những ly rượu, những ly bia sủi tăm và ánh sáng chiếu óng ánh trên thành thủy tinh của những chiếc ly, chiếc quạt máy có chân đứng quay vù vù trước mặt, tôi chóng mặt và trong một lúc tôi tưởng như nhìn thấy lại Ph. lớn vồn trước mặt, câu chuyện với nàng vẫn chưa chấm dứt, sẽ chẳng bao giờ chấm dứt...

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

TÌM ĐỌC:

## NHỮNG BÀI THƠ XUÔI

Một tập thơ gồm những bài thơ xuôi  
đặc sắc

của MAI TRUNG TĨNH

(Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc  
1960–1961)

Bìa NGUYỄN KHAI. Chân dung tác giả  
do TẠ TỴ vẽ

Tủ sách ĐẠI NGÃ xuất bản.

## CÂY ME TRƯỚC NHÀ ÔNG ĐẠI SỨ

Trùng Dương

**B**UỔI TRƯA HÔM ẤY, BÃO  
RỚT TRÊN THÀNH PHỐ.

bầu trời có màu xám chì, nặng nề như muốn rụng xuống úp chụp lên cảnh, vật và người. Không khí ẩm ướt. Gió vật vã, như muốn thổi tung hay quất rập tất cả những vật nó gặp phải: từ cột điện, vách tường, cây cỏ, mái tôn cho chí xe cộ, khách bộ hành. Mưa không lớn mà sục sùi như uất nghẹn. Mặt trời lặn trốn, mặc sức mây đen hoành hành.

Lúc đó vào khoảng quá Ngọ.

Mọi người trong bàn giấy của Sở Xây cất và Bảo trì trực thuộc tòa Đại sứ đã rủ nhau lên lầu ăn cơm. “Phòng ăn” của họ là một căn phòng chứa đồ khá trống trải, đủ chỗ cho khoảng mười nhân viên người bản xứ tụ tập cùng dùng cơm chung. Từ ngày có chị Bảy, lao công, nhận nấu cơm trưa, mỗi người trong bàn giấy không còn phải bận tâm về bữa cơm trưa nữa. Trước, có người về nhà, ăn vội ăn vàng, nghỉ trưa trong giây lát, rồi lại trở lại sở làm việc; có người, nhà ở xa, đành rủ nhau ra quán ăn gần công sở ăn cơm đĩa với các lao công, phu xích lô v.v..., có người đem theo bánh mì hoặc cơm nắm vào sở để dành đến trưa đem ra ăn. Nhưng bây giờ, họ có thể bỏ ra mỗi người một ít tiền đưa cho chị Bảy mua gạo và thức ăn đem vào sở nấu nướng

trong căn bếp của sở, và trưa trưa họ gặp nhau trong phòng chứa đồ trên lầu, ăn uống, nói chuyện, phê bình những ông “xếp” ngoại kiều trong sở, chỉ trích một vài nhân viên người bản xứ muốn lấy lòng các “xếp” đã tỏ ra không mấy rộng rãi đối với những người đồng hương, hoặc thi nhau kể những gia thoại tiểu lâm, chuyện hàng xóm, chuyện gia đình, chuyện ngoài phố, chuyện xi-nê và v.v... Cứ chuyện nọ bắt qua chuyện kia chuyên tiếp một cách đơn giản và bột phát. Các nhân viên người bản xứ có thể không ưa lẫn nhau. Nhưng dường như họ có đồng một quan điểm: tuy làm việc cho ngoại nhân đấy, nhưng lúc nào họ cũng sẵn sàng cười vào cái sự ngây ngô ngu xuẩn của người ngoại quốc – và đương nhiên, mỗi một sự ngây ngô, ngu xuẩn kia, dù nhỏ, cũng được thổi phồng để cho các

nhân viên người bản xứ cảm thấy dù sao, mình cũng không đến nỗi nào.

Mà những chuyện thuộc loại “ngây ngô” đó, ở Sở xây cất và Bảo trì không thiếu. Vô tình, họ, những nhân viên người bản xứ, đang làm cái việc của những người đàn bà ta ưa ngồi nghe chuyện về một gia đình hàng xóm, với tất cả sự thú vị, khoái trá. Chẳng hạn như chuyện một nhân viên tòa Đại sứ gọi đây nói đến xin Sở cho người đến sửa lại cái châu giường bị gãy, cũng có thể trở thành một đề tài khá hào hứng, xung quanh chuyện cái giường. Chỉ cần một chút tinh thần tiểu lâm. Mà cái này thì các nhân viên người bản xứ không thiếu.

Bằng vừa nhai, vừa nói đồng:

– Mẹ kiếp! Không có điện, “nó” kêu mình. Máy lạnh hư, không có cô-ca

lạnh uống, “nó” kêu mình. Ổ khóa, đi ra ngoài rập cửa bỏ quên chìa khóa bên trong, “nó” kêu mình. Cầu tiêu nghẹt, “nó” cũng kêu mình. Chân giường gãy, cũng kêu mình. Có lẽ rồi khi nào không ngủ được hay không... ỉa được cũng lại mình nữa, cũng nên!

Mọi người cười ồ. Bữa cơm trưa nào cũng náo động, vui vẻ. Mọi người bằng lòng vì không phải tốn sức, tốn tiền vì những bữa cơm ăn ở ngoài, hay phải vất vả về nhà. Lại có thêm những cuộc nói chuyện vui vẻ nữa. Ở đây, không cần đọc báo để biết tin tức thời cuộc, mà người ta có thể căn cứ vào những cú điện thoại, nhất là những cú điện thoại từ nhà riêng của ông Đại sứ, cũng biết được những gì sắp xảy ra. Sắp có một nhân vật quan trọng sang đây thăm viếng để bàn việc đại sự u? Thì từ hơn một tuần trước, Sở



đã nhận được những cú điện thoại từ nhà riêng của ông Đại sứ xin cho người đến sửa phòng dành riêng cho khách ở tư dinh của ông Đại sứ. Và cũng căn cứ vào những nhu cầu đó, người ta có thể đoán được phần nào, cá tính của vị khách sắp tới kia — việc này chỉ cần một chút tâm lý thôi. Nhưng đây lại không phải là điều đáng bận tâm đối với các nhân viên bản xứ. Bởi lẽ họ không ưa những sự thay đổi. Mà hễ mỗi lần có một sự viếng thăm đặc biệt của một nhân vật quan trọng nào, là y như rằng có sự thay đổi. Những thay đổi lần lần, mỗi ngày, có thể, trong tương lai, ảnh hưởng đến chỗ làm của họ.

Ông Lam, một người lớn tuổi và thâm niên công vụ nhất trong bàn giấy, nói:

– Đã gọi là Sở Xây cất và Bảo trì mà

lại! Thú thật với các ông các bà, chứ làm ở cái sở này, đàn ông như bọn này cũng biến thành những bậc nội trợ luôn, vậy đó. Nào là lo từ cái vụ đổ rác của “nó” lo đi, đến cái cầu tiêu nghẹt, nhà đột, may lạnh hư hay nhỏ nước nhiều quá, ổ khóa kẹt, tủ kẹt v.v... Chứ ở nhà, nói các bà bỏ qua, có bao giờ mình phải mó tay vào những thứ chuyện đó! Tiếng là làm bàn giấy, mà khác nào lo rặt là những chuyện của một bà nội trợ không hơn không kém! Mà nào đã xong, đôi khi mình còn nghe “nó” phàn nàn, chê bai cái xứ mình, “nó” bảo cái xứ gì mà rặt những thứ cầu thả. Xây nhà thì xây cho xong, không chịu nghiên cứu kỹ lưỡng để đột, ngấm tùm lum. “Chúng nó” có biết đâu là tình trạng đó là do chúng nó mà ra cả. “Chúng nó” không qua đây cả đàn cả đồng thì làm gì có tình trạng những bin-đinh được cất lên vội vàng! Mà nói cho

cùng thì người mình cũng ầu thật. Làm nhà mà chẳng chịu làm cho kỹ. Lốp này mùa mưa, nhà mình cũng đột như điên. Ấy vậy, mà trong khi đó ở đây, mình lại chỉ lo hộ cái sự đột của nhà người khác thôi. Nghĩ cũng khôì hài thật!

Bà Nguyệt nói:

– Nói đến nhà đột mà thêm nãolòng. Cái nhà tôi ở nó cũng đột quá xá là đột. Lẽ cố nhiên lại cũng chỉ mình mình lo ba cái chuyện đó! Ấy, dầu sao các ông cũng còn khá hơn bọn đàn chúng tôi. Lo việc “nội trợ” ở sở, về nhà, lại thêm việc nội trợ “thứ thiệt” ở nhà nữa. Chẳng nhẽ đừng nhúng tay vào? Làm sao được. Thời buổi này, chồng làm đâu có đủ nuôi cả gia đình! Đi làm thì thôi, về nhà, thì lo từ cái thùng rác trong nhà lo đi, đến quần áo, giấy dép của chồng con, cũng tay mình nốt.

Bằng xen vào:

– Nói đến cái thùng rác, lại nhớ đến vụ rác rến. Mỗi sáng mở cửa ra đi làm, là y như rằng mình đụng đầu ngay với cái đồng rác to kềch xù ở trước cửa nhà! Mình biết rõ những ai đem rác ra đổ ở đó chứ, mà nói đâu có được! Ngay cả bà xã ở nhà cũng chẳng bảo bỏ được cái tật đổ rác ra đó, thay vì để thùng rác đó cho xe rác họ đến họ đổ, rồi lấy thùng về thì bảo còn nói chi đến người hàng xóm!? Cái dân mình nó vậy. Sợ mất một cái thùng rác còn hơn là sợ bị vi trùng nó tấn công! Nói chán chỉ mỗi miệng. Đành ngậm tăm, ráng nín thở mà ra khỏi nhà! Nhưng nào đã xong cho đâu! Đến đây “chúng nó” lại cứ nheo nheo gọi đây nói than phiền về đồng rác trước nhà “chúng nó”, rồi than phiền này nọ và xin cho xe chở rác đến hết đi. Làm ở đây có khác gì

một thứ lâm đầu đầu! Nghĩ mà cười ra nước mắt được. Thế mà bà vợ mình lấy làm hãnh diện lắm. Đi đến đâu, ai hỏi, cũng khoe là mình làm ở Tòa Đại sứ.

Cô Thúy xen vào:

– Thì Sở Xây cất và Bảo trì thuộc Tòa Đại sứ, ông còn muốn gì nữa bây giờ?!

Một vài người cười. Hải, một thông dịch viên và còn độc thân, nói:

– Kể ra như tôi, nếu định lấy vợ, làm ở đây cũng học được khối cái hay, có triển vọng trở thành một ông chồng gương mẫu lắm!

Câu chuyện lại xoay qua đề tài hôn nhân. Bằng nói:

– Nếu định lấy vợ, tôi khuyên cậu nên suy nghĩ cho kỹ, kéo mang thêm gông vào cổ khổ lắm đó.

Bà Hoa sùng sộ, đe:

– Ông Bằng nói thế nhé. Hôm nào tôi kể cho bà ấy nghe. Dễ thường đàn bà là gông cả đấy chắc?!

Ông Bằng hươ tay:

– Khoan, tôi đã nói hết đâu nào! Và lại tôi đâu có định nói như vậy? Hôn nhân, đồng ý là nó có những cái hay, những cái cũng có cả cái dở nữa! Cái gì mà không vậy. Đến đồng bạc cắc cũng còn có hai mặt nữa là, có phải không, cụ Lam? Hiện nay, hơn lúc nào hết, cái gay go nhất trong cuộc sống gia đình là vấn đề tài chính. Nhiều lúc nó làm mình điên cái đầu. Độc thân thì thế nào xong thì thôi. Nhà ở, ăn uống, chi tiêu, mọi thứ đều giản dị. Nhưng có thêm một gia đình nho nhỏ, mọi sự khác hẳn. Từ một mẩu tin vu vơ trên báo về một quyết định

tăng lương nào đó cũng đủ ảnh hưởng đến sinh hoạt gia đình. Lương tăng chưa thấy đâu thì giá bán các thứ hàng đã nổi đuôi nhau tăng giá. Ngày xưa, tôi muốn nói cách đây độ bốn, năm năm kia, những người làm cho ngoại kiều bằng cái lương chết đói của một người xứ “chúng nó” mà cũng đã ung dung rồi! Bây giờ, mật ít ruồi nhiều. Mà “chúng nó” cũng đã khôn như ma cả rồi. Như trường hợp tôi thì không còn có thể chọn lựa được nữa; chứ như cậu, thể chọn lựa được. Kiếm cô nào đi làm được như mấy bà mấy cô đây, chứ đừng có đại đột còn lấy phải một cô không có nghề ngỗng gì cả, chỉ khổ cho cái thân “trâu ngựa” thôi! Có phải thế không, bà Hoa?

Bà Hoa nói:

– Người ta thường nhìn bọn đàn bà con gái làm cho ngoại kiều bằng con mắt

coi thường, dè bủ. Rồi bày đặt vấn đề này nọ, rằng đàn bà có nên đi làm hay không, nhất là đi làm cho ngoại kiều, thiệt kỳ cục, cổ hủ! Tôi không hiểu sao lại có lắm đứa thối miệng thế! Chúng nó đâu có ngờ là khi đặt vấn đề đó ra, chỉ tổ làm cho một số ông chồng sinh nghi kỵ khi có vợ làm cho ngoại kiều và rồi hạnh phúc gia đình bị tổn thương! Nhớ một dạo ở đây có chiếu cái phim một người đàn ông ngoại tình với vợ bạn, rồi sinh ra nghi ngờ vợ mình cũng có thể ngoại tình, rút cục gia đình cứ là xáo xáo lên thôi. Rõ khổ!

Dường như thấy mình bỗng nhiên tách sang một đề tài khác một cách khá đột ngột, bà Hoa bèn cúi xuống và nốt bát cơm đang ăn dở. Một người nói:

– Thời bây giờ, sinh hoạt thật khó khăn. Ai như bà Kim, vợ một thiếu tá đấy,



mà cũng phải xin vào đây làm. Chồng đi làm sĩ quan liên lạc ở nước ngoài, vợ ở nhà lãnh lương đâu có bảy, tám ngàn, lại một nách tới năm, sáu đứa con, không đi làm, làm sao sống? Thiếu tá như ai đấy, mà cuộc sống cũng vất vưởng lắm! Tuy vậy, bà Kim cũng dễ mẫn...

Ông Lam lên tiếng sau khi điểm mặt những người ngồi quanh mâm cơm và thấy thiếu Kim:

– Ủa, chớ còn bà Kim đâu rồi? Sao không thấy lên ăn cơm?

Hương, từ nãy ngồi im theo dõi câu chuyện, thỉnh thoảng lại liếc nhìn Hải, bấy giờ mới lên tiếng:

– Chị Kim chị ấy bận gác điện thoại, chưa lên được!

– Hôm nay “chúng nó” mắc cái chứng gì mà gọi dữ vậy không biết?!

– Bão mà! “Đứa” thì xin sửa lại cửa sổ bị gió thổi bung; “đứa” thì xin sửa nhà bị dột; “đứa” thì xin cho người nối lại đường dây điện trước nhà bị đứt... Chắc còn người gọi nên chị Kim chưa xuống được!

– Mặc kệ chúng nó chứ! Cũng phải để cho con người ta nghỉ ngơi ăn cơm đã chứ! Bộ máy sao? Mình ở cái xứ này có bao giờ kêu ca cái gì đâu! “Chúng nó” thì động một tí là kêu, động một tí là than. Cứ như là con cầu tự cả lũ không bằng ấy thôi!

– Cũng phải nhận là “chúng nó” sướng quen đi rồi sống tiện nghi quen đi rồi!

– Thì ít ra khi chúng nó đến đây làm việc cũng phải hiểu câu “nhập gia tùy tục” chứ!

– Mình có mất mát gì đâu mà ông phải kêu ca như vậy cho nó khổ ra?! “Chúng nó” sang đây, điện nước gì nhất nhất “chúng nó” cũng tự lo lấy, ngay cả đổ rác đổ rến, chúng nó cũng có ban chuyên môn, nếu không thì đã có các nhà thầu làm ăn vào đó. Và cũng nhờ thế mà người bản xứ chúng ta có thêm việc làm, ông còn phiền hà ở cái khổ nào không biết nữa?!

– Đây là mối bất mãn, và là nguyên nhân của sự ghét bỏ của người mình đối với “chúng nó”, dầu sao đi nữa. Chứ không phải vậy sao? Giá thử bây giờ, “chúng nó” qua đây và sống như mình, thay vì cứ đòi hỏi tiện nghi này khác, trật tự này khác thì lo gì mà không được cảm

tình của người bản xứ, thay vì thái độ xa cách, ganh ghét, dè bủ, mặc cảm? Nếu được như vậy, “chúng nó” đã thắng trận dễ như bỡn rồi! Xem như Phật Thích Ca với Chúa Ki-tô ngày xưa...

– Thôi đi, ông ơi! “Chúng nó” là người mà. Với lại, lý luận gì mà giản dị quá vậy? Bỏ vấn đề thời cuộc qua một bên đi. Chứ chẳng phải chính chúng ta, mỗi người, đều đang thèm khát một cuộc sống tiện nghi, đầy đủ, dù chỉ bằng nửa của “tụi nó” thôi, đấy sao?!

– Tôi vẫn nghĩ rằng, ngày nào con người còn ham chuộng vật chất thì xã hội còn những bất công, còn tham nhũng và cộng sản còn có thể lợi dụng, mình còn liếng xiếng, còn long đong chán!

– Hừ, nghĩ như vậy, sao còn đâm đầu vào làm cho ngoại kiều làm chi? Sao

không về làm cho chính phủ mình cho rồi, tha hồ mà sống thanh bạch...

– Ô ơ... thì cái thời nó vậy thì phải vậy chứ làm sao bây giờ?...

\* \* \*

Từ nãy, Kim vẫn loay hoay với ống điện thoại. Vừa trả lời chưa kịp mắc máy vào chỗ cũ, thì lại tiếp đến chỗ khác gọi. Nơi xin sửa nhà đột, nơi xin tiếp tế nước, chỗ xin sửa ống máng. Cứ là ơ ới. Như mỗi buổi chiều tối nàng vừa đỗ xe trước cửa nhà, năm sáu đứa con đã nhào ra, đứa gọi đằng trước, đứa níu đằng sau, đứa khoe cái này, đứa đòi cái nọ. Kim có đến sáu đứa con. Mà lũ con nàng lại chỉ có mình nàng là mẹ. Kim thương lũ con lắm, nhất là từ ngày chồng nàng, được cử đi làm sĩ quan liên lạc ở ngoại quốc.

Kim cũng mới chân ướt chân ráo vào làm ở Sở Xây cất và Bảo trì. Công việc của nàng là trả lời điện thoại, và đánh máy những đơn xin sửa chữa nhà cửa, máy lạnh, tủ lạnh, điện nước... của các nhân viên Tòa Đại sứ. Công việc không nhiều nhưng đòi hỏi sự có mặt thường xuyên suốt tuần lễ kể cả ngày chủ nhật, và các ngày lễ nghỉ.

Thoạt đầu nàng lấy làm thú vị với công việc này. Trong sự thú vị đó, có pha lẫn sự tò mò và một cố gắng lấy lòng cấp trên.

Mỗi lần có tiếng chuông điện thoại reo, nàng thường nhắc ống nói lên nghe, với một câu hỏi rất máy móc song luôn luôn nhã nhặn, lịch thiệp:

– Alô, đây Sở Xây cất và Bảo trì thuộc Tòa Đại Sứ, chuyên sửa nhà cửa, ổ khóa,

máy lạnh, tủ lạnh, cầu tiêu, xin cho biết ai ở đầu dây dây ạ? Tôi có thể giúp được gì không?

Một lần, một cô bạn thân cũ quen từ dạo Kim còn con gái biết Kim đi làm lại, đã gọi dây nói đến phá bạn. Sau khi nghe giọng Kim đáp một thôi, một hồi, cô bạn hỏi nghịch:

– Thưa bà, ở đó có nhận sửa... dải rút quần bị đứt không ạ?

Kim là một người đàn bà có đáng đáp dẫy đà, vui tính, đơn giản và tận tâm. Bất cứ ai nhờ gì, có thể giúp được là nàng sẵn sàng giúp ngay. Và chung thủy hết mực. Mặc dù thuở còn con gái, nàng cũng thường đi ăn, đi chơi và quen biết nhiều người. Nhưng từ ngày lấy chồng, Kim chấm dứt một cách không tiếc thương nếp sống cũ, để làm vợ và

làm mẹ, và sống một cuộc sống an phận. Không thắc mắc, không băn khoăn.

Vào làm việc mới được hai tháng, Kim đã được “xếp” ngỏ lời ban khen và khuyến khích. Có một vài nhân viên thuộc Tòa Đại sứ, mỗi lần gọi dây nói đến sở, thường đòi cho bằng được nàng để trả lời dây nói cho họ. Bởi Kim có một giọng nói ngọt ngào và thông suốt ngoại ngữ. Có một lần một viên trung sĩ biệt phái qua tòa Đại sứ gọi dây nói đến, nghe nàng đối đáp nhảnh nhen, hẳn liền ngỏ lời mời nàng đi ăn cơm. Nàng từ chối, nói là đã có chồng có con. Viên trung sĩ nói:

– Tôi không tin, vì nghe giọng nói tôi đoán cô còn trẻ lắm. Độ mười chín, hai mươi là cùng. Hay là cô ngại đi ăn đi chơi với một người ngoại quốc? Thú thật với cô tôi mới sang đây, tôi cảm thấy cô



độc lắm. Gặp được một cô gái người bản xứ nói được tiếng nước tôi trôi chảy như cô, tôi mừng lắm. Xin cô nhận lời mời cho.

Kim đáp, lòng cảm thấy hãnh diện mơ hồ:

– Tôi nói dối ông làm gì. Tôi đã có chồng và có tới sáu đứa con rồi nữa kia! Ông không tin, hôm nào qua sở tôi, tôi cho ông coi hình chồng và các con tôi.

– Thế cơ à? Sáu con? Thế ông nhà làm gì thế ạ?

– Nhà tôi ấy à? Anh ấy đóng thiếu tá hiện làm sĩ quan liên lạc tại nước ngoài. Do đó, ông thấy đó, tôi mới phải đi làm để nuôi các con tôi.

– Thật đáng tiếc. Song, nếu bà có quen ai nói được tiếng nước tôi như bà,

thì xin bà giới thiệu cho tôi với. Tôi hiện cô đơn quá.

– Nhưng ít ra, tôi cũng phải biết ông năm nay bao nhiêu tuổi, hình dáng ra sao, mắt màu gì, học hành đến đâu, thích cái gì v.v... để tôi còn liệu người mà giới thiệu chứ.

Có tiếng cười ở đầu dây bên kia và tiếng đáp ngập ngừng:

– Tôi năm nay hai mươi hai tuổi, cao một thước bảy mươi lăm...

Đại loại, ngoài việc nghe dây nói gọi đến xin sửa chữa này nọ Kim còn được nghe những loại câu chuyện như trên. Kim mơ hồ có cảm tưởng mình đang sống lại cái thời con gái được dẹt bằng những lời tán tỉnh, ca tụng độ nào. Không ngày nào mà Kim lại không có

chuyện đem về nhà kể. Không lá thư nào viết cho Quân, Kim lại không quên bỏ vào những chi tiết ngộ nghĩnh như trên, đề luôn luôn kết thúc bằng những nhớ mong, trông đợi...

\* \* \*

Ông Lam bước vào phòng đầu tiên, chiếc tắm còn ngậm trên miệng. Kim vừa mắc ống nói vào máy điện thoại, và không đợi cho ông Lam hỏi, nàng đã lên tiếng trước:

- Có một tin quan trọng, ông Lam ạ.
- Tin gì vậy? Sao cô không lên ăn cơm? Mọi người nhắc đến cô. Chuyện gì thì mặc kệ nó, hăng ăn cơm cái đã.
- Nhưng mà cây me ở trước cửa nhà ông Đại sứ đó!

– Thì đã có sao? Hôm nay bão rút mà. Cây đổ là chuyện thường.

– Nhưng đây là cây me ở trước nhà ông Đại sứ mà.

– Thì có khác gì những cây me khác! Bộ nó đổ đè lên xe ông Đại sứ vừa vặn ông ấy đi làm về hay sao?

– Nếu thế thì đã khác! Đằng này nó đổ đè gãy cái cổng ra vào nhà ông ấy và làm cho một khoảng vách tường sụm luôn.

– Thế, không có ai bị thương cả chứ?

– Không. Hẳn nhiên rồi. Giờ đó mọi người đều đi ăn cơm.

– Thế thì để tôi đi ngủ trưa cái đã. Không ngủ làm sao chịu được!

– Nhưng từ nãy đến giờ họ gọi tới

đây tới tấp. Họ yêu cầu tôi gọi Sở Cứu Hỏa mình tới cửa cây mang đi.

– Thì cô gọi Sở Cứu Hỏa tới.

– Tôi gọi rồi. Bên đó họ bảo họ còn bận đi cửa những cây khác. Hôm nay bão lớn làm đổ nhiều cây trong thành phố.

– Sao cô không bảo cho họ biết đây là cây me trước nhà ông Đại sứ?

– Tôi có bảo nhưng họ đáp họ còn bận đi cửa những cây khác cần hơn. Có mấy cây đổ xuống nằm ngang đường làm cản trở lưu thông còn cần được cửa hơn là cây me trước nhà ông Đại sứ lận!

– Sao cô không nói là cái cây me ở trước nhà ông Đại sứ to lắm, nó đổ xuống làm bẹp cả cái xe của ông Đại sứ và ông ấy bị kẹt ở trong đó luôn, không ra được, cần phải cho người lại cửa cây ngay lập

tức. Thôi, để tôi đi ngủ cái đã. Mưa bão thế này, cái cây trước nhà tôi cũng dám tróc rễ lắm!

Nói rồi, ông Lam tiếp tục xỉa răng và bỏ vào phòng giấy tìm một chỗ ngả lưng. Nhưng chỉ một lúc sau, ông lại trở ra. Kim đã bỏ xuống nhà bếp ăn cơm.

Vì nàng ăn cơm trễ, nên chị Bảy đành dọn cơm cho nàng trong nhà bếp. Kim vừa ăn vừa kể với chị Bảy:

– Chị biết không? Có mỗi cái cây me đổ trước nhà ông Đại sứ, mà “nó” gọi dây nói không biết bao nhiêu lần mà kể. Khi thằng “xếp” đi ăn cơm về, tôi báo cho nó biết. Nó rũ rũ áo, bảo tôi: “Nhà ổng thì có khác gì nhà tôi? Tôi bất cần.” Nói thế chứ một lúc sau tôi thấy nó tức tốc lên xe đi, nó dặn tôi là nó đi lại đằng nhà ông Đại sứ xem sao... Phải nhà ai khác thì nó

cũng bỏ mặc đấy. Thật buồn cười. Đúng là nhà quan mà tróc một hòn ngói bằng nhà dân sập cả mái vậy!

Vừa lúc đó có hai người quân cảnh bước vào nhà bếp. Họ không kịp chào nàng.

– À, cô đây. Chúng tôi gọi lại một lần nữa, sao chẳng có ai trả lời? Các nhân viên bản xứ đi đâu cả rồi?

– Họ ăn cơm và đi nghỉ trưa cả rồi.

– Nghỉ trưa? Họ không biết là cây me trước nhà ông Đại sứ đổ sao? Nghỉ trưa. Hừ. Chẳng trách được. Thế còn mấy ông “xếp” của cô đâu?

– Một ông đi rồi. Vừa đi xong. Lại đang đó xem cây me.

– Chúng tôi có yêu cầu cả gọi bên Sở

Cứu Hỏa bản xứ để xin họ cho xe đến cửa cây, cô gọi rồi chứ? Việc đó của Sở Xây cất và Bảo trì mà!

– Đã hẳn. Nhưng Sở Cứu Hỏa họ đáp còn bận đi cửa những cây khác cần cửa hơn.

Hai người quân cảnh ngó nhau. Một người nhún vai nói:

– Phải, họ cò cửa trên giường ấy mà. Họ không muốn bị mất giấc ngủ trưa nên họ nói thế! Có nhẽ rồi phải xin phái một cơ lính Cứu Hỏa chuyển lo về cửa cây của mình qua đây mất? Ở đây, cái gì họ cũng đùn cho nhau. Nhờ có tí việc mà cũng không xong. Xứ gì mà...

Người kia bảo bạn:

– Màỵ không nên nóng nảy. Chẳng lợi gì.



Rồi quay sang Kim, hần nói:

– Chúng tôi cần người sang thu dọn cây me. Sở Xây cất và Bảo trì nên lo cho mau giùm việc này. Ngoài ra, chúng tôi cần Ban Sắt cho người qua đo đạc và làm một cái cửa “đúp” thay thế cái cửa cũ. Chúng tôi cũng cần Ban Hồ qua xây lại chỗ tường bị đổ. Gấp gấp. Cô nhớ giùm cho.

– Được, tôi sẽ nhớ. Tôi sẽ thông báo cho những người liên hệ.

Hai người quân cảnh nói xong, cảm ơn rồi vội vã bỏ đi. Kim nhớ, đây là lần thứ hai họ đến tận nhà bếp tìm nàng để hỏi xem các “xếp” trong Sở Xây cất và Bảo trì đã đi lo nhiệm vụ chưa và căn dặn những điều như trên. Họ có vẻ sốt sắng một cách sợ sệt. Chẳng gì đây cũng là cây me ở trước cửa nhà ông Đại sứ mà.

Khi hai người quân cảnh đi rồi, Kim quay vào ăn nốt bữa cơm trưa lạnh ngắt. Nàng nói với chị Bảy:

– Cái bọn này cũng chẳng khác người mình là mấy nhỉ? Một cánh cửa sổ nhà ông Đại sứ bị bung ra để gió lọt vào phòng ngủ của ông ấy, cũng đủ làm cho tụi nó quính cả lên, còn hơn là cũng một cây me ấy đổ xuống, đè sập một nhà thường dân vậy thôi.

Chị Bảy cười, nụ cười nhẵn nhịn, chịu đựng. Kim tiếp:

– Chắc cái dạo thành phố bị pháo kích mỗi đêm, cái sở này còn bận hơn thế nữa, ấy nhỉ?

Chị Bảy đáp, vẫn với nụ cười nhẵn nhịn, hơi thoáng vẻ hời hững về một thời kỳ đầy dẫy kinh hoàng hằng đêm:

– Còn phải nói, cô!

Kim nghĩ: “Dạo đó mình còn đang sung sướng với Quân. Dạo đó Quân chưa đi ngoại quốc và mình chưa phải đi làm lại”. Kim và nốt miếng cơm cuối cùng, uống ly nước lạnh, rửa tay rồi vừa đi lên phòng làm việc vừa xỉa răng.

\* \* \*

Tự nhiên Kim cảm thấy muốn viết thư cho chồng.

Gió bên ngoài vẫn vạt mình vào khung cửa sổ ngay sát bàn làm việc của Kim. Từ chỗ Kim ngồi, nàng có thể nhìn thấy dòng sông màu đục như bị bầu trời đầy những cụm mây đen đè nặng xuống. Những chiếc thuyền nhỏ đậu sát vào nhau bên kia sông, như tìm ở nhau một

sự che chở. Chiếc cầu vồng kiểu cổ bắc ngang con sông từ lâu đã bị chặn bằng dây thép gai với hàng đèn điện nằm chờ vờ như nuôi tiếc một thuở vàng son đã qua. Mọi liên lạc giữa hai bên con sông đều đổ dồn trên một chiếc cầu rộng xây theo kiểu mới. Những tòa nhà bên kia sông đều xây bằng đá, im lìm một vẻ bí mật cổ kính, trang nghiêm. Kim nghĩ đằng sau những tòa nhà đó là cả một thành phố với những sinh hoạt xô bồ, bận rộn, chen đua. Sở của Kim nằm bờ sông bên này, thuộc khu hải cảng, với những sắc thái đặc thù của nó. Kim liên tưởng đến thành phố thời tuổi nhỏ của nàng, một thành phố nằm sát bên một thương cảng, nơi đó Kim đã lớn lên, với tất cả cái bộc trực, chân thật của một người chịu ảnh hưởng của cái sinh hoạt xô bồ của thành phố thương cảng. Chỉ có vậy, tất cả cái thời thơ ấu đó. Cũng

như ngày hôm nay. Bao giờ, Kim cũng chỉ là một người đơn giản, không thích thay đổi, không ưa phiêu lưu và bằng lòng sống trong sự chờ đợi, chung thủy, như tất cả những người đàn bà khác.

Trong căn phòng kín bưng với tiếng máy lạnh chạy u u, dù lạnh lẽo và lẻ loi, Kim vẫn cảm thấy một chút gì ấm cúng – sự ấm cúng của tình yêu, của chung thủy và của đợi chờ,

Kim cảm thấy muốn viết thư cho chồng. Có nhiều điều nàng cảm thấy, mà không biết phải diễn tả ra làm sao, với ai, cách nào. Cuộc sống chạy cả bằng bốn chân. Rất thỉnh thoảng, Kim thấy mình chột ngừng lại, suy nghĩ vợ vẫn...

Như buổi chiều hôm nay, trong cơn bão rớt này. Mấy ông xếp người ngoại quốc đều bỏ đi lo về cái cây đổ trước

cửa nhà ông Đại sứ. Chỉ còn lại mấy nhân viên người bản xứ. Có người ngồi đánh cờ ca-rô. Có người ngồi đọc báo. Có người ngồi đan áo. Có người ngồi rửa móng tay. Sinh hoạt trong bàn giấy bỗng nhiên chậm lại, uể oải, lạc lõng. Có một lúc Kim tưởng như cái sinh hoạt đó ngừng hẳn lại. Chỉ có tiếng chuông điện thoại tỉnh thoảng còn reo vang. Và cũng chỉ thỉnh thoảng Kim nhắc ống nói lên trả lời:

– Đây, Sở Xây cất và Bảo trì...

– ...

– Rất tiếc. Xin ông để thư thả cho vài ngày vì rằng tất cả các nhân công ở đây đều bận về vụ cây đổ trước nhà ông Đại sứ.

– ...

– Rất tiếc, chúng tôi không thể làm khác được. Không còn người nào để lo việc đó hộ ông.

– . . .

– Vâng, đành vậy. Tôi sẽ ghi lại. Khi nào có người, tôi sẽ gửi đến sửa đằng nhà ông.

– . . .

– Dạ, không có chi.

\* \* \*

Kim nhìn đồng hồ. Hôm nay nàng hứa xin phép về sớm để đưa các con đi xem xi-nê. Mưa bão thế này, không thấy nàng về chắc bọn nhỏ cũng biết lý do tại sao.

Kim lấy giấy ra bắt đầu viết thư cho chồng:

« Ngày..

« Anh yêu quý,

« Hôm nay bận, mà hóa ra lại rảnh. Mấy ông “xếp” ở bàn giấy em đều đi vắng cả. Số là hôm nay có bão rớt – chẳng biết ở đâu –, làm cây me ở trước nhà ông Đại sứ bị tróc rễ đổ, đè sập mất cái cổng sắt nhà ông ấy. Buồn cười lắm. Để em kể cho anh nghe...”

\* \* \*

Kim cầm cúi viết. Nàng kể cho Quân nghe chuyện cây me trước nhà ông Đại sứ, với tất cả các chi tiết nho nhỏ, nào là các “xếp” nàng đã lo lắng ra sao, nào là tất cả các nhân công trong sở đã được huy động như thế nào, nào là những cú



điện thoại xin sửa chữa sau đó đã bị từ chối ra làm sao và v.v...

Nàng cũng không quên kể chuyện nàng định cho các con đi xi-nê hôm nay nhưng vì bão rớt nên nàng nán ở lại sở làm thêm, thay vì xin phép về sớm, và như vậy nàng lại có thêm mấy giờ lương nữa.

Cái cảm giác nàng thoáng bắt gặp khi ngồi bên cửa sổ nhìn khung cảnh bên ngoài trước khi viết thư cho chồng, cái cảm giác đó tan biến trước khi nàng kịp thu nhận nó, để có thể diễn tả trên giấy gửi cho người chồng ở xa.

TRÙNG DƯƠNG

(Sài Gòn, 5.8.1969)

## NGOÀI KHUNG CỬA

Nguyễn Lệ Uyên

**Q**Ó LÚC NÀO ĐÓ, THOAN  
CHỢT THẤY MÌNH NHƯ  
chiếc lá úa khô, chơi vơi giữa tầng mây  
ngũ sắc chập chờn tít trời cao. Khung  
trời Thoan ở, không còn giới hạn để đo  
những bước chân ngăn rợn ràng tới bụi  
bờ cố định, sà cánh đậu xuống đó. Một  
lần trong đời, dường như Thoan cũng  
đã bỏ lỡ cơ hội, tìm tha những cọng rác  
trong cơn lốc ngút cao. Thoan xa ngoài  
vành tổ ước mơ. Giờ có bước tới một

bước thật dài, vững hay quay mặt trở lại gót xưa cũng như những dấu chân còng xe lăn hạt cát, vỡ òa trên tay biển mặn. Thoan cũng xót xa hơn, khi nhìn miết cánh áo màu thấp thoáng cuối đường của người bạn đang bắt đầu cầm tay những dải lụa hồng cho một lối sống mới. Dung vụt chạy khỏi thị trấn với nét hân hoan mừng rỡ hiện rõ trên môi cười. Thoan cố đoán, rồi những phiên chợ sẽ thừa người, những khúc đường không bóng cây che sẽ chói nắng vàng hơn mọi bận. Thị trấn quanh quẩn với vài khúc đường thẳng lối và ngõ hẻm mù heo hút cùng đàn ngựa lô nhô ngoài bãi, mỗi khi chạy phải che hai mắt. Lão xà ích dù mệt cũng cố giữ thẳng cương khoe đủ mười ngón tay già nhăn bã rệu. Đàn ngựa cứ chạy hoài thẳng lối đến trùng hợp dẫn vào khu rừng thưa mất hút bóng lão già.

Nếu có cố công tìm kiếm, chắc cũng chỉ nhận thấy lơ mờ bóng dáng những con dơi bay thật yên lặng. Không ồn ào, không mang một đốm lửa nhỏ nào dọa nạt. Thoan không hiểu đó là thứ hạnh phúc cuối cùng còn rơi lại cho ông, hay nỗi nhọc nhằn bất hạnh bắt ông giữ chặt sợi dây cương và vòng gỗ xe cao nghệu lỏng chỏng. Thoan không thể nào tin cuộc tình người lại bám riết vào đuôi lông ngựa, quất vun vút xua đàn muỗi bay xa, như lão xà ích già khụ. Ngoài những tâm thường phải hứng chịu, trong phút nào đó lão có buông chùng dây cương, lơ dẫu chân ngựa để tư tưởng đến một điều gì dù to lớn hay nhỏ nhoi. Không hình dạng, bay vờ xa gần. Những ngón tay ông có vẻ khô, nhưng điều đó không hằn dấu óc ông óc ông mù lòa tăm tối. Mười ngón tay Thoan cũng xanh gầy, cũng đang ôm mảnh-nắng-mùa-đông-

mơ-ước và mùa-xuân-đợi chờ. Những chiếc lá, gió cứ đua hoài ngoài song cửa, nhưng chưa một lần Thoan bắt gặp giọt mưa tình rơi nhẹ thấm hồn. Những giọt mưa cứ lãng đăng bay xô về phía chân núi mờ. Đôi lúc Thoan cố khép chặt cánh cửa, tránh nhìn những hạt sương rơi nhẹ bên ngoài. Nhưng ý nghĩ đó chỉ đến nửa vời. Khi Thoan vịn then đẩy chốt, thì mắt nàng nhòa tiếng lao xao hối thúc nghe rõ hơn. Con nước đang lớn dần, Thoan chớm hiểu. Những giọt mưa không rơi ngoài vườn tối mà lại rơi ngay trước mặt nàng, sát ngoài khung cửa.

Khu đất trống đầu đường nhô cao, lơ thơ vài ngọn cỏ may mờ nhạt sương chiều, có vẻ gì hao hụt thấy rõ. Đầu bãi, hàng me xanh ngon dựng đứng nổi nhớ buồn so trong mắt Thoan. Bắt đầu một lối không khác, tình không đưa Tho-

an đi xa hơn ngoài chân mây, nơi Đàn miệt mài ôm siết giấc mộng vu vơ của kẻ thua cuộc trong sợi dây thừng quấn chặt. Trước, Đàn là một trời trong rộng thênh cánh chim xếp gió, là giọt nắng đầu mùa sưởi ấm lòng Thoan, kéo dài một thời đủ làm Thoan ngất ngây. Những hình ảnh cũ, dù ngày xưa Thoan có ve vuốt ôm ấp với tuổi ngày mới lớn, đã có những giọt nước ứa rỉ từ kẽ đá hoen mờ. Trước mặt Thoan chỉ còn thấy được pho tượng đá đứng bơ vơ trên tháp núi, gục đầu trong vòng tay lỏng lẻo chơi vơi. Về đêm Thoan nghe rõ giọng hát rã rời từ nóc tháp bảy ngàn dặm nhánh khô. Đàn xa, Thoan không thôi nhìn pho tượng Chàm khổ não. Khi dưới nhà thờ đổ chuông gọi lũ chiên về, đàn quạ lại bay lượn vòng quanh tượng không đáp xuống cho đến khi hồi chuông cuối cùng dứt chúng mới chịu bỏ bay về hướng bờ sông. Th-

oan ngược nhìn chăm từ cử động lạ. Lúc Thoan được thì nước mặt nàng cũng ứa ra. Thoan thôi, không bao đến gần hang núi tối om dẫn sâu vào lòng đất. Từ ngày đó, chỉ còn nỗi buồn bã xé cay đôi mắt pho tượng Chàm trên chóp núi Tháp. Những giây phút cứ thế trôi qua đời Thoan thật nặng nề, mòn mỏi. Pho tượng như càng gục đầu sâu hơn. Ngoài khung cửa mưa giăng tối mù, mơn man bờ cỏ mục, Đàn lúc này nghe như một tên gọi mơ hồ, đứng cheo leo trên vách đá sẫm màu mơ đuổi những cánh sao chạy vòng xa lắc. Phía dưới muôn ngàn giọt nước lung linh tung bọt trắng xóa. Trong thâm tâm, có lẽ Đàn cho đó là nơi cần phải đến với bất cứ giá nào sau ngày đứng nhìn xác mẹ treo cổ lưng lảng trên xà ngang chết theo đứa con trai bị lính bắn bỏ ngoài khu vực tối. Rừng cây bỗng trở thành nơi che khuất bóng Đàn biệt tăm.

Đàn thực tình cố lần theo bóng tối hang hổ bỏ biệt những ngôi mả đắp ụ tro troi. Đàn đi miết chưa một lần trở lại, Thoan thật đau lòng bởi đêm không còn được nghe tiếng sáo chơi vui đùa dặt giữa trời khuya. Bàn tay Đàn lạnh, run một nòng nân kéo nhẹ sâu cùng cảm xúc. Đàn đi không còn nhờ những trứng khoai lang sắp ngọn ru tình trong đêm trăng sáng nhập nhòa. Đàn không một lần trở về quay mặt nhìn xác lá nằm lẫn sau ngôi mả cũ. Nơi đó dù sao thì cũng đã dây lại những giọt máu rút từ thân thể căng phồng. Đàn có vẻ ham hố và ích kỷ tự coi mình là kẻ độc nhất phải trả xong những vệt máu bầm đen, gạt bỏ những ngón tay mời gọi phía sau. Tiếng kêu Thoan như một tuyệt vọng, không thấu vào núi rừng sâu nơi Đàn lẩn tránh nuôi thù. Trong phút rơi hẫng đó, Thoan xem mình là kẻ thua cuộc đậm đà. Mai Thoan bắt đầu vo



tròn những sợi tóc lả loà xoà héo úa phủ kín mặt sông. Thứ đợi chờ kéo dài mục rữa, đã đến lúc tàn sắc tan biến vào cõi hư vô. Thoan mờ chập chùng những đàn ngựa chạy ồn ào và khu rừng vắng lạnh phủ đầy những toan tính ghê hồn. Liệu lão xã ích có theo kịp dấu ngựa để nhìn rõ cột khói từ ngọn núi nào đó bay chập chờn ma quái. Ông già thường gõ mạnh ống vố xuống mặt bàn, phà khói mịt phòng có tìm thấy ở đó bóng hình Đàn ngoài rãnh nương cao lêu nghêu. Đám học trò của nàng cũng vậy, tâm hồn như tờ giấy trắng tinh chưa nhòe vết mực, cô đâm ghét tên Cầu-ly-hóa có bóng dáng của một bà già đang lúc tuổi hồi xuân. Thoan chợt nghĩ đến loài chó trong mùa tình ái chạy lảng quăng. Hẳn có vẻ thua kẻ Đàn ở chỗ đó. Sau những giờ dạy, hẳn không ngần ngại đạp xe qua những con dốc cao ngồi xoải cẳng trong bất cứ ngôi

nhà của một đứa con gái nào, tán tỉnh. Cầu thì chạy đuổi. Đàn thì hun hút, nên Thoan không còn đủ can đảm trở ngược lối dốc gập ghềnh chia ngọn thác chảy ào kín lối. Thoan cúi đầu, nhìn sững xuống mặt gió ủa bay cào mặt đất và mưa rơi từng giọt trên mái và một giọng buồn thấm ru Thoan vật vờ. Thoan hiểu. Kẻ chạy trốn bây giờ là mình là con Thoan chìm sâu trong dòng nước. Anh Đàn, em thua anh ở những chịu đựng đến mức độ căm lạng rồi đó. Anh không nghe thấy, nhưng ra xa ngoài bãi, xin cho em được gói đầu lên sóng chảy xuôi về hóc tối nào đó gần nhất rồi nhấn chìm luôn mảnh áo che thân cuối cùng của một đời người. Sau lúc anh biệt tăm, Cầu lại ào tới vây em. Cuộc đời hắt hình như đã gói trọn ở các xó bếp nhà lũ học trò gái. Vết chân hắt cùng khắp vệt mòn cỏ cây. Có còn hình ảnh nào đáng chửi rửa hơn một vì

giáo sư đi rình bắt chút tình ái như kẻ trộm. Anh Đàn, ở xa anh có nghe được tiếng nấc thâm vút cao không?

Có lúc trăm chim chiến chiến vang rộn, lơ lửng giữa trời xanh chẳng còn uy lực để buộc Thoan phải nghĩ nhiều hơn. Đàn như trăm lời ca mềm ngọt. Ngôi giáo đường cổ xưa giảng đầy mạng nhện và tổ chim, thường ngày Thoan về quì lễ, vô thức nhận thêm một lỗi lầm nhìn từ vẻ tươi mát khó gột. Không biết trong đôi mắt hiền từ của Chúa có nhìn thấy được những hạt bụi nhỏ phủ kín đời Thoan nhạt mờ. Dù Chúa có đứng xa ngoài bóng tối. Thoan vẫn nghe rõ con sóng đêm cầu nguyện rì rào bên bờ đá dốc ngược, cho đến ngày không còn một giới hạn, xa cách Thoan với núi rừng. Nhưng tiếng sóng, rồi chót cùng cũng im bật rì rầm. Ngoài tiếng văng đưa kéo

kết bơ phờ của ông già, sau mười năm kháng chiến bùng biến sôi máu, Thoan chỉ bắt đôi thạch sùng đuôi bắt nhau trên vách tường mang nhiều vết đạn cày bằm. Ông già nằm đó, phơi thân hình gầy xòm, chốc chốc lại cất lên một câu hát tiến quân khàn khàn không rõ, giọng quái gở. Không hiểu ông hát để nguôi ngoai hay luyện tiếc thêm thời gian vùng vẫy ngang dọc của mình. Ông có nhiều chuyện kể, nhưng cách nào cũng không ra khỏi bãi cát Đồng Đăng rồn rập bước chân người nện mạnh. Trong hơi sức già yếu, khi đi chống gậy đã tàn lụn theo số tuổi mòn thê thảm, dù gì gì thì Thoan vẫn xem đó như một câu chuyện huyền thoại khó tin, xa lắc mà ông là kẻ vô tình hay cố ý đánh lừa trí óc Thoan. Đi cuối nẻo, dưới mắt nhìn của đứa con gái ông chỉ là người sống nhiều cho kỷ niệm, cho những giây phút khó phai nhòa nhanh

chóng trong trí óc già cằn bám dày khỏi thuốc và xác lá mục. Những lúc xấu trời, gió mưa sùi sụt, ông lại gõ nhịp tẩu gọi Thoan lại gần.

– Này, hồi tao đi kháng chiến hai năm sau mới gặp mẹ mày ở liên khu 5. Ngoại mày gốc La-hai theo đảng Cảnh cữu đấy. Giàu mà lại đa tình nhất là ông Hào Chín dưới Gò Duối. Đâu khoảng làng Lê Uyên.

Thoan quay ra khoảng sân trống, tránh nhìn cặp mắt hom hem xa xôi của ông.

– Hôm trước ba kể rồi.

Ông già chặc lưỡi:

– Tụi bay còn nhỏ ưa quên, có nhắc lại nhiều lần mới nhớ được chớ.

Thoan dè dặt, không ngừng tay móc nốt những đường len cuối cùng để kịp có áo ông mặc mùa lạnh.

– Thôi, ba ra nghỉ cho khỏe.

Câu nói Thoan như chẳng ăn nhập gì tới ông. Thoan thấp giọng:

– Ba mươi tháng chín giỗ mẹ.

Ông già lặng thinh, bấm đốt ngón tay:

– Còn lâu, coi, hơn nửa tháng nữa lận. Mẹ mày ngày xưa ưa đi dép bình-trị thiên lắm. Đi bền mà êm.

– Ấy, ba lại kể lẽ dông dài rồi. Dép đó chỉ hồi thời Bảo Đại chưa rụng rốn dân chúng mới xài chớ giờ ai mà đi.

Ông già lừ Thoan, la:

– Mà biết ngài Bảo Đại có mấy lỗ rốn mà dám nói hỡn.

Thoan bật cười:

– Chắc bốn lỗ. Bốn lỗ phải không ba?

– Hử, bốn lỗ rốn lặn na. Mà dạy học trò...

Ông già nói lửng câu, ngần ngợ, cố mọi trí nhớ xem đã có lần nào ông tìm thấy những điều con gái ông vừa phát giác. Ông há miệng suy nghĩ lao lung. Rốt cùng ông đành chịu bất lực, chậm rãi trở ra chiếc võng dây bố cũ mềm đu đưa tiếp mảnh đời tàn sau những mùa chạy loạn...

Hơn hai ngày nay, đám bạn nhỏ của Thoan không còn thấy bóng ông già chống gậy ra sau vườn chăm sóc từng

gốc cây ăn trái. Chúng xâm xì, cho đó là điều lạ, bất thường. Có đưa đoán bừa rằng ông bị bệnh. Nhưng dấu bệnh hay ở đâu, chúng cũng đã lỡ mất dịp gần gũi với ông qua những câu chuyện kể xa xưa mê hoặc. Tội chúng có vẻ quý mến ông già thực tình. Những đêm sùng nổ rộ trên đầu xóm, sáng ra tỉnh dậy, gặp chúng vây Thoan hỏi:

– Thưa cô hồi hôm sùng bắn ông có ngủ được không?

Thoan cười:

– Bộ ông thức na cô?

– Gì mà thức. Ông ngủ ngon lắm. Chủ nhật rảnh tới ông kể chuyện kháng chiến chống Tây cho nghe.

Cho thay ai gì noi con



Khi những đứa trẻ đi hút ngoài hàng keo, Thoan thấy hình ảnh ông già bật lên giữa những chòm lá rậm, xơ xác tội nghiệp. Mười năm kháng chiến của ông tan theo cát bụi nhạt màu. Trở về ông chỉ còn được thân xác điều tàn rách nát sau những lần bị lừa lọc, lợi dụng. Những đổ nát trong đời ông chẳng bao nói cho ai nghe. Ngay cả Thoan ông cũng cố giữ kín, tránh cho con thấy rõ những buồn phiền mình. Những hình ảnh sáng rõ làm sống lại chỉ là cách đánh lừa Thoan. Thoan nghe rõ nhưng không làm sao nói được. Những lưỡi-dao-cùn-sáng-lóe lia ngang tầm mặt suýt vùi ông dưới hố đá Thạch Thành, dù ông có đào sâu mười thước đất chôn giấu Thoan cũng nhìn được, rõ như ông đang ngồi trên vông kéo từng hơi thuốc dài, trơ trọi. Và còn gì nữa, những điều ông treo sau mắt sụp

nặng như Đàn chột hiện trong tiếng nổ chát chúa ngoài xa, những đêm thao thức. Những giấc ngủ đi lên bờ cao vũng sáng với Thoan thật nặng nề xô đẩy những cơn hồng thủy trong lòng cào nát thịt da. Nỗi ám ảnh cao ngất hồn Thoan, nôn nao, bồn chồn. Mạch máu như muốn vỡ tung người Thoan đêm tối nghe tiếng chó sủa rộ ngoài bãi dâu. Thoan sợ hãi hay chờ đợi sự chết trở về, hồi sinh những kỷ niệm xưa. Những sợi chỉ hư thực chột ào tới căng dây trí Thoan. Vệt bóng mờ không góc cạnh cú lao nhanh trong đêm tối buông sâu, cách phút nhiều lần làm ông già hoảng vía chun tuốt vô hãm nằm ép người nín thở. Cái kinh nghiệm già nua của mẫu người suốt đời chạy loạn nom giống cuộn phim cũ mềm, quay mãi chậm rãi trước mắt làm Thoan thấy dần dĩ và bình tĩnh hơn. Đêm xuống tới

tận cùng chiều sâu. Giấc ngủ như thứ tường lũy vô hình kiên cố có thể che chở ông già suốt đêm một cách an toàn, chẳng sợ hãi. Những tiếng động mạnh bên ngoài dứt quãng khô khan mà nghe như tiếng hát dân Chàm ru ông đi từng bước thật nhẹ ngược dòng về nơi cố xứ. Khắc giây đó, vô tình biến Thoan thành người lớn trong những tìm gặp thoáng chốc. Nhiều, chỉ kéo dài đến khi đàn sao ngủ ngoài rừng thông đầu tháp núi chột khua rộn ràng, đẩy dần bóng tối ra khỏi ngõ dưới.

Càng ngày chó sủa càng rộ dữ hơn, vút trong thinh không bốn bề vắng vắng, lượn theo chiều ngang dọc thấp cao của làn đạn trong những chiến dịch đầu mùa. Những viên đạn lạc loài réo giữa đêm khuya, bay vút qua mái tranh càng đưa ông già lùi sâu góc tối. Căn nhà rộng

thênh, chỉ còn mình Thoan ngồi ôm gối trên giường như pho thạch tượng bất máu chảy òa.

Đêm thứ năm ngoài khung cửa đời Thoan sắp đến. Gót chân Thoan chạm nhẹ nền đất ẩm lạnh tê. Thoan lần mò ra khung cửa đứng đợi hồi lâu, vẫn không giọt con nước vỡ bờ. Ngạch cửa lại ghéch nổi chờ đợi gặm mòn đôi mắt Thoan ràn rụa. Đàn xa lăng đăng, chơi vơi giữa đêm tối nhập nhòa. Thoan nghe từ đằng xa những bước chân chậm dò lối nhưng vội vã. Hơi thở đứt quãng phả tới chỗ Thoan như đợt nắng mùa đông ấm áp. Thoan chấp chới giờ tay chờ đợi.

– Anh, sao lại sủng nể nhiều hơn mọi bận. Chắc đánh nhau. Anh vào đây nẫu có biết không?

Gã đàn ông dìu Thoan ra phía cột  
rơm khuất sau vườn.

– Em chờ lâu chưa?

Thoan chậm lại.

– Lâu, chỉ tội nghiệp ông cụ đêm nào  
cũng ngỡ đất trời sôi sục của những trận  
đánh Tây nguyên xa xưa. Cái hình ảnh  
mười mấy năm về trước bắt đầu ám ảnh  
ông dữ dội. Trước mắt lúc nào cũng hiện  
rõ lưỡi dao cùn-sáng-lóe nhầy nhựa và  
tiếng la tấp nhen núi rừng.

Gã đàn ông như không để ý đến nỗi  
lo lắng xót thương của Thoan, hỏi lời.

– Ông ngủ rồi chứ.

– Rồi.

– Ông già thiệt kỳ cục...

Thoan run run hỏi mà như van vỉ.

– Sao anh chưa chịu về. Ở đó có những gì mê hoặc anh đến độ không còn nhớ ngôi mả cũ ở chân tháp. Hay anh chưa tìm thấy những lưỡi dao của bay xé đêm sâu.

Gã đàn ông giận dữ xô Thoan ra xa.

– Tôi cấm cô nói câu này lần thứ hai,

Tuy gã nói nhỏ chỉ vừa đủ rõ giọng, nhưng Thoan nghe như tiếng thét vỡ họng đập nát hồn Thoan. Anh, anh đã thay đổi tính tình tới chừng đó sao. Ngôi mả cũ ngày xưa hai đứa nhiều lần đến đó thả tình xanh ngọn có gì để anh phải thù hằn xa lánh. Về tới đây sao anh không tìm thấy những phiến tơ trời mỏng cánh bay là bên đôi cỏ may. Có gì bên trong vành môi anh khép kín như

sợi râu ông già giữ ngọn, như đàn ngựa chạy mù ngổ văng... Lúc nhỏ những lần theo cha lênh đèn trên mặt biển. Thoan đã nghe những ngọn sóng cuồng nộ đập tung bờ đá ngoài đảo xa nhưng không lạnh lòng găm cú như đôi mắt Đàn xoáy lung tim Thoan. Thoan chưa hề một lần, ví mình là tảng đá kiên cố. Nhưng trong câu nói Đàn vẫn đậm vẻ hằn học thiêu chết lòng người dù đêm có lạnh, sương có làm rết run khoe mát. Cái lạng chột buông chùng, bao phủ. Nỗi cô đơn thì sâu thẳm. Mắt Thoan thì cay sè.

– Sao anh lại lánh mặt ông già và tìm cách lẩn trốn nhìn pho tượng.

Gã như kẻ mộng du chột tỉnh, ôm sát Thoan vào lòng.

– Không, anh có tìm cách lẩn trốn, coi rẻ quá khứ bao giờ, dù của bất cứ ai.

Nhưng tiếng chó sủa sẽ đưa bọn lính ra xa hơn ngoài đầu bãi, mé sông.

– Anh sợ bọn họ.

Gã đàn ông vò nát những cọng rơm ẩm sương trong lòng bàn tay, ngồi im. Đầu ốc gã quay cuồng lộn cộn những thân người thiếu thốn hao hụt. Gã giờ chẳng còn gì hết. Ngay chính những thoi sắt gã chôn dưới tượng Chúa như một biểu tượng của linh hồn, và tim óc mình. Cả Thoan ngồi cạnh cũng như một kẻ xa lạ, một cục đất tầm thường. Gã biết, những tháng ngày kế tiếp, gã không còn dịp trở lại những gò đất cũ, nhưng gã không thể nào thổ lộ điều này cho Thoan nghe. Gã chỉ biết đây là đêm cuối cùng gã giáp mặt với người tình cũ. Gã kéo tay Thoan, ngã xuống đồng rơm, hỏi có vẻ như ngớ ngẩn.



– Em có giữ được gì không?

Thoan không theo kịp ý gã muốn nói, hỏi dồn:

– Anh nghĩ kỹ rồi chứ?

Thoan gục đầu vào cánh tay gã hồi lâu như tìm thấy sự che chở.

– Anh chắc không ai nhìn thấy anh.

Gã thở dài:

– Có, những cọng rơm bám riết theo anh. Những cọng rơm có ẩm sương chỉ riêng dành cho em nằm...

\* \* \*

Sau cái chết bất ngờ của Đàn, Thoan đã đưa cha, người thân thích gần gũi chót cùng vào ở hẳn trong thành phố. Như thế cũng tạm yên. Đêm ông già sẽ

ngủ thoải mái hơn. Hết còn nhà chui vào hầm vùi vĩa, run bầy rầy. Không còn phải nghe tiếng chó sủa tru xen lẫn tiếng đạn nổ ì ầm ghê rợn. Trong không gian thu hẹp và chật chội, ông già coi chuyện xưa như chìm chết theo xác những con muỗi ông đập nát trong lòng bàn tay. Có lúc nào đó, chợt nhớ tới, ông chỉ yên lặng, mỉm cười thầm một mình trong phòng tối. Có lẽ câu chuyện đã đến lúc không còn hấp dẫn và lôi cuốn nổi chính mình, huống chi kẻ khác chưa một lần dám đẩy đời phiêu lưu như những phiến mây trôi vô tận.

Những đứa học trò cũ của Thoan, mỗi khi đến thăm không còn mang nét mặt hào hức chăm chú theo lời ông kể, mà lại trang nghiêm, ôm những hộp giấy to tưởng biểu tặng ông e dè kín đáo. Trên khuôn mặt còn non nớt chưa xấp rãnh

tuổi đời gai góc, ông không thể đọc thấy vẻ thân thuộc thơ ngây ngày nào. Có thể trong số tuổi già nua lụ khụ, ông đã lú lẫn chẳng? Nhiều lúc ông có ý muốn trở về sống lại trong căn nhà cũ cho nốt tuổi vàng, nhưng khi nhìn nét mặt Thoan buồn vợi, lòng ông chợt tắt ngấm nguội lạnh, mau chóng như ước muốn ông mọc cao. Sau trận đánh ở Gò Quit, ông thấy tính tình Thoan thay đổi hẳn. Suốt ngày Thoan như kẻ mất hồn, còng lưng mê miết trên những trang giấy trắng, hay thổi những khúc nhạc rời.

«C'est le mystère de l'orage, celui du pauvre. Dans les pauvres maisons, on aime le silence, on aime aussi le silence. Mais les enfants crient, les femmes pleurent, les hommes crient, la musique est horrible...<sup>2</sup>». Hôm giỗ mẹ, ông bảo

---

2 Paul Eluard (Pauvre).

Thoan nên tính chuyện trăm năm cho yên một bề, ông có nhắm mắt cũng đỡ thắc thỏm lo âu. Nhưng Thoan đã gạt đi bằng những giọt nước mắt lăn dài trên má. Thật lạ lùng. Ông thở dài, cong lưng lật tiếp những trang sách lý số cũ mèm, gieo lại quẻ cho đứa con gái. Không mạng nó lớn lắm. Sinh nhằm cung Cơ chừng như sợ tinh sai, ông bấm lại từng đốt ngón tay, chậm rãi lật từng từ nghiêng ngả.

Bỏ chốn yên lặng, ngôi bói số và đọc thơ Đường như một nỗi khuây khỏa duy nhất. Dường như hiểu ý người cha có cuộc đời chứa nhiều huyền thoại, nên Thoan chẳng ngần ngại vào hiệu sách mua về những quyển sách ông ưa thích.

Có bóng cha bên cạnh, Thoan không còn muốn suy nghĩ ao ước điều gì hơn ngoài những giờ dạy ở trường như có cơ

để quên chuyện xưa. Thoan xa lánh tất cả, để ý đến những việc làm tồi tệ của Cầu lan xa trên cửa miệng học trò. Dưới mắt những cánh cửa sổ, Thoan bị xem như một nhân vật lạ, một hiện tượng quái gở. Giá như còn Dung có thể Thoan thấy cuộc đời bớt trống trải. Những con tem đủ màu Dung mang về đủ làm Thoan thấy lòng nở rộ. Nhưng Dung đã xa hút bến đò như Đàn đang sâu trong lòng đất. Trước ngày Dung đi, Thoan dẫn bạn ra nghĩa địa chỗ Đàn nằm đi lòng vòng như kẻ mất trí. Tà áo Thoan bay phất phơ nom từ xa như bóng ma ẩn hiện trong sương khuya. Dung kéo tay Thoan ngồi trước mộ Đàn lấy tay vẽ vòng vòng lên cát, buồn xa xôi.

– Tao hỏi thật, tại sao những lúc gần gũi mà không tìm cách đưa Đàn về.

Thoan nói như cho riêng mình nghe, lạc giọng.

– Có lẽ tại tao không đủ can đảm để nhìn thẳng, sâu vào đôi mắt sáng quắc đó. Nghĩ lại Đàn chết không phải vì những viên đạn cày nát thân thể mà là tao, từ bờ tóc ướm.

Dung an ủi:

– Dù gì thì Đàn cũng đã chìm vào lòng cát bụi rồi. Nghĩ nhiều chỉ quẩn trí.

– Đàn chết, ngoài tao ra chỉ còn có mày là người độc nhất biết câu chuyện này. Nếu còn quý nhau, tao van mày nên tránh xa những bờ lá cỏ mọc lấp lánh bóng sao tàn.

– Còn bác.

Thoan lắc đầu, kéo tay Dung đứng

dậy đòi về. Ngồi lâu Thoan sợ phải thấy Đàn hiện rõ trong giấc ngủ muộn màng với khuôn mặt nát nhão đầy máu. Lần thứ nhì cũng là lần chót Thoan bước quanh mộ Đàn. Những ngày tới Thoan sẽ không có đủ can đảm tới ngôi nhổ từng gốc cỏ mà nghe như cắt từng thớ thịt người tình, loáng máu. Hình ảnh nào dù có in sâu rồi cũng phai đi nhạt nhòa như chiều nay cát bụi đẩy Thoan chạy thật nhanh ra khỏi nghĩa địa. Bóng dáng, mồ mả anh sẽ tan biến, xa ngoài khung cửa Thoan chờ. Khuất mãi với những cọng rơm vò nát trong tay anh tan nhòa bóng tối...

NGUYỄN LỆ UYÊN

(Sadec, 10-69)

## NẤU CƠM TRONG RỪNG

Nguyễn Đức Sơn

chiều lắng bóng trên mặt nổi nước suối  
gạo vo rồi khi nắng nhạt bay đi  
bên rừng mộng em thần thờ mót củi  
thuở ta về thở nhẹ khỏi vô vi.  
một mình đi luồn vô  
luồn ra trong núi chơi  
khi thấm mệt tôi đi luồn ra núi  
cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ



bước lủi thúi tôi đi luôn vô núi  
nghe nằng tàn run rẩy bóng cây khô  
chân rục rã tôi đi luôn ra núi  
hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô.

**VĂN số 150**

**Số đặc biệt: Vũ Hoàng Chương**

## THÊM GIÓ

Mường Mán

TỪ KHI CÓ GÁNH HÁT “PHƯƠNG XA” TỐI. VỀ trầm lặng của thị trấn chao động thấy rõ. Cái rạp xi-nê bỏ không, đứng co ro ở ngã tư, thường ngày phơi bản mặt nghèo đói tồi tàn, như một gái làng chơi về già, phai hương nhạt phấn, phút chốc thay đổi hẳn. Mặt tiền sáng rõ với loạt ảnh đào kép phóng lớn lồng bởi nhiều tấm kính trang trọng. Mặt tường mốc xỉn được dán kín bởi nhiều tấm bích chương tô màu xanh

đỏ lòe loẹt. Diễm Mộng, Hoàng Nam, đào Mỹ Oanh, Hùng Phương... những cái tên đào kép kẻ lớn nét, đậm màu, đọc lên nghe kêu đôm đốp. Tên những vở tuồng cũng không kém phần táo bạo. Chiếc loa phóng thanh mắc ngay trên lối vào, suốt ngày quần quai hát ca âm ỹ. Tiếng ca điệu nhạc từ đó tản mát, trùm lấp cả khu vực chợ, cuộn cuộn đổ ra tận ngoài bãi sông.

\* \* \*

Chiếc xe đạp ra khỏi lòng hẻm, chạy bon bon trên mặt đường lớn. Hai chân Đông nhấn xuống đưa lên đều đặn. Vạt áo dạt bay dạt phía sau rồi rít đập gió. Hai dây nhà lô xô, mái thấp mái cao chen nhau. Những tấm bảng hiệu cũ mòn lấp ló dưới hàng hiên. Khu phố cụt ngùn, rời rạc, tưởng chừng chỉ cần bỏ ra mười lăm phút là đi dạo cùng khắp. Những con

đường, mùa mưa, thường được quét lên một lớp bùn đỏ quạch, bởi hàng loại xe nhà binh mỗi ngày di chuyển qua. Bùn đỏ theo bánh xe từ cánh rừng phía Tây xuống, từ những quả đồi miệt Đông lên. Mùa nắng bùn đỏ khô róm, vục dầy, theo gió bay lượn rợp trời, mát mặt người đi đường. Bụi làm áo trắng bọn học trò nạm hồng từng mảng lớn. Khu phố nhỏ hơn Đông tưởng. Ngày chưa đến đây Đông cứ ngỡ nó rộng lớn ghê lắm. Ít nhất cũng rộng và đẹp hơn làng mình. Hồi đó, lâu lâu Thanh từ tỉnh về, nằm kể chuyện phố phường, làm Đông cứ nôn nao, ngấm ngấm hẹn ngày nào đó đạp xe lên chơi một chuyến, để đi ăn hủ tiếu, đi dạo buổi chiều dọc bờ sông hóng mát, như lời Thanh kể. Với Đông, lúc này khu phố chẳng còn gì đáng gọi là mới lạ nữa. Sáng chiều bốn bận, đạp xe ngang qua những mặt nhà, những hàng quán quen

đến độ chán mắt, ớn tận cổ. Đông đâm ra nhen nhúm ý nghĩ quay trở về với con đường đất, lũy tre xanh, cánh đồng rộng mênh mang ở quê nhà. Ý nghĩ ấy luôn bị rẻ rúng bởi câu hỏi: Làm sao trở về? Về ở với hố bom nhà đổ à? Nỗi nhớ làng mạc nhiều đêm xui Đông ứa nước mắt. Cũng đánh nhớ để mà nhớ vậy thôi. Khi không thể giấu giếm được nữa. Đông thổ lộ nỗi buồn nhớ của mình cho Thanh nghe, đưa em gái thua Đông ba tuổi trừng mắt: “Chị có giỏi về dưới nó ở đi”, câu nói nửa lầy bở, nửa thách thức đe dọa xui Đông mềm lòng. Đông lơ tay cầm ghi-đông, cho xe lăn chầm chậm lúc ngang qua rạp hát. Ngẩng mặt ngó những tấm bích chương, lăm thâm đọc tên mấy vở tuồng, tự dừng nghe dậy một chút vui băng quơ. Nắng lút ngợp hai hàng cây bên đường, thứ nắng không hanh, nhột nhạt bệnh hoạn. Tháng Chạp đang gấp

gáp bồ nhào đến những ngày cuối năm. Thời tiết se lạnh theo những ngọn gió trở mùa từ núi non thổi về. Cái lạnh len lỏi, phức kích trong nắng chực chờ chui lọt vào cổ áo len sớm mai khi ra đường.

Hàng cây mù u rậm lá, tạo thành khoảng rợp khi dài dọc theo bờ đường, trước mặt trụ sở quận. Rải rác vài ba chiếc bàn và kê sát gốc cây, bên cạnh mấy chiếc xe bán nước giải và hàng quà vặt. Trên mỗi chiếc bàn, đặt một cái máy đánh chữ, lỗ nhố đàn bà đàn ông bu quanh. Người đánh máy, hai bàn tay mười ngón vừa gõ lia lịa xuống mặt chữ vừa tiếp chuyện khách hàng. Tiếng lóc cóc vui tai nhòa nhập giữa trăm ngàn tiếng động khác.

Đông dưng chiếc xe đạp vào gốc cây quen thuộc, thoăn thoắt bước vào cái quán may nằm thụt lùi bên mé trái con

đường, khiêng ra chiếc bàn vuông và cái ghế nhỏ, đặt cạnh chiếc xe đạp, đoạn loay hoay tháo gỡ dây buộc chiếc máy chữ, xấp giấy sau «bót-ba-ga» đem để ngay ngắn trên mặt bàn. Đông ngồi xuống, lấy xấp hồ sơ đánh dở từ hôm qua gài vào máy. Mọi quen cử động quen thuộc quá rồi. Công việc lập lại mỗi ngày chừng đó. Những ngón tay nhấc lên, đập xuống mặt chữ tự nhiên, gằn bó như không thể rời. Đông có thể vừa gõ vừa nghĩ ngợi lan man, vừa tiếp chuyện kẻ khác. Khách hàng thường là những người lính, đàn ông, đàn bà đến thuê đánh một «táp» giấy khai sinh, chục tờ giá thú. Xong họ mang vào quân thị thực chữ ký, đóng dấu. Thật tiện lợi. Ngoài việc làm cho đầy những khoảng trống chứa sẵn trong mọi thứ giấy tờ. Đông còn giải đáp đủ loại thắc mắc. Với số kinh nghiệm ít ỏi về hành chánh, Đông có thể giải thích

cho một số người từ vùng quê lên, cách làm cái đơn xin bồi thường thiệt hại nhà cửa do chiến tranh gây nên, hay chỉ cho một anh một ngớ ngẩn nào đó, thủ tục xin lập tờ khai gia đình v.v... ở chỗ làm việc lộ thiên kiểu này, dễ chịu hết sức. Khác hẳn không khí nặng như chì trong các công tư sở. Nghe tiếng chim hót, Đông có thể ngược đầu lên thấy nó đứng chỗ nào, nghe tiếng còi xe, tắt máy, Đông có thể nhìn ra thấy ai vừa tới, Đông còn có thể nhìn bao quát cả mặt tiền trụ sở quận, cái bót gác xế cổng, có người lính đứng mang súng, thỉnh thoảng đi lui đi tới đá mấy cục gạch vụn dưới chân. Tốp nhân viên vào ra mỗi ngày Đông đều quen nhẵn mặt.

Những ngày mưa, Đông dời bàn vào quán may anh Bổng. Anh Bổng góa vợ, có đứa con nhỏ. Đứa nhỏ thường là



đầu mỗi những câu bông đùa. Đứa nhỏ gọi Đông bằng dì, anh Bổng muốn vậy, Đông thấy cũng chẳng hề gì, nên thường xưng dì dì, con con với đứa nhỏ. Mỗi ngày Đông tới nhấc chiếc bàn ra kê dưới gốc cây, hết giờ làm việc, lại nhấc chiếc bàn cất vào quán. Bổng tuyệt nhiên không làm hộ việc đó. Đoạn đường từ quán mang ra tới gốc cây, chỉ chừng mười bước. Chiếc bàn làm bằng thứ gỗ tạp, mặt vuông vức mỗi bề 8 tấc và 4 cái chân khẳng khiu, không đến nổi nặng. Có lần, nhìn Đông khiêng chiếc bàn, Bổng bật cười: “Cứ khiêng một chặp, riết cô trở thành lực sĩ”. Đông cũng cười: “Có ngày tôi dám khiêng chiếc bàn này chạy quanh thành phố biểu diễn lắm”. Nội dung câu chuyện trao đổi giữa hai người, thường pha loãng bằng tiếng cười trong veo như nước lọc, thứ nước lọc có pha đường mà cả hai cùng ngấm nhận ra vị

ngọt. Ấy thế, nhưng giữa hai người chưa có cử chỉ nào biểu lộ tình ý rõ rệt. Bồng già trong bộ đi điệu đứng nhưng thật trẻ ở mỗi lời nói giọng cười. Đông mơ hồ cảm thấy lơ lửng giữa thú tình cảm nửa-tình-nửa-bạn đó. Thật ra, họ có thể cùng chung lưng góp cuộc sống chung, mãi đến nay vẫn giữ nguyên tình trạng “tình trong như dĩ, mặt ngoài còn e” vì Đông thích như vậy, dường như Bồng cũng có phần nào e ngại đối với việc bước thêm bước nữa.

Bồng đến dựng quán, mở tiệm may ở đây dễ chừng cũng hơn ba năm. Nói là tiệm may, đúng ra thì anh chuyên sửa áo quần lính hơn may đồ xi-vin, thỉnh thoảng mới may cái áo dài, vật bà ba cho những khách quen. Cầm cái thước đo, cây kéo, trước máy may, anh tự du mình vào một thế giới khép kín khiêm tốn.

Nhất là từ ngày vợ anh chết, sau đêm bị băng huyết dữ dội sẩy thai đứa con thứ hai. Nhìn xác vợ nằm bất động dưới lằn “ra” trắng anh cúi đầu, phút chốc nghe như mình già đi mấy tuổi. Ngày đó thằng cu Ti còn nhỏ xíu, anh phải gửi cho bà ngoại nó nuôi giùm. Mỗi lần nhớ đến người vợ vẫn phần anh lại thấy tức nghẹn, chát đắng cả cổ họng. Anh hoảng sợ trước cái chết oan ức của vợ, cũng từ đó anh bị ám ảnh bởi mặc cảm có số “sát thể”. Anh muốn đi coi bói một lần cho rõ ngọn ngành, nhưng chần chờ hoài, chắc gì thầy bói nói đã đúng. Chính cái mặc cảm đó, hình bóng người vợ cũ, trì nín không cho anh mạnh dạn bước đi thêm bước nữa trên phần đời còn lại. Anh vẫn định bụng nói hết một lần cho Đông nghe, nhưng mãi đến nay anh chưa hề mở miệng.

Đông xếp tập hồ sơ đánh máy xong đặt qua một bên, bẻ mấy ngón tay kêu rắc rắc. Ngoái cổ trông vào quán may, thấy Bổng đang nói chuyện với mấy người lính. Đông quay ra ngó mông về phía trụ sở quận, lật tay coi đồng hồ, lẩm bẩm: còn sớm quá. Một người lính từ quán may đi ra, đứng dưới gốc cây dăm dăm ngó Đông. Đông ngừng đầu lên:

– Ủa, anh Phát.

Nghe Đông gọi, người lính bước tới đứng cạnh bàn cười:

– Hà hà, tưởng chị không còn nhận ra tui chớ?

– Đi lính răng chừ?

– Từ “mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra đất Việt...”

- Cái tính bông đùa vẫn không bỏ.
- Chị lên đây lâu chưa, không còn làm việc ở xã nữa rằng?
- Trụ sở xã bị sập, làng mất an ninh tôi lên đây gần năm rồi.

Đông ngó cục xương lên xuống ở cần cổ người lính rồi tiếp:

- Tưởng anh còn ở phe bên tê chứ.

Phát bỏ chiếc mũ bê rê màu đỏ sậm xuống bàn, vuốt mớ tóc cứng ra đằng sau:

- Khởi nói, tôi là lính của mọi thời đại mà, thời Pháp thuộc đi lính Tây, VC vô chiếm làng, đi lính VC, chán VC ra hồi chánh, nộp súng lãnh tiền thưởng, chừ đi lính Cộng hòa.

– Anh hồi chánh lúc mô tôi không biết?

– Chị làm răng biết được, tui ra hồi chánh ở Quảng Tín.

Nhìn nét mặt răn rỏi, ngăm đen của người lính, Đông thật sự thềm muốn vẻ vô tư vô lự của anh ta. Như sức nhớ, Đông vốn vã hỏi:

– Ủa quên, anh được mấy cháu rồi?

Phát cười, để lộ hai đường răng vàng cẩu:

– Mô có, mới cưới vợ.

Nói xong, anh rút trong túi ra một xấp “Tờ khai giá thú”, xòe trước mặt Đông.

– Chị làm giúp tui cái ni nghe.

Đông lót giấy than gài xấp giấy vào máy. Phát cầm cuốn sổ nhỏ trên tay, lật ra, đọc từng dòng cho Đông đánh.

Đông ngẩng lên khi nghe Phát đọc tên vợ: Nguyễn thị Đông Sương.

– Tên đẹp chắc người phải đẹp lắm há?

Phát cười, kể lể:

– Chị nghĩ, băm bảy tuổi lấy vợ, đẹp hay xấu chi thì cũng lấy đại một lần cho xong, mình mô có còn trẻ nữa mà đòi lông bông.

Hai người tiếp tục nói chuyện về làng nước, chiếc cầu dòng sông, mái đình khu chợ. Phát luôn chép miệng, mỗi lần nghe Đông nhắc đến một biến cố nhà sập, người chết trong làng. Ông Thú, bà Lương, thằng Chút... những người

xương thịt mục rã trong đất, bây giờ được hai người gọi dậy với giọng thương cảm thân tình. Trí nhớ Đông như một cuộn băng ghi lại tất cả và Phát là người mở nút cho cuộn băng kia có dịp mở bung ra, kỷ niệm rời rạc của ngày tháng cũ, chắp nối thành câu chuyện kể. Phát lúc này không còn là Phát mấy năm về trước nữa. Không còn Phát có chút máu điên, nửa đêm cầm dao, gõ cửa nhà ông Thiệt, xả vào lưng ông già một nhát thực mạng, chỉ vì ông không chịu gả con gái cho anh ta. Rồi Phát bỏ lên núi biệt tích. Bây giờ Phát trở về trong bộ đồ lính Biệt động quân. Phát nói chuyện cưới vợ, Đông thật tình không hiểu nổi. Sao lại có người sống bình thản như thế được, “tui là lính của mọi thời đại mà, thời Pháp thuộc đi lính Tây, V.C. vô chiếm làng, đi lính V.C, chán V.C, ra hồi chánh, nộp súng lãnh tiền thưởng, chừ đi lính Cộng hòa”.



Chỉ cần một câu nói ngắn, cũng đủ tóm tắt gần nửa đời người. Đông không giấu được vẻ thán phục trong cái nhìn đặt lên miếng phù hiệu, thêu một chiếc đầu cọp vàng khé trên tay áo Phát. Thỉnh thoảng gặp một người cùng làng cùng xóm, nỗi nhớ quê nhà lại được dịp bung ra trong Đông. Nỗi buồn lại được dịp xâm chiếm gần trọn ba phần tâm hồn. Ở mỗi câu chuyện, thường thường Đông biết thêm được một số tin tức mới, về những người còn ở lại trong làng và những kẻ đã ra đi. Lần này, một cái tin rất mới, khiến Đông xúc động mạnh.

Phát đốt một điếu thuốc gắn lên môi, trong lúc hai bàn tay Đông dừng lại trên máy:

– Chị còn nhớ thằng Đường không, chừ hẳn hết đói rách rồi, trở thành kếp hát hách một cây, không tin, chị chỉ cần

lên chỗ rạp hát tất biết, hôm qua tui mới gặp hăn, hăn mời tui một điệu xì gà.

Đông không giấu được vui mừng, khi nghe Phát nhạc đến Đường, gã con trai đã ghi đậm hình bóng thuở đầu đời, trong tim mình. Ngồi im lặng một lúc nghe Phát nói, Đông lái câu chuyện sang ngõ khác. Tự nhiên không muốn nghe Phát nhắc đến Đường nữa. Hai người tiếp tục nói về lão Xuân điền sống cô độc trong đình làng.

Mặt trời lên khỏi những ngọn cây mù u. Bóng nắng xuyên qua kẽ lá, rớt xuống đậu trên chiếc mũ bê rê đỏ của Phát, nhảy múa trên hai bàn tay Đông buồn phiền.

\* \* \*

Buổi trưa, Thanh cầm ba tấm vé coi hát đưa cho Đông:

– Em mới gặp anh Đường ngoài chợ, anh mời em đi uống nước rồi đưa 3 tấm vé, nói mời bộ, chị và em tối nay đến coi, tuồng hay lắm, anh Đường đóng vai chính, đáng lẽ anh tới đây thăm những còn bận tập dượt, nên anh gửi lời xin lỗi.

Đông nhìn sững ba tấm vé và vẻ mặt hí hửng của cô em gái, cố nén hồi hộp, giả bộ ngớ ngẩn hỏi Thanh:

– Anh Đường mô mà tau không biết.

Thanh cong cớn:

– Thôi đừng làm bộ nữa bà, anh Đường ở xóm chùa đó.

– À à...

Ông Phụng nằm ngủ lơ mơ trên ghế

bố. Chiếc ra-đi-ô nhỏ đặt ngửa trên bụng đang phát bản tin trưa, nghe Thanh nói đến tên Đường, ông nhồm dậy, dang hăng:

– Có phải thằng Đường con ông Cai Tiều không bây?

Giọng nói ông pha lẫn sự ngạc nhiên lạ lẫm.

– Anh Đường đó chở còn ai nữa, Thanh nói.

– Nghe hẳn đi lính mô trong Nam lận mà.

Thanh nồng nhiệt tiếp lời:

– Phải đó, anh kể với con là anh đi lính, bị thương rằng không biết lại được giải ngũ, rồi chừ anh đi theo đoàn hát “Phương Xa”.

– Chắc hẳn đi kéo màn cho người ta, chớ hẳn mà làm nổi trò trống chi?

– Bọ nói rờn chơi, anh chuyên môn đóng vai chính, anh đổi tên khác rồi, không phải tên Đường nữa mô, bữa ni anh tên Hùng Phương, kếp Hùng Phương lâu lâu bọ nghe ca trong máy ra-đi-ô nờ.

Không chắc ông già chịu tin, Thanh đưa mấy tấm vé cho ông già tiếp:

– Tối ni, bọ đi coi thì biết.

Ông già mân mê mấy tấm vé trong tay. Trong óc ông thoáng hiện ra hình ảnh thằng Đường. Thằng Đường ốm tong ốm teo, giữ bò cho ống Huyện xóm đình. Đôi mắt khờ khệch, luôn luôn tránh né cái nhìn kẻ khác. Dường như suốt đời hẳn không dám ngược lên nhìn ai. Thằng Đường rách rưới đã dám tăng

tịu với con gái ông, cả gan dám cạy người tới hỏi cưới con Đông. Ông nhớ, ông đã trả lời thẳng thắn với người mai mối: «Con Đông nó còn nhỏ, nhà tui đơn chiếc, gả nó đi, việc nhà không ai trông nom». Đó chỉ là câu nói để thoái thác, chối từ. Trong bụng ông lại nghĩ khác. Dưới mắt ông Đường chỉ là thằng cầu bơ cầu bất, «không có cục đất ném con chó, không có miếng đất cắm mũi dùi». Khi nghe con Thanh mách thẳng Đường và con Đông thường hẹn gặp nhau ở ruộng mía sau chùa, ông giận run, lôi cổ Đông ra đánh một trận nhừ tử. Đông chỉ biết khóc. Sau đó, người ta thường thấy Đường buồn bã. Mỗi chiều đứng trên cầu, ngó xuống dòng nước hát hò vu vơ. Rồi Đường nhập ngũ, đi lính. Nhà ông Cai Tiểu cũng dời lên ở Cam Lộ, không còn ai nhớ đến chuyện đó nữa. Hôm nay nghe Thanh nhắc đến Đường, với

lời tán tụng nồng nhiệt, hỏi sao ông già không thẳng thốt ngạc nhiên cho được. Ông dời ghế bố, đến rót ly nước cầm lên tay, kín đáo quan sát nét mặt của Đông. Đông ngồi im trên ghế, loay hoay với hai cái que đan. Mảnh áo len len đan xong một nửa, trải rộng trên đùi. Đông như không hề để ý đến câu chuyện ông già và Thanh nói tự nãy giờ. Ông già đút mấy tấm vé vào túi. Thanh theo dõi cử chỉ đó, vội nói:

– Tối ni, bộ đi không?

Ông già cười.

– Ủ, đi chớ, để coi thằng nhỏ ra răng, tau không tin hấn lại ca kích được.

Thanh quay qua Đông:

– Chị Đông đi không?

Đông ậm ừ trong miệng, rồi đứng dậy đi vào buồng trong nói vọng ra:

– Chết cha, gần 2 giờ rồi, phải đi làm.

Thánh ra đứng ở cửa, nhìn băng quơ mấy chùm hoa vòng vang trên hàng giậu rồi đưa mắt cười tình với gã con trai trên căn gác phía bên kia. Ông già đặt chiếc ly không lên bàn, trở lại nằm trên ghế bố. Mở ra-đi-ô lơ mơ dỗ giấc ngủ. Từ ngày vợ chết, dời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, theo đám đi dân ra tỉnh, ở nhà thuê, uống nước máy, bỏ thuốc vắn, hút thuốc gói, ngày hai buổi rượu trà đúng cũ, ông thấy đời sống mình thay đổi hẳn, có phần nào nhàn tản hơn trước. Con Thánh làm việc trên căn cứ Mỹ, hai tuần lãnh lương một lần, thỉnh thoảng còn mang về thuốc lá, đồ hộp, chất đóng cả tháng ăn không hết. Đông với chiếc máy đánh chữ cũng kiếm được một số



tiền, tạm đủ cho ba bố con một đời sống đầy đủ. Ông tự cho phép mình nghỉ làm việc, dưỡng già. Có điều, ông không bao giờ nghĩ đến chuyện chồng con của con gái. Ông cho việc đó không quan trọng lắm. Sớm muộn gì con gái ông cũng có tấm chồng khá, ông tin tưởng nền móng phúc đức ông cha để lại từ mấy đời nay. Nghe thằng Đường cầu bơ cầu bất thành kếp hát, ông cũng thấy dừng dừng như khi nghe thằng Phát điên khùng đi linh Biệt động quân. Ông ngạc nhiên một chút rồi thôi. Hết cơn bĩ cực phải tới hồi thái lai. Đó là lẽ thường của trời đất.

\* \* \*

Dưới ánh đèn màu rực rỡ. Phong cảnh hữu tình. Vở tuồng đang đến hồi lâm ly bi lụy. Tiếng nhạc trầm hẳn xuống, nhường cho tiếng vó câu đập rộn rã của đoàn người chiến thắng trở về. Kép Hùng

Phương trong bộ võ phục gọn ghẽ, lưng thắt dải lụa hồng điều, vai mang trường kiếm. Mỗi lần thấy Hùng Phương xuất hiện, dưới hàng ghế khán giả, Thanh đập tay vào vai ông già:

– Đó, anh Đường đó bỏ, chà đẹp quá há.

Ông già mãi chú mục theo dõi biến đổi hấp dẫn của võ tuồng, có lúc không nghe rõ lời con gái nói bên tai, ông chỉ gật đầu cho xong. Ông vẫn không tin người đóng vai hiệp sĩ tướng mạo đẹp đẽ trên kia là thằng Đường cầu bơ cầu bất được. Đông ngồi cầm nín bên cạnh. Tiếng nhạc lại nổi lên cao vút, đuổi theo giọng ca của kép Hùng Phương, diễn tả lòng hân hoan của kẻ say men chiến thắng từ biên cương trở về. Rồi hiệp sĩ nổi trận ghen, khi nghe tin người yêu xưa phản bội. Nàng công chúa xiêm y lộng lẫy bước ra

từ sau cánh gà, đến ôm chân người hiệp sĩ phân trần khóc lóc. Hiệp sĩ gạt ra, tiếp tục than dài thở vắn... quyết không thể nhìn mặt nàng được nữa... Mỗi lần thấy Hùng Phương xuất hiện trên sân khấu, lòng Đông không khỏi thấy nao nao tiếc nhớ mỗi tình xưa cũ. Đường bây giờ đã Hùng Phương, chẳng còn là Đường xưa của Đông nữa. Chẳng còn là gã con trai, đôi mắt lơ lơ lúc nào cũng như đang mơ về một thế giới nào khác. Đông từng nhìn sâu vào đôi mắt ấy — mấp máy nói biết bao điều thương mến. Mỗi tình nghèo đã chìm ngấm dưới lớp lớp biến cố thời gian. Phút cuối thức dậy trào lòng. Đông cảm thấy túi thân lạ lùng. Lúc vỡ tuồng sắp đến hồi kết cuộc, Đông vụt đứng dậy nói khẽ vào tai ông Phụng:

– Con nhức đầu quá, con về trước, tí nữa bỏ về với con Thanh.

Ra khỏi rạp hát đông nghẹt người, Đông thấy dễ chịu hẳn. Gió đêm phả hơi lạnh vào mặt, len lỏi vào mỗi chân tóc. Một mình đi dưới những mái hiên dọc theo hè phố, nhìn bóng mình quần quýt ngã rạp dưới chân, Đông choáng váng bởi rất nhiều hình ảnh Đường gãy vụn rập nối trong đầu. Về đến nhà, tưởng chừng còn nghe tiếng ca điệu nhạc đuổi theo. Tiếng ca theo Đông vào giường ngủ. Tiếng ca trải dài trong đêm quạnh vắng mênh mông.

\* \* \*

Đông đưa cái thư Thanh cho ông già. Ông đọc xong, vò ném phăng ra khỏi cửa. Cục giấy vo tròn lăn lông lốc trên thêm gạch rồi dừng lại ở một hốc tối. Ông già đùng đùng nổi giận. Mặt đỏ gay

rồi đổi tái nhợt. Ông ngồi phịch xuống ghế. Dáng thất vọng. Ông cung tay lên, thả quả đấm xuống làm rung rinh mặt bàn:

– Nó gửi thư nhờ ai đưa?

Đông đứng nép vào cánh cửa, run giọng trả lời:

– Dạ chị Lâm ở ngoài chợ.

– Rửa gánh hát đi rằng chử?

– Dạ hồi trưa.

– Rằng mi không nói cho tao biết ngay, chử tối cam tối mịt rồi mới nói?

– Dạ chị Lâm mới đưa cho con hồi chiều.

Ông già nhồm dậy rồi lại ngồi phịch xuống ghế chử đồng:

– Tổ cha con đã ngựa, ông biết trước như ri, ông bóp mũi từ hồi mới đẻ cho rồi.

Sương mù pha bóng tối xuống nhanh đầu thêm. Gió đập nhánh sâu đông quét xuống mái tôn rào rạt, át hẳn tiếng mèo gào đuổi nhau trên máng xối. Đông đứng nín thở, quay lưng không dám nhìn thẳng ông già. Ngồi một chặp, như sức nhớ, ông dờn ghế, kiễng chân lôi chai rượu trên nóc tủ, rót ra ly:

– Trước khi đi, con Thanh có nói chị với mi không?

– Dạ không.

– Cái thằng trời đánh thánh vật, thằng Đường có đến đây không?

– Dạ không.

Đông nghe giọng trả lời của mình lạ hoắc. Sao không là Đông, mà là Thanh bỏ nhà theo gánh hát «Phương Xa», theo kếp Hùng Phương. Ông già không thể nào hiểu được, cũng như Đông không hề ngờ, đứa em gái thua Đông ba tuổi lại bạo gan đến thế. Không dung Đông nghe cay cay hai mí mắt. Dưới khoảng sáng đèn, bóng ông già cắm lạng in trên vách tường. Vài tiếng đàn guitare rờ rạc vẳng từ hàng xóm sang, vỗ khăn, lạc giọng. Tiếng đàn của gã con trai trên căn gác nhà bên cạnh (gã con trai hay đùa mắt cười tình với Thanh). Ông già ngồi bất động trên ghế. Mắt lom lom nhìn ra khoảng tối đen ngịt ngoài cửa. Rượu tiếp tục rót ra ly, dốc ngược vào cổ.

Đông lặng lẽ rút lui nhà sau. Nhẹ nhàng dắt chiếc xe đạp ra khỏi cổng. Đạp riết về phía quán may. Thàng chạp đang

gấp gáp bỏ nhào đến những ngày cuối năm. Gió ngập lòng con phố hẹp.

Trong lúc ông già say gập gù trên ghế, ở quán may, Đông khóc vùi trong vòng tay của Bổng – người đàn ông góa vợ, có đứa con trai nhỏ vẫn thường gọi Đông bằng dì.

MUỖNG MÁN



## THƠ SÁU TÁM

Lý Minh

Mai sau

Đêm trời mưa giọt mưa tôi

Khóc thôi mắt tỏ cõi người lệ đau

Mái sâu thừa cọng xanh xao

Vai khuya chìm lối nghiêng vào tóc  
em.

Phổ hạ

Thôi về ngủ mộng tàn phai

Tóc thương mỗi lệ giọt đầy thu xưa

Chạnh hồn phổ hạ, đèn thừa

Ném que điểm đã thấp mùa mưa  
bay!

## SẦU MÂY

DOÃN QUỐC SỸ

KHỞI ĐĂNG TRÊN NGUYỆT SAN TÂN VĂN TỪ số 11, truyện dài Sầu Mây đã đăng được 8 kỳ. Nay Tân Văn chuyển sang hình thức khác, chúng tôi xin đăng tiếp phần tiếp theo trên Văn.

Để độc giả tiện theo dõi, dưới đây là phần tóm tắt những kỳ trước:

Huy du học tại Nashville, thủ đô tiểu bang Tennessee, miền Nam Hoa Kỳ. Vào một dịp nghỉ cuối khóa, Huy tới Chicago thăm một người bạn thân của gia đình chàng mà Huy coi như em gái mình.

Hương đương theo học cấp bằng Tiến sĩ ngành Luật tại Đại học đường Chicago. Chính vào dịp này Huy gặp Crys, một cô gái Mỹ bạn thiết của Hương, Crys học nhạc chuyên về vĩ cầm, cũng tại Đại-học đường Chicago. Huy trở về Nashville, qua đi khóa học nữa, Hương đổi trường tới học nốt khóa cuối tại Đại học đường New York. Còn lại một mình Crys ở Chicago, tâm hồn trống trải vì không sao tìm ra được một người bạn hợp tâm tình. Đã từ lâu Crys chỉ đặc biệt có cảm tình với người Đông phương! Bỗng Huy nhận được thư Crys, những lá thư tâm sự tới tấp, tới tấp. Crys đã yêu một sinh viên Đông phương, người Thái Lan: Thumrong. Thumrong về nước mất rồi, mà Crys thì ngờ rằng nàng đã có mang với hắn, Huy viết thư an ủi Crys. Bao tố trong tâm hồn nàng tăng dần (nàng chưa có mang với Thumrong).

Dường như thấp thoáng một tình yêu u ẩn của Crys hướng về Huy ngay từ buổi đầu khi Crys gặp Huy ở căn nhà trọ của Hương.

Dường như lòng Huy cũng xiêu xiêu về Crys người con gái nghệ sĩ trẻ, đẹp với một lâm hồn quần quai rất Đông phương

9.

KHI CHIA TAY CÙNG CÔ BẠN ĐỒNG HỌC “CHIM MÙA XUÂN” tại tiệm kem để trở về nhà cũng đã chín giờ tối rồi. Huy vào bàn cầm cúi đọc sách mê mải tới hơn mười hai giờ khuya chợt thấy thềm cà phê, chàng tới bật bếp gaz đặt bình cà phê bằng nhôm lên, tiện tay vặn nút ra-đi-ô bằng tần FM, bản độc tấu vĩ cầm Concerto en Ré Majeur của Beethoven vừa tới chung khúc Rondo. Tiếng đàn nhún nhảy, lanh chao

như Crys ngày nào lần đầu gặp mặt. Tâm hồn Crys giờ đây đâu còn trong sáng hồn nhiên như ngày đó. Thốt nhiên Huy ao ước có ngày cùng Crys hòa một khúc nhạc nào đó. Huy sẽ ngồi vào dương cầm đồn theo tình cảm của mình, Crys tất nhiên đồn trung thành theo những ký hiệu ghi trên bản đàn, đúng với tinh thần kỷ luật của một nhạc sĩ quen với nghệ thuật hợp tấu, nhưng chắc chắn sự gặp gỡ giữa hai tinh thần hầu như trái ngược đó sẽ đem lại cho bản nhạc một sắc thái mới đáng khám phá.

Vô tình Huy mở ngăn kéo lấy ra lá thư của Crys. đọc lại.

“Tôi thật là cô đơn ở đây”. Lời viết trong thư của Crys dường như biến thành cơn gió và thổi cô đơn vào chính tâm tư Huy ở đây. Thường thì tình cảm Huy vẫn phức tạp, phức tạp như tình

hình quê hương mà Huy hằng xót xa, nhưng với độc hiểu sao lần này nỗi cô đơn của Huy lại thuần phác, thuần phác như nỗi có đơn thể hiện thành gió mưa thuở hồng hoang trái đất.

Nhìn dòng ghi số điện thoại của Crys, rồi nhìn lên kim đồng hồ chỉ 12 giờ rưỡi. Giờ đó gọi long distance call cho bạn thật vừa rẻ vừa tiện. Huy tới ngồi xuống bàn điện thoại, ly cà phê bốc khói trên tay. Đặt ly cà phê lên bàn, Huy bắt đầu vừa ngó vào trang thư bỏ ngỏ vừa quay số, quay 12 lần. Tiếng chuông bên kia đầu dây reo vang từng đợt ngắn đều đặn. Có tiếng máy nhắc lên kể đến giọng hỏi: “A lô, ai đấy?” Giọng Crys! Huy nhận ra ngay!

– A lô Crys, Huy đây, gọi từ Tennessee.

Tiếng Crys vừa reo vui vừa cuống

quýt bên kia đầu đây:

– Trời ơi Huy, tuyệt đến thế là cùng. Tôi vừa viết thư cho Huy xong về con rỗng.

– Hà? Rỗng? Con rỗng nào?

– Con rỗng ở hồ Michigan. Nhưng thôi để nói chuyện khác, rồi anh sẽ nhận được lá thư đó và biết về con rỗng. Anh có thì giờ gọi điện thoại cho tôi kia à? Việc học của anh không bận lắm đấy chứ?

– Không bận lắm.

– Anh có nghĩ rằng mãi khóa mùa xuân anh có thể lên miền Bắc này gặp tôi được chẳng?

– Chưa quyết định đâu, Crys ạ.

– Sao không? Hay anh đi một mình ngại. Tôi sẽ xuống đó đón anh lên đây vậy, chịu không?

– Cám ơn Crys. Chắc chắn rồi chúng mình sẽ gặp nhau, bằng cách này hay cách khác mà.

– Đúng vậy. Có thể chứ.

– Tôi vừa có ý tưởng khá ngộ nghĩnh.

– Ý tưởng gì vậy? Anh định bay lên miền Bắc với tôi vào dịp nghỉ cuối tuần tới chẳng?

– Không. Tôi có ý tưởng sẽ hòa nhạc với Crys.

–Ồ nhỉ, tuyệt lắm.

– Tôi chơi dương cầm, còn Crys tất nhiên sử dụng vĩ cầm rồi.

–Ồ thật tuyệt.

– Tôi sẽ chơi dương cầm theo tình cảm của tôi, như dịch ca dao Việt Nam cho Crys đọc ấy mà.

– Trời ơi, tuyệt!



– Còn Crys thì đồn theo đúng những ký hiệu tình cảm ghi trên bản nhạc.

– Ý kiến được quá! Thôi cuối tuần này anh bay lên miền Bắc này nhé.

– Crys không muốn tôi trượt kỳ thi cuối khóa chứ?

– Không, ở không đời nào.

– Vậy thì hãy đợi đã.

– Đợi, được lắm. Anh vẫn nhận được thư của gia đình đều chứ?

– Đều.

– Vợ anh, người vợ Á đông của anh, chị ấy vẫn mạnh khỏe chứ.

– Vâng cảm ơn Crys, vẫn mạnh khỏe.

– Chắc chị ấy mong anh về lắm.

– Vợ nào chẳng mong chồng về, nhưng thư nào vợ tôi cũng căn dặn là

đùng nóng ruột, hãy cố học cho thành tài trong chuyến xa nhà này.

– Tôi vẫn bảo anh là người có điểm phúc lớn. ghen với anh về điểm đó mà.

Chợt cả hai cùng ngừng nói, chờ đợi. Sau cùng Huy tiếp:

– Thôi nhé kỳ này nói chuyện thế là đủ. Chúc Crys ngủ ngon.

– Cám ơn anh Huy đã điện thoại. Chúc anh ngủ ngon.

Đợi có tiếng Crys đặt ống điện thoại xuống trước. Huy mới đặt xuống theo sau. Ly cà phê trên bàn còn ấm.

10.

Bức thư nói về con rồng ở hồ Michigan của Crys chưa tới, Huy đã nhận được một bức thư có nét chữ lạ cũng tự Lansing gửi tới. Đó là bức thư của bà mẹ Crys.

*Lansing ngày, ...*

*Kính gửi ông Huy,*

*Thưa ông, tôi là mẹ của Crys. Nó có đọc cho tôi nghe những bài thơ ông dịch gửi cho nó. Tôi nghĩ tôi nên viết vài dòng để thưa chuyện cùng ông. Những bài thơ đó quả thực đã giúp rất nhiều cho tâm trí nó trở lại quân bình. Gia đình tôi thật mang ơn ông vô cùng, Crys có nói với tôi rằng nó đã thuật hết những gì xảy tới đời nó trong mấy tháng sóng gió vừa qua. Chẳng hay nó có thuật cả việc chúng tôi phải*

*mang nó tới một bác sĩ chuyên về bệnh tâm lý khám nghiệm? Nó đã kể hết sự tình với ông, tôi mong thế, và đó là điều hay, bởi như vậy tôi sẽ khỏi phải quá dài dòng trong bức thư đầu tiên này gửi tới ông. Tôi cũng không muốn Crys biết việc tôi viết thư riêng cho ông, vậy xin ông giữ kín cho đừng để nó biết. Crys còn phải tiếp tục tới bác sĩ chuyên về bệnh tâm lý ít nhất là một thời gian vài tháng nữa. Nó không có thai như nó đã tưởng lầm, kết quả cuộc thí nghiệm nhỏ vừa qua đã minh chứng điều đó. Tất cả những biến cố dồn dập xảy tới đời nó trong mấy tháng qua như vậy, mà nó thì còn trẻ quá làm sao chịu nổi. Giờ đây có chỉ có một ước vọng là ra đi thật xa khỏi ngưỡng cửa của gia đình, đặc biệt nó ao ước được tới viếng những nước Á-đông, như Việt Nam chẳng hạn, để vừa được sống giữa nguroi Á-đông vừa dạy họ học Anh văn. Luật lệ ở xứ sở tôi thì*

*khi con cái tới 21 tuổi là có quyền thoát ly gia đình. Bức thư vừa rồi ông viết cho nó có khuyên nó hãy tiếp tục việc học và hay hoãn dự định viễn du chừng hai ba năm nữa đợi cho Việt Nam có hòa bình đã. (Thường thì bức thư nào của ông nó cũng khoe với tôi và cho tôi hay đại ý nội dung như vậy). Tôi thành thật tri ân lời khuyên khôn ngoan, sáng suốt đó. Mong rằng ông tiếp tục khuyên nó như vậy. Xem chừng bây giờ nó chỉ tin và nghe có ông. Bác sĩ cũng nói riêng với tôi là với hiện trạng bộ thần kinh của Crys thì điều kiện tuyệt hảo là nó phải có một người tin yêu để được thổ lộ tâm tình. Người đó chính là ông vậy.*

*Vậy xin ông làm ơn cứ tiếp tục phúc đáp thư nó mỗi lần nó viết gì kể lể với ông. Và một lần nữa xin ông đừng tiết lộ tôi đã viết thư riêng tới ông. Rất có thể rồi đây*

*tôi sẽ nói với nó vào đúng lúc, nhưng hiện giờ thì chưa nên.*

*Cảm ơn rất nhiều về lòng kiên nhân của ông và sự hợp tác hữu hiệu ông đã thực hiện cho gia đình chúng tôi.*

*Kính thư,*

*Janice M.P.*

Sau bức thư của bà mẹ một hôm, Huy nhận được liền hai bức thư của Crys, một bức nói về... con rồng của hồ Michigan, và một bức Crys viết ngay sau khi điện đàm với Huy đêm đó.

*Lansing ngày...*

*Huy mến,*

*Từ khi quen Hương, nghe Hương thuật một vài sự tích Đông phương có hình ảnh con rồng, rồi vào một ngày kia tôi lắng nghe tiếng sóng rào rạt của hồ Michigan vỗ vào mạn bờ, tôi bèn tưởng*

tượng đấy chính là tiếng gầm của con rồng Đông phương tới cư ngụ nơi đáy hồ. Huy ơi, hồ Michigan năm nay đẹp huy hoàng đến cực độ, mặc dầu vì trời lạnh đóng băng làm mặt hồ nhiều nơi trông thật kỳ dị tức cười. Dọc theo bờ hồ rõ ràng hình một con rồng nằm nghỉ ngơi vẻ nửa thức nửa ngủ nhưng vẫn không giấu được bản tính hung hãn nguyên thủy của nó. Giữa hồ hình một con rồng khác nằm bất động, sống lưng nó có khoảng nhô lên cao tới hai mươi bộ, nhọn hoắt. Xa tít mù tắp hơn nữa nơi mặt hồ và chân trời gần nối liền nhau lại nào một con rồng khác đuôi đặt sâu vào một cửa sông. Trời chiều một màu xanh thoáng ửng hồng khiến những con rồng trên hồ như được trang điểm bằng không không biết bao nhiêu loại ngọc châu quý giá nhất có thể tìm thấy trên trái đất. Tôi muốn có Huy ở đây cùng tôi ngắm cảnh hồ huy hoàng dưới một

*bầu trời lạnh cóng như thế này. Trời lạnh kinh khủng, ngồi trong nhà, hơi nóng để sưởi đã được vắn hết cỡ mà tay tôi vẫn thấy tê cóng khi viết những dòng chữ này.*

*Tạm ngừng ở đây thôi,*

*Mến,*

*Crys*

DOÃN QUỐC SỸ

(Còn tiếp)





## LỬA LỰU

(truyện – kỳ 2)

NGUYỄN QUANG HIỆN

TÔI TRỞ VỀ CHỖ NGỦ VÀO LÚC KHUYA. QUA cửa sổ cánh đồng và đồi núi mông mênh, con tàu đi dập dình, tiếng máy chạy ồn ào từ phía đầu tàu, thỉnh thoảng còi rú lên từng hồi để bay những tàn lửa đỏ về phía sau. Cứ như thế tôi đi vào giấc ngủ nghe mơ hồ như có tiếng sóng biển lẫn tiếng hát ru. Tôi đang đi vào cuộc du lịch với sự gặp gỡ bất ngờ, tại sao tôi đã gặp Mai

trở lại, sự rủi ro hay may mắn nào đã đưa chúng tôi thấy lại nhau qua những sự cách biệt tưởng như đã vĩnh biệt. Có lần trước kia tôi đã nôn nao gặp Mai, nhưng sau đó tôi đã quên mất tưởng như mọi việc thế là hết. Tuổi trẻ dễ nhớ và dễ quên, có những liên lạc tưởng như nhớ đời nhưng thời gian và đổi thay đã xóa bỏ hoàn toàn. Sáng sau tỉnh dậy qua một giấc ngủ ngon, tôi thấy mình vô tư và vui vẻ, trong giấc ngủ hình như tôi đã mơ thấy gặp Mai trên bãi cát và dắt tay Mai đi tung tăng dọc bờ biển. Lúc gặp Mai, tôi kể lại, Mai nói:

– Còn Mai mơ thấy bốn năm năm về trước.

Tàu đang đi trong những miền núi đồi, ánh nắng buổi sớm chiều một bên trong thật óng ả vui tươi. Vẻ lạ lùng của khung cảnh hoang dã đã làm tôi vui thú

như đang hưởng thụ được hết cái đẹp của thiên nhiên, có lẽ vì tôi đang có Mai bên cạnh.

Khi tàu tới ga Nha Trang, Mai đưa cho tôi địa chỉ, và tôi hẹn tối nay hoặc mai sẽ tới thăm Mai. Tàu vào trong sân rồi đỗ lại, anh Hải, người anh họ tôi đứng cửa ga nhìn những người xuống tàu. Thấy anh tôi nói với Mai:

- Ông anh họ tôi đó!
- Tưởng là ai, Mai nói.
- Mai có quen hả?
- Thỉnh thoảng ông ấy có tới nhà.

Khi thấy chúng tôi, anh Hải tiến lại và vui vẻ nói:

- Không ngờ đi đón cả hai.

Anh toan giới thiệu, nhưng Mai nói:

- Chúng tôi biết nhau rồi.

Tôi tiếp lời Mai:

– Mai là bạn học cũ của em.

Anh Hải đưa tôi về và chúng tôi nói chuyện với nhau vui vẻ:

– Khánh quen Mai sao anh không biết, anh hỏi.

– Quen nhau từ hồi nhỏ, lâu lắm tình cờ mới lại gặp nhau, anh quen Mai lâu chưa?

– Được ít lâu nay vào buổi anh đi nhảy.

Tối hôm ấy, chúng tôi tới phòng trà nơi có Mai làm, tôi nói với người bồi bàn là mời cô Mai, nhưng Mai lại đang bận, rồi Hương lại bắt tay tôi và anh Hải. Ngồi một lúc, chúng tôi đều không nhảy, một lát sau Mai tiến lại vui vẻ. Khi nhạc nổi, anh Hải để tôi nhảy với Mai và anh với Hương.

– Nếu tôi có giẫm lên chân thì Mai cũng giả vờ như không đau nhé.

Mai mỉm cười:

– Anh Hải là họ xa hay gần của Khánh?

– Không xa lắm, thế mà sao?

– Không, trông hơi giống Khánh đấy chứ!

Chúng tôi nhảy theo một điệu blue trâm, tuy nhiên đối với Mai tôi vẫn thấy là bạn nhiều hơn là vũ nữ, nhưng tôi không muốn nghĩ như thế thêm nữa, và ôm lột Mai trong vòng tay.

– Tôi đã nói Khánh lớn rồi mà, Mai nói.

Tôi tiếp lời:

– Bây giờ đổi lại, tôi là anh Mai là em, chịu không?

Mai cười, hàm răng trắng bóng và đều như hồi xưa, với ánh mắt lấp lánh trong ánh đèn mờ, và tôi thấy mùi nước hoa nơi tóc và má Mai đã quyến rũ tôi.

Tôi và anh Hải trở về lúc nửa đêm.  
Tôi nói với Mai:

– Chiều Mai tôi sẽ lại Mai.

– Đi một mình?

Tôi gật đầu, Mai tiễn chúng tôi ra cửa rồi quay vào.

Chiều hôm sau, tôi lấy xe của anh Hải tới nhà Mai, lúc đó anh đi làm để xe lại cho tôi đi chơi. Mai mời tôi vào trong nhà, ngồi một lát tôi ngỏ ý mới Mai đi chơi. Mai ngần ngại một chút rồi bằng lòng. Mai nói:

– Khi đi anh Hải có biết Khánh tới Mai không?

– Tại sao Mai hỏi như thế?

Mai không trả lời, tôi cũng không để ý tới nữa. Tôi đưa Mai ra khỏi thành phố dọc theo bờ biển rồi tới Cầu Đá. Tôi hỏi Mai là Mai có còn quý mến tôi như hồi xưa không. Mai không trả lời ngay, một lát mới nói:

– Có chứ, như Khánh biết rồi.

Chúng tôi đi men theo bờ đá lởm chởm bên bờ biển, sóng từng lớp đập ào ào vào hốc đá, bọt trắng tung toé. Tôi dắt tay Mai khi cần bước qua những chỗ khó đi, rồi chúng tôi ngồi nghỉ trên một phiến đá nhìn ra biển. Mai thở nhẹ, mồ hôi lấm tấm nơi trán.

– Mai mệt hả?

– Đi theo Khánh, Mai cảm thấy như nhỏ lại.

– Tại sao thế?



– Có lẽ ít khi Mai được đi chơi như bữa nay nhất là với Khánh.

– Tôi muốn Mai là Cécile, còn tôi là Cyril, Mai có biết hai người ấy không?

– Không, chắc có gì giống nhau.

– Vì Cécile yêu Cyril trong cảnh bãi biển, đây cũng là bờ biển.

– Và Mai cũng yêu Khánh.

Mai nói câu đó bất ngờ và chúng tôi cùng cười ngất.

Tôi cởi áo ngoài toan nhảy xuống tắm nhưng Mai ngăn lại và nói tắm ở bờ đá nguy hiểm. Tôi cười rồi ngả người ra phía sau xoa tay trên lưng Mai, và không rõ mình đang nghĩ gì về Mai, cái vẻ đẹp nơi Mai hay mối tình thơ ngây của tôi với Mai hồi trước, hay tôi đang nhìn Mai với những tình cảm âu yếm từ xưa còn lại. Tôi không thể nghĩ gì khác được vì

tôi thấy Mai vui vẻ và xinh đẹp, rồi tôi nói ngắn gọn:

– Mai này, Khánh nói với Mai cái này nhé!

– Khánh nói đi.

Tôi tự thấy khó trình bày tình cảm của tôi với Mai lúc đó, sự thực nó hơi phức tạp và buồn cười.

– À, mà quên hết cả rồi.

\* \* \*

Mấy ngày sau tôi gặp Mai thường ngày, hoặc đi chơi hoặc ở nhà, những ngày ở bên Mai vui vẻ, và tôi không cảm thấy mình có lỗi gì hết. Tôi không muốn nhận ra điều gì mâu thuẫn nơi Mai, tôi chỉ hiểu điều đó qua loa rồi lại quên đi ngay. Mai nói là Mai cũng muốn vui với tôi, thấy tôi vui Mai cũng vui. Anh Hải

có lẽ không biết tôi đi chơi với Mai vì khi về tôi không kể chuyện lại. Có lẽ Mai cũng không nói nên chúng tôi gặp nhau hàng ngày. Mai thường dịu dàng và hiền hậu đối với tôi, người ta sẽ nói thái độ không đúng ở hoàn cảnh Mai. Chúng tôi thường đi vào vùng cây cối ở gần Đèo, có những hôm đi xa hơn. Tôi không muốn nghĩ tới một cái gì mạnh mẽ xảy ra giữa tôi và Mai, tôi ở bên Mai những phút giây nhẹ nhàng, mắt Mai vui tươi, bàn tay mềm dịu, hàm răng trắng và đều, tóc Mai đẹp như trong một cuốn truyện tình Tây phương. Mai nói rằng có lần Mai thấy một người hơi giống tôi nhưng lại gần mới biết không phải, Mai rất nhớ đến tôi và bạn bè những năm cùng học. Những ngày vui bên Mai qua một cách nhẹ nhàng, và có một điều chắc chắn là tôi không cảm thấy mình có lỗi gì hết. Buổi chiều hôm ấy tôi tới Mai và nói ;

– Sáng mai tôi về Sài Gòn sớm.

Tôi đề nghị đi chơi, Mai bằng lòng. Tôi đưa Mai lên Đèo đứng nhìn về thành phố rồi trở về Tháp Bà và ngồi nghỉ ở đây. Một lát Mai hỏi tôi ngân ngại:

– Anh Hải có nói gì cho Khánh nghe không?

– Không, gì thế Mai?

– Không, có gì đâu, à hình như hôm ở Sài Gòn có ai đi tiễn Khánh phải không, ai đó?

– Cô bạn học đáng yêu của tôi, ngày mai tôi về chắc sẽ có ít dịp gặp Mai, tôi nói.

- Khánh này, có bao giờ Khánh nghĩ tôi sẽ là vợ anh Hải không?

Mai hỏi bất ngờ, tôi ngạc nhiên một chút rồi nói:

- Không, nhưng thế cũng được.
- Anh Hải ngờ ý muốn lấy tôi, tôi về Sài Gòn hỏi ý kiến bà cụ và tôi...
- Mai sắp nhận lời, sao Mai không nói ngay, cả anh Hải nữa, thật là vui.
- Tôi định nói cho Khánh nghe từ hôm đầu nhưng nghĩ là rồi Khánh sẽ biết, và bây giờ Khánh đã biết rồi.
- Thế thì trước sau Mai vẫn là chị tôi...

Tôi nhìn Mai rồi cúi xuống yên lặng và cố giữ bình thản. Mai lắc đầu nói:

- Khánh ạ, chắc Khánh không hiểu tôi đâu. Mai nói rồi ngừng lại một chút, Mai chúc Khánh và cô bạn Khánh sung sướng...

Tôi ngừng lên nhìn Mai, Mai để tay trên vai tôi:

– Khánh đừng giận Mai như thế.

– Không, tôi không giận Mai. Tôi nói có vẻ lãnh đạm nhưng thành thật.

– Khánh!

Mai cúi xuống từ từ vì lúc đó tôi ngồi trên bậc đá và Mai đứng trước mặt. Mai gọi tên tôi một lần nữa nhưng tôi vẫn yên lặng, rồi Mai cúi sát xuống và hôn tôi rất nhẹ trên môi. Tôi yên lặng, muốn ôm chặt Mai, nhưng có một cái gì đã ngăn cách tôi và Mai, tôi đã nhìn thấy cả đôi vai và lồng ngực thơm ngát của Mai, cái gì đã làm tôi cảm thấy si mê khi thấy cả màu áo của Mai cũng say đắm thiết tha nhưng giống như một vật gì không thuộc về tôi, dù tôi vươn người nhưng không bao giờ với tới được. Tôi cũng chưa bao giờ nghĩ tới vấn đề hạnh phúc. Nhưng tôi nhớ rõ đã ước mơ Mai, ước mơ được ôm Mai vào lòng khi xưa

học cùng với Mai. Nhưng tôi cũng biết rõ đó chỉ là những ước mơ không tưởng, sự lãng mạn trong tôi đã làm nên lòng si mê xinh đẹp nhan sắc dậy thì của Mai. Cái nhan sắc ấy tôi chỉ đứng xa nhìn chứ không nắm lấy được, cũng như những cảm giác êm dịu ở bên cạnh Mai khi xưa chỉ làm cho lòng si mê yên lặng của tôi đối với Mai lớn lên khi phải xa Mai. Nhưng giờ đây, sau những ngày gần gũi thân hình mà tôi đã ước ao khi xưa, tôi bỗng lại cảm thấy nó đang bắt đầu rời xa, hạnh phúc lại dời tôi xuống thuyền ra đi. Tôi thấy vấn đề trở nên quanh quẩn, nhưng tôi muốn lãnh đạm trước mọi việc có cái gì đáng để nhớ nhó và đau đớn, tôi cố gắng mỉm cười nói với Mai như để phá bỏ sự yên lặng:

– À, hay Mai hát cho tôi nghe như trước đi.

Mai ngồi xuống bên tôi, tôi nói thêm như nói đùa:

– Lúc này Mai cần phải ru tôi, tôi thấy cần được Mai ru quá, Mai hát đi.

Tôi khởi đầu điệu nhạc, điệu luân vũ khi xưa, cái điệu nhạc mà tôi nghe thấy lẫn trong tiếng nói triu mến có tiếng nói của say mê thơ ấu. Mai cố gắng hát một cách dứt quãng rồi mỉm cười, nhưng Mai hát bằng lời Việt rõ ràng. Bây giờ tôi nói nghe rõ lời ca ấy, bài tình ca giữa hai người yêu nhau trong thời thơ ấu, hẹn với nhau là mãi mãi yêu nhau, nhưng nửa chừng thì phải biệt ly, và vẫn hẹn với nhau là mãi mãi yêu nhau. Tôi bỗng thấy không ngăn được cảm xúc trong lòng, và bỗng thấy tái tê khi nghe lại hiệu hát cũ. Hình như Mai cũng vừa cảm thấy một điều gì khác, tôi thấy Mai ngừng lại và chúng tôi nhìn thẳng vào mắt nhau.



Tôi bỗng thấy hai hàng lệ ứa từ mắt Mai xuống má. Tôi bàng hoàng yên lặng qua mái tóc Mai, dưới kia là những mỏm núi đá, xa hơn là bể mịt mù, xa nữa là chân trời, mây trắng nằm ngổn ngang từng mảng...

(Còn tiếp)

NGUYỄN QUANG HIỆN

ĐÃ BÁN HẾT NGHÌN THỨ BA

**GIỜ RA CHƠI**

một truyện dài óng chuốt nhất của  
nhà văn thời danh

**NGUYỄN ĐÌNH TOÀN**

một tác phẩm không nên thiếu vắng  
trong mọi tủ sách gia đình

**KHAI PHÓNG** xuất bản

**ĐÌNH CƯỜNG** vẽ bìa

Phỏng vấn

FRANÇOIS MAURIAC

JEAN LE MARCHAND thực hiện

Bản Việt văn: MẶC ĐỖ



“Mỗi tiểu thuyết gia phải tự tạo một kỹ thuật riêng cho mình, như thế là đúng. Tác phẩm tiểu thuyết xứng với danh ng-

hĩa đó là một hành tinh, lớn hay nhỏ, phát tiết ra những lề luật riêng, cũng như hành tinh tạo ra cây cỏ và động vật của nó. Kỹ thuật của Faulkner nhất định là không thể tốt hơn được nữa để mô tả cái thế gian Faulkner, cũng như ác mộng của Kafka đã tạo ra những huyền thoại khiến cho mọi người cảm thông được với ác mộng đó. Những Benjamin Constant, Stendhal, Eugène Fromentin, Jacques Rivière, Radiguet đều dùng những phương tiện khác nhau, có những phóng túng khác, tự buộc phải vượt những trở lực khác. Nghệ phẩm tự nó là một giải pháp cho vấn đề kỹ thuật, cho dù nó mang tựa đề ADOLPHE, LUCIEN LEUWEN, DOMINIQUE, LE DIABLE AU CORPS, hay A LA RECHERCHE DU TEMPS PERDU».

Viết về tiểu thuyết trong tạp chí văn

học “LA TABLE RONDE” mình như vậy số tháng Tám 1949, Francois Mauriac đã trình bày lập trường của mình như vậy. Tháng Ba 1953, ông lại được Jean Le Marchond, chủ bút tạp chí “LA TABLE RONDE”, phỏng vấn về cùng một vấn đề cho tạp chí Mỹ “THE PARIS REVIEW”. Jean Le Marchand vào đề bằng hỏi lại Mauriac về lời tuyên bố trước kia.

MAURIAC: Quan điểm của tôi không thay đổi. Tôi tin rằng các bạn trẻ tiểu thuyết gia của tôi đều quan tâm hết sức tới kỹ thuật. Dường như họ nghĩ rằng một tiểu thuyết hay buộc phải theo một số những lề luật từ bên ngoài. Sự thật mỗi quan tâm đó, tuy nhiên, lại làm khó cho họ và không cho họ được tự do sáng tạo. Một nhà văn lớn chỉ lệ thuộc vào chính mình. Proust không giống một ai trước

và cũng không thể có người nối tiếp. Nhà văn lớn đập vỡ ngay cái lò tôi luyện của mình ; chỉ riêng y dùng nó được. Balzac đã tạo ra thứ tiểu thuyết Balzac; văn pháp của ông chỉ hợp với văn ông.

Có một mối dây chặt chẽ giữa cá biệt tính của nhà văn và đặc chất riêng của văn pháp của y. Một văn pháp vay mượn là một văn pháp hỏng. Các tác giả Mỹ, từ Faulkner đến Hemingway, đã tạo ra một văn pháp để phô diễn những gì họ muốn nói – văn pháp đó không thể truyền thụ cho những người nối tiếp họ.

NGƯỜI PHÒNG VĂN: Cụ có nói là mỗi tiểu thuyết gia phải tạo

ra văn pháp riêng của mình. Vậy văn pháp của cụ như thế nào?

MAURIAC: Suốt thời kỳ tôi viết tiểu thuyết rất ít khi tôi tự vấn về kỹ thuật tôi áp dụng. Khi bắt đầu viết là tôi không ngừng lại để tự hỏi tôi có can thiệp trực tiếp quá vào câu chuyện hay tôi có thấu hiểu quá về các nhân vật của tôi hoặc tôi có nên hay không xét đoán về các nhân vật đó. Tôi viết rất hồn nhiên, không đắn đo. Tôi không hề có tiên kiến về những gì tôi phải làm hay không nên làm.

Nếu bây giờ, đôi khi tôi tự đặt những câu hỏi đó, là vì có những người khác đã đặt ra với tôi, vì chung quanh tôi ở đâu cũng đặt ra những câu hỏi như vậy.

Thật ra không có một vấn đề nào thuộc loại đó mà không tìm được giải đáp ở ngay trong tác phẩm đã hoàn tất, tác phẩm dù hay hay dở. Mỗi quan tâm do những câu hỏi đó gây ra chính là vật

chương ngại cho văn chương Pháp. Cuộc khủng hoảng của tiểu thuyết Pháp, mà bao người đang bàn luận, sẽ giải quyết xong ngày nào mà các nhà văn trẻ dứt bỏ được tư tưởng ngây thơ cho rằng Joyce, Kafka và Faulkner nắm trong tay bộ luật kỹ thuật tiểu thuyết. Tôi tin chắc là ai bẩm sinh thật sự có tư chất tiểu thuyết gia đều vượt lên trên những điều cấm kỵ, những lề luật tưởng tượng đó.

NPV: Dù sao đi nữa, có bao giờ cụ cần đến những kỹ thuật đặc biệt để viết một tiểu thuyết?

MAURIAC: Nhà văn tự nhiên tìm thấy kỹ thuật phù hợp với bản chất của mình. Chẳng hạn như trong Thérèse Desqueroix tôi có dùng một vài phương tiện mà điện ảnh câm đã dùng: bỏ vào đầu, vào thẳng ngay truyện, những đoạn

quay về quá khứ. Đó là những phương pháp mà hồi đó rất mới lạ. Tôi chỉ áp dụng những kỹ thuật mà linh tính của tôi bảo tôi nên dùng. Tôi cũng bố cục tiểu thuyết *Destins* trong khi liên tưởng tới kỹ thuật điện ảnh.

NPV: Khi cụ bắt đầu viết, trồn vẹn những điểm chính về tình tiết đã định sẵn chưa?

MAURIAC : Cũng tùy từng truyện. Thường thường thì không. Chỉ cần một điểm khởi hành và mấy nhân vật. Có khi những nhân vật đầu không tiến được xa và ngược lại những nhân vật lu mờ hơn, không có nhiều thực lại hé lộ những khả năng mới cùng với câu chuyện diễn biến rồi chiếm một địa vị không được định từ trước. Chẳng hạn như trong một vở kịch của tôi, vở *Asmodée*. Ban đầu tôi không



có một ý niệm gì về cung cách phát triển của vai ô. Couture, cũng như địa vị quan trọng của y trong kịch.

NPV: Trong khi viết, các tiểu thuyết của cụ, có bao giờ cụ đụng phải một vấn đề đặc biệt nào không?

MAURIAC: Cho tới nay thì không. Tuy nhiên, bây giờ tôi không thể không biết đến những bình luận đã được viết về tác phẩm của tôi trên quan điểm kỹ thuật. Bởi thế tiểu thuyết mà tôi vừa viết xong sẽ chưa được xuất bản trong năm nay. Tôi muốn đọc lại một lần nữa theo nhãn quan đó.

NPV: Có khi nào cụ mô tả một hoàn cảnh mà cụ không hề có kinh nghiệm bản thân?

MAURIAC: Dĩ nhiên là có. Tôi có hề

đầu độc một ai đâu! Chắc chắn một nhà văn không ít thì nhiều là những nhân vật của mình, nhưng tôi cũng mô tả những hoàn cảnh mà tôi không hề trực tiếp có kinh nghiệm.

NPV: Cần lùi lại bao lâu cụ mới có thể kể lại những kinh nghiệm bản thân hay những sự vật mà cụ đã quan sát?

MAURIAC: Ta chỉ có thể trở thành một tiểu thuyết gia đích thực khi đã tới một tuổi nào, bởi vậy thường thường một tác giả trẻ khó lòng tạo được một tác phẩm xứng đáng về một đoạn nào trong đời ngoại trừ thời tuổi nhỏ hay thời niên thiếu của y. Phải lùi lại một thời gian là điều cần thiết đối với nhà văn, trừ ra khi viết nhật ký.

Hết thấy các tiểu thuyết của tôi đều lấy khung cảnh trong thời niên thiếu và

thời thanh niên của tôi. Hết thầy đều là “một kỷ niệm về những gì đã qua”. Tuy trường hợp của Proust đã giúp tôi hiểu trường hợp của tôi, tôi không hề cố tình bắt chước Proust.

NPV: Cụ có ghi chép để dùng về sau không? Trong đời khi bắt gặp một sự việc đáng chú ý cụ có nghĩ: “Ta có thể dùng được trong truyện”?

MAURIAC: Không bao giờ; vì lý do mà tôi vừa nói. Tôi không quan sát, cũng không mô tả; tôi khám phá trở lại. Tôi khám phá trở lại khung cảnh janséniste chật hẹp của thời tuổi trẻ mộ đạo, buồn và quay về nội tâm của tôi. Tưởng chừng như, tới tuổi hai mươi, một cánh cửa đã vĩnh viễn khép lại trước những gì sẽ trở thành chất liệu cho tác phẩm của tôi.

NPV: Những thân nhận do giác quan – tai, mũi, mắt – đã ngự trị ra sao trong tác phẩm của cụ?

MAURIAC: Rộng lớn lắm. Tất cả các nhà phê bình đều nói tới khứu giác trong các tiểu thuyết của tôi. Trước khi bắt đầu một tiểu thuyết tôi tái tạo trong tôi những nơi chốn, khung cảnh, những màu sắc, mùi vị. Tôi khiến cho sống lại trong tôi không khí của thời tuổi nhỏ và thời thanh niên. Tôi là những nhân vật và thế gian của tôi.

NPV: Ngày nào cụ cũng viết hay chỉ viết những khi thấy hứng?

MAURIAC: Tôi viết mỗi khi thấy muốn viết. Trong thời gian đang sáng tạo, ngày nào tôi cũng viết: không nên bỏ đứt quãng một tiểu thuyết. Khi tôi thấy hết bị lôi cuốn, khi tôi không còn

cảm tưởng có ai đọc cho tôi viết, tôi bèn nghỉ.

NPV: Có bao giờ cụ thử viết một tiểu thuyết hoàn toàn khác với những tiểu thuyết cụ đã viết?

MAURIAC: Đôi khi tôi có ý nghĩ muốn viết một tiểu thuyết trinh thám, nhưng tôi chưa hề viết.

NPV: Cụ chọn cách nào tên các nhân vật?

MAURIAC: Tôi đã lắm khi dùng những tên thường có trong vùng tôi, quanh thành phố Bordeaux. Cho tới nay tôi đã may tránh được nhiều vụ hết sức bực mình vì cách chọn tên đó.

NPY: Các nhân vật của cụ giống những người có thật tới chừng độ nào?

MAURIAC: Khởi đầu bao giờ cũng có một nhân vật có thật, nhưng sau đó nhân vật biến đổi đi không còn giống chút nào với người có thật. Nói chung chỉ riêng những nhân vật phụ là được chọn thẳng trong xã hội chung quanh.

NPV: Cụ có một phương pháp đặc biệt nào để biến đổi nhân vật có thật thành nhân vật giả tưởng?

MAURIAC: Không có phương pháp nào hết... Đó chỉ là nghệ thuật tiểu thuyết. Nhân vật tạo nên là một thứ kết tinh chung quanh một cá nhân. Khó mà nói rõ được. Đối với một tiểu thuyết gia chân chính, sự biến đổi đó liên hệ tới đời sống nội tâm của y. Nếu tôi dùng một thứ tiền chế nào đó kết quả sẽ không là một nhân vật chấp nhận được.

NPV: Cụ có tự mô tả trong một vài nhân vật của cụ không?

MAURIAC: Đến một độ nào, tôi có tự mô tả trong các nhân vật của tôi. Đặc biệt tôi đã tự mô tả trong *L'enfant chargé de chaînes* và trong *La robe prétexte*. Nhân vật Yves Frontenac trong *Le mystère Frontenac* vừa là tôi vừa không phải tôi: có những chỗ thật giống, giống lắm, đồng thời cũng có những chỗ rất khác.

NPV: Về phương diện kỹ thuật, những tác giả nào đã ảnh hưởng mạnh tới cụ?

MAURIAC: Tôi không biết nói sao. Về kỹ thuật, tôi không chịu ảnh hưởng của ai hết, hoặc của hết thấy những tác giả tôi đã đọc. Một con người bao giờ cũng là sản phẩm của một nền văn hóa. Đôi khi chúng ta chịu ảnh hưởng bởi

những nhà văn tầm thường mà ta đã quên. Có lẽ tôi chỉ chịu ảnh hưởng của những sách mà tôi được hấp thụ trong bao lâu, những sách mà tôi đọc hồi tuổi nhỏ. Tôi không cho là đã chịu ảnh hưởng của một tác giả nào khác. Tôi là một tiểu thuyết gia chuyên mô tả phong thổ (romancier d'atmosphère), đối với tôi các thi sĩ đáng kể lắm, chẳng hạn như Racine, Baudelaire, Rimbaud, Maurice de Guérin và Francis Jammes.

NPV: Cụ có tin rằng tiểu thuyết gia cần phải “tự đổi mới”?

MAURIAC: Tôi cho rằng bốn phần tiên quyết của nhà văn là phải biết mình, biết tự lượng. Cố gắng tự diễn đạt phải ảnh hưởng tới cách diễn đạt.

Tôi chưa hề bắt đầu một tiểu thuyết nào mà không hy vọng rằng sau cuốn đó



sẽ không cần phải viết thêm một cuốn nào nữa. Với mỗi cuốn tôi đều phải bắt đầu từ số không. Những gì đã tạo ra về trước không đáng kể nữa... Tôi không thêm thắt vào một tấm bích họa. Hệt như một người quyết tâm làm lại cuộc đời, tôi tự nhủ là tới đó tôi chưa làm được chút gì: vì bao giờ tôi cũng tin rằng tác phẩm lớn của tôi sẽ là tiểu thuyết tôi đang viết.

NPV: Mỗi khi viết xong một tiểu thuyết cụ có còn lưu luyện những nhân vật của cụ không? Cụ có còn giữ liên lạc với chúng hay không?

MAURIAC: Đối với tôi nhân vật của tôi chỉ còn khi nào có ai nói chuyện với tôi hay viết một bài về chúng. Tôi đã viết một tiểu thuyết tiếp theo tiểu thuyết Thérèse Desqueyroux vì có sự thúc đẩy bên ngoài. Khi một cuốn sách đã viết xong và rời khỏi tôi, sách chỉ còn qua những

người khác. Tối hôm kia tôi có nghe một phóng tác trên vô tuyến truyền thanh về cuốn *Le désert de l'amour*. Mặc dầu có những biến đổi tôi vẫn nhận ra bác sĩ Courrèges, Raymond con trai ông ta, Marie Cross cô gái bao. Cái xã hội nhỏ đó nói chuyện, đau khổ trước mặt tôi; cái xã hội đã rời khỏi tôi từ ba mươi năm trước. Tôi vẫn nhận ra nó, tuy tấm gương phản chiếu hình ảnh xã hội đó có làm lệch lạc đi đôi chút.

Rất nhiều chi chút được gửi vào một vài tác phẩm không phải là những tác phẩm thành công. Chẳng hạn như trong *Le mystère Frontenac* tôi muốn minh chứng cho thời tuổi nhỏ của tôi, làm sống lại mẹ tôi, ông chú là người đỡ đầu cho tôi. Bên ngoài những giá trị và những nhược điểm của nó, sách này có một âm vang ray rút lăm. Tuy vậy bây

giờ tôi không đọc lại cuốn đó cũng như những cuốn khác: tôi chỉ đọc lại sách của tôi những khi phải sửa bản vẽ của nhà in. Vụ xuất bản toàn bộ tác phẩm của tôi buộc tôi phải làm công việc đó: tôi thấy nặng nề không khác gì đọc lại những bức thư cũ. Bởi vậy chết không còn là một chuyện trừu tượng, chúng ta đụng tới cái chết như đụng vào một đồ vật: một nắm tro, một nắm bụi.

NPV: Bây giờ cụ có còn đọc tiểu thuyết nữa không?

MAURIAC: Tôi ít đọc tiểu thuyết lắm. Mỗi ngày tôi đều nhận thấy tuổi già đã ngăn không cho những nhân vật sống dậy trong tôi. Xưa kia tôi ham đọc làm, tôi có thể nói là không biết chán, nhưng bây giờ... Khi còn trẻ, chính tương lai của tôi đã gây cho những bà Bovary, những Anna Karenina, những nhân vật của Bal-

zac, cái không khí nó khiến cho những nhân vật đó sống. Chúng bày trước mắt tôi những gì tôi hằng mơ ước. Định mệnh của chúng biểu thị trước định mệnh của tôi. Về sau, khi tôi đã già, chúng trở thành những địch thủ. Một mối ganh đua buộc tôi phải so đo với chúng, nhất là những nhân vật của Balzac; tuy nhiên, bây giờ thì chúng lệ thuộc vào những gì tôi đã đạt.

Ngược lại, tôi còn có thể đọc lại một vài tiểu thuyết của Bernanos, hoặc ngay cả của Huysmans, bởi vì có một ý hướng siêu hình. Còn các bạn nhà văn trẻ của tôi, trước hết tôi chỉ chú trọng tới kỹ thuật của họ mà thôi.

Bởi không chú ý tới tiểu thuyết nữa, tôi quan tâm nhiều hơn tới lịch sử, lịch sử đương thời.

NPV: Cụ có tin là thái độ đó là của riêng cụ? Hay cụ cố nghĩ rằng vì giữa một thời đại mà các biến cố đè nặng lên mọi người nhiều quá, chẳng hạn như vụ Algérie, ai nấy đều cảm thấy tách rời những chuyện giả tưởng? Có lẽ cái khoảng cách cần thiết để đón nhận một tiểu thuyết nay không có nữa?

MAURIAC: Mỗi thời đại trong lịch sử đều thâm nhiễm nhiều hay ít. Những biến cố chúng ta đang trải qua không đủ để giải thích điều mà chúng ta chỉ định dưới danh từ mơ hồ là cuộc khủng hoảng về tiểu thuyết, tôi có thể nói thêm, đó không phải là một khủng hoảng về độc giả vì đám công chúng đọc tiểu thuyết và các ấn phẩm ngày nay đông đảo hơn hồi tôi còn niên thiếu nhiều.

Không, theo ý tôi, cuộc khủng hoảng về tiểu thuyết có nguyên cơ siêu hình và

bị ràng buộc vào một ý niệm nào đó về con người. Sự đối kháng với tiểu thuyết tâm lý nguyên do căn bản từ ý niệm mà thể hệ mới có về con người, một ý niệm hoàn toàn tiêu cực. Cái nhìn sai lạc đó vào cá nhân có đã từ lâu. Bằng chứng là những tác phẩm của Proust. *Giữa Du côté de chez Swan* (một tiểu thuyết toàn bích) và *Le Temps retrouvé*, chúng ta chứng kiến sự tan rã của những nhân vật. Lần lần theo diễn tiến của tiểu thuyết các nhân vật lu mờ đi.

Bây giờ chúng ta có thứ tiểu thuyết không biểu thị cũng như thứ nghệ thuật không biểu thị, giản dị lắm, nhân vật không còn một vẻ gì khác biệt nữa.

Tôi tin rằng cuộc khủng hoảng về tiểu thuyết, nếu có thật, đích thực là nằm trong vấn đề kỹ thuật. Tiểu thuyết đã mất chủ đích của nó. Vấn đề quan trọng là ở

đó và chúng ta phải bắt đầu từ đó. Thế hệ mới tin rằng, sau Joyce và Proust, họ đã khám phá thấy là chủ đích của tiểu thuyết cổ điển giả tạo, tiền chế và không có quan hệ chi với sự thật.

NPV: Bảo rằng nhân vật tan rã trong tiểu thuyết thực nghiệm có quá đáng chăng? Dù sao vẫn còn những nhân vật trong tiểu thuyết của Proust và của Kafka. Lẽ dĩ nhiên chúng đã thay đổi nếu so sánh với nhân vật của Balzac, nhưng ta vẫn còn nhớ được chúng, nhớ tên chúng, đối với độc giả thì chúng vẫn có.

MAURIAC: Tôi sắp làm ông thất kinh. Tôi chỉ biết sơ qua tên những nhân vật của Kafka, vậy mà tôi hiểu ông ta lắm, bởi vì ông ta đã làm cho tôi say mê. Tôi có đọc tập hồi ký của ông ta, cùng với những thư của ông ta viết, đọc hết những gì có liên quan tới ông ta. Nhưng

tôi chịu không đọc nổi tiểu thuyết của ông ta.

Tôi có nói là trong tác phẩm của Proust ta phải chú ý tới sự lu mờ lần lần của các nhân vật. Sau *La Prisonnière*, cuốn tiểu thuyết biến thành một thứ suy ngẫm triền miên về ghen. Albertine không còn là một con người nữa, những nhân vật ban đầu tưởng có sống, chẳng hạn như Charles, sau đã chìm ngập trong tội lỗi nó chôn vùi chúng.

Khủng hoảng về tiểu thuyết có tính chất siêu hình. Thế hệ đi trước thế hệ chúng tôi không ở trong khuôn khổ Kitô giáo nữa, nhưng còn tin tưởng nơi cá nhân, tin như vậy khác nào tin là có linh hồn. Ý nghĩa mà mỗi người chúng tôi gán cho danh từ “linh hồn” đều khác nhau, nhưng dù sao đó vẫn là cái trụ bất



di dịch theo cá nhân con người được dựng lên.

Nhiều người đã mất lòng tin nơi Chúa, nhưng không mất nơi những giá trị đã đề cao đức tin đó. Thiện không phải là ác, ác cũng không phải là thiện. Sự sa đọa của tiểu thuyết nguyên do từ sự băng hoại của ý niệm căn bản: đó là ý thức về thiện và ác. Ngay đến ngôn ngữ cũng bị xuống giá, bị dốc cạn hết ý nghĩa do cuộc tấn công chống ý thức thiện ác đó.

Ông nên lưu ý rằng đối với nhà văn còn theo Kitô giáo, như tôi, con người tự tạo nên hay tự hủy hoại. Đó không phải là một cá thể bất biến, cứng nhắc, được vĩnh viễn đúc trong một thứ khuôn. Do đó tiểu thuyết tâm lý cổ điển đã khác hẳn với những gì tôi đã viết hay tưởng nên

viết. Con người ta, như tôi đã thường quan niệm trong tiểu thuyết, bị tù hãm trong thảm kịch của sự cứu rỗi, cho dù con người không hiểu như vậy,

Vậy mà, nơi các nhà văn trẻ, tôi khâm phục “mưu cầu tuyệt đối” của họ, mỗi cảm hận của họ đối với những bề ngoài giả tạo, những ảo tưởng. Họ khiến cho tôi nghĩ tới những gì Alain và Simone Weil đã nói về “chủ nghĩa vô thần vụ thanh khiết” (atheisme purifiant). Nhưng chúng ta đừng đi sâu vào vấn đề quá – Tôi không phải là một triết gia.

NPV: Tất cả mọi người đều nói như vậy. Tại sao cụ lại chối bỏ?

MAURIAC: Mỗi khi văn tài trở nên thấp kém thì các triết gia lại trỗi lên. Nói vậy tôi không có ý chống báng họ, nhưng họ đã lần lần lấn át. Thế hệ hiện tại thông

minh ghê gớm. Xưa kia, người ta có thể có tài và vẫn còn ngu ngơ đôi chút. Bây giờ thì không... Nếu bọn trẻ thành triết gia có lẽ tại họ ít thấy cần giả tưởng hơn chúng tôi.

Dù sao, có điều hết sức là ý nghĩa khi danh gia về văn chương đã có ảnh hưởng quyết định nhất đối với thời đại này là một triết gia? Tuy nhiên, Jean-Paul Sartre vẫn có nhiều tài, nếu không ông ta đã không tới được địa vị ngày nay. Thử so sánh ảnh hưởng của Sartre với ảnh hưởng của Bergson, Bergson yên vị trong phạm vi tư tưởng và chỉ ảnh hưởng tới văn chương qua những nhà văn mà thôi.

NPV: Cụ nó cho rằng tình cờ mà văn chương lại rơi vào tay các triết gia?

MAURIAC: Có một lý do lịch sử: đó là thảm kịch mà nước Pháp phải trải qua. Sartre đã phô diễn nỗi thất vọng của thế hệ này. Ông ta đã không bịa ra nhưng đã gán cho nó một lý do và một phong thái.

NPV : Cụ có nói con người Kafka được cụ lưu ý hơn là tác phẩm của ông ta. Trong “Le Figaro littéraire» cụ có viết là qua cuốn Les Hauts de Hurlevent cụ lại mê thích nhân vật của Emily Brontë. Tóm lại, khi các nhân vật của ông ta. lui vào tác giả tiến ra tiền trường và lần lần chiếm trọn cả sân khấu.

MAURIAC: Nếu những con người còn lại thì hầu hết bao giờ các tác phẩm cũng biến mất. Chúng ta rất ít đọc Rousseau ngoài cuốn Les Confessions và Chateaubriand ngoài cuốn Les Mémoires d'outre tombe. Chỉ riêng còn người của họ là được chúng ta lưu ý. Tôi đã từng

và vẫn còn là người hâm mộ Gide. Tuy nhiên đã gần như rõ rệt là chỉ có tập Hồi ký và tiểu thuyết về thời tuổi trẻ của ông ta *Si le grain ne meurt* là sẽ có hy vọng còn lại. Hiếm có lắm trong văn chương, đó cũng là thành công duy nhất khi tác giả đã mất mà tác phẩm vẫn còn. Chúng ta không biết Shakespeare là ai, hay Homère cũng vậy. Có nhiều người đã mất bao công trình viết về cuộc đời Racine mà chẳng đi tới đâu. Racine đã tan biến trong hào quang của những gì ông ta đã sáng tạo nên. Đó là trường hợp hiếm lắm.

Thường thường, hầu như không có nhà văn nào biến mất sau tác phẩm của mình. Bao giờ cũng xảy ra chuyện ngược lại như vậy. Ngay những nhân vật tiểu thuyết lớn còn tồn tại từ nay cũng tụ tập nhiều trong các sách giáo khoa và

các biên khảo về lịch sử, như trong bảo tàng viện vậy. Ở cương vị nhân vật sống chúng trở nên còm cõi và suy yếu. Đôi khi ta thấy chúng chết nữa. Tôi thấy bà Bovary sức khỏe đã suy kém vẫn tưởng..

NPV: Cụ nghĩ vậy?

MAURIAC: Đúng, cả Anna Karenine lẫn anh em Karamazov cũng thế. Trước hết, những nhân vật đó cần có độc giả mới sống được, còn thế hệ mới ngày một thiếu khả năng đem tới cho chúng khí trời để thở.

NPV: Cụ có đề cập tới sự cao cả của tiểu thuyết khi cụ bảo đó là bộ môn văn chương hoàn mỹ, là vua trong các nghệ thuật.

MAURIAC: Muốn bán hàng nên phải khoe khéo... Chẳng có nghệ thuật nào là

vua trên những nghệ thuật khác. Chỉ có nghệ sĩ là đáng kể. Tolstoi, Dickens và Balzac lớn, chủ không phải bộ môn văn chương mà họ sử dụng.

NPV: Thử Kitô giáo sống với bao nhiêu nhiệt tâm như của cụ có gây cho cụ những vấn đề trong cương vị một nhà văn?

MAURIAC: Luôn luôn không ngớt. Bây giờ điều đó xem ra đáng tức cười, nhưng trong các giới Công giáo trước kia tôi bị coi gần như là một cây bút khiêu dâm. Tôi cũng thấy bị tổn hại vì tình trạng đó.

Nếu có ai hỏi tôi: “Tín ngưỡng đã làm trở ngại hay tăng tiến đời sống văn chương?” tôi sẽ trả lời có về cả hai phía. Tín ngưỡng Kitô giáo của tôi đã khiến cho tôi được tăng tiến. Nhưng cũng gây

trở ngại cho tôi bởi là nếu tôi tự buông thả thì sách của tôi viết ra nội dung cũng không được buông thả theo. Bây giờ tôi đã hiểu là Chúa không quan tâm tới những gì chúng ta viết. Chúa lấy đi làm vật dụng.

Tuy nhiên tôi là người Công giáo và tôi không muốn kết thúc đời tôi trong bạo lực và nóng giận, mà trong hòa bình. Vì sự cảm dỗ lớn nhất khi cuộc đời một người Kitô giáo về chiều là tu dưỡng tâm linh và im lặng. Tôi yêu thích âm nhạc nhất, nhưng tôi yêu thích im lặng hơn, vì không có im lặng nào hoàn toàn hơn khi ta có Chúa ở bên ta.

Những thù địch của tôi tin rằng tôi muốn dù bằng cách nào cũng ở lại trên sân khấu, rằng tôi dùng chính trị để kéo dài cuộc đời. Họ sẽ ngạc nhiên lắm nếu họ biết rằng hạnh phúc lớn nhất của tôi



là được một mình ngồi ngoài hiên nơi nhà tôi để cố đoán xem gió từ đâu thổi tới qua những mùi hương mà gió mang lại. Điều tôi e sợ nhất không phải là bị quên lãng sau khi chết, chính được thật sự quên. Chúng ta vừa nói khi này, không phải tác phẩm của chúng ta sẽ còn lại, cuộc đời thê thảm chúng ta sẽ lay lắt sống trong những cuốn sách giáo khoa.

JEAN LE MARCHAND thực hiện

MẶC ĐỒ dịch

### GHI CHÚ CỦA NGƯỜI DỊCH :

Mười bốn năm sau khi đưa ra những nhận định trong bài phỏng vấn này, François Maurias lại cho xuất bản một tiểu thuyết mới. Nội dung và kỹ thuật của tiểu thuyết UN ADOLESCENT D'AUTREFOIS dường như không thay

đổi so với chủ trương cổ hữu của tác giả. Khá nhiều báo chí Pháp, xuất bản trong khoảng tháng ba 1969, đã phê bình tác phẩm mới và bình luận về biến cố văn học này. Đáng lưu ý một bài đăng trong nhật báo LE MONDE có nhắc lại vụ J-P. Sartre đả kích F. Mauriac nhân cuốn LA FIN DE LA NUT chung quanh vấn đề tự do. Tới đầu tháng sáu, sau mười tuần bày bán tại các tiệm sách, cuốn UN ADOLESCENT D'AUTREFOIS, vẫn đứng hàng đầu trong các sách bán chạy tại Pháp (điều tra của tuần báo L'EXPRESS).

ĐÃ PHÁT HÀNH

**KHUÔN MẶT CỦA CHÚNG TA**

thơ **THẾ VIÊN**

**SÁNG TẠO** xuất bản

## TIN VĂN VẤN

### TRONG NƯỚC

#### *Ban quản trị mới của Hội HSTVN*

Ngày 28.12.1969, lúc 10 giờ, Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam đã tổ chức một buổi họp thường niên, tại Phòng Triền lãm số 24 đường Gia Long, Sài Gòn.

Sau đây là kết quả cuộc đầu phiếu kin đề cử Hội đồng Quản trị Mới nhiệm kỳ 1969-1971:

Chủ tịch : Nguyễn Trung

Phó Chủ tịch Nội vụ: Mai Chửng

Phó Chủ tịch Ngoại vụ: Nguyễn  
Đồng

Tổng thư ký: Đinh Cường

Phó Tổng thư ký: Hồ Thành Đức

Thủ quỹ: Nguyễn Khai

Ủy viên Kế hoạch: Trịnh Cung

Ủy viên Kiểm soát: Nghiêu Đê.

Được biết Hội Họa sĩ Trẻ Việt nam được thành lập từ năm 1966. Sau khi bị đuổi khỏi khu Thư viện đường Lê Thánh Tôn, Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam vẫn chưa có trụ sở. Mọi liên lạc, đều tạm dùng địa chỉ: số 31-A đường Nguyễn Đình Chiểu, Sài Gòn.

### *Nên duyên chồng vợ*

Nhà thơ Cao Thoại Châu vừa gửi thiệp hồng báo tin đã kết hôn với cô Nguyễn Thị Chúc Em. Hôn lễ đã cử hành tại Huế ngày 21 tháng 1 năm 1970.

Cao Thoại Châu đã tạm giã từ quân ngũ và được biệt phái về dạy học tại một trường trung học miền Cao nguyên; cũng đã lâu độc giả không được thưởng thức những sáng tác mới của anh, có lẽ vì anh bận chuẩn bị việc lập gia đình.

Hy vọng và cầu chúc là hạnh phúc trong cuộc sống lứa đôi sẽ đem tới cho nhà thơ nhiều nguồn cảm hứng mới, và trong tương lai gần gũi, Cao Thoại Châu sẽ lại gửi tới bạn đọc nhiều sáng tác độc đáo, tân kỳ...

### ***Nhà văn Vũ Hạnh được trả tự do***

Vài ngày trước Tết Nguyên đán Canh Tuất, nhà văn Vũ Hạnh đã được trả lại tự do, sau khi bị giam giữ trên 32 tháng mà không được xét xử.

Được biết nhà văn Vũ Hạnh được trở về với gia đình nhờ sự can thiệp của Linh mục Thanh-Lãng, Chủ-tịch TT-VHVN, với Tổng thống VNCH.

Hy vọng là trong tương lai gần gũi, sau khi đã lấy lại được thế quân bình giữa ngoại giới và nội tâm, tác giả Vượt thác lại sẽ gửi tới bạn đọc nhiều sáng tác mới.

### *Mồ hôi trên thao trường*

Từ Hoài Tấn, một nhà thơ trẻ, thường có sáng tác đăng trên Văn, vừa vô trại nhập ngũ, chịu đựng giai đoạn thử thách tại TTHL Quang Trung trước khi vô trường Võ bị Thủ Đức.

Từ Hoài Tấn có lời nhờ nhắn anh em thân hữu khắp nơi: thư từ liên lạc xin vẫn cứ dùng địa chỉ dân sự cũ.

## NGOÀI NƯỚC

### *Bertrand Russell không còn nữa*

Bertrand Russell, triết gia người Anh, sinh năm 1872, giải thưởng Văn chương Nobel 1950, đã từ trần tối thứ hai 4 tháng 2 năm 1970, tại nhà riêng ở xứ Wales, hưởng thọ 97 tuổi.



Không bao lâu trước khi từ giã cõi đời, Bertrand Russell còn bày tỏ lòng phản kháng trong một thư gửi những nhà cầm quyền tại Nga Xô-viết về trường hợp nhà văn A. Solenitsyn bị khai trừ khỏi Hiệp hội các Nhà Văn Xô viết.

Năm 1963, khởi từ “Tổ chức Bertrand Russell tranh thủ cho Hòa bình” đã thành hình tòa án quốc tế (do Sartre làm chánh thẩm) họp để phán xét, cũng như phiên tòa quốc tế tại Nuremberg sau đệ Nhị Thế chiến, những tội phạm chiến tranh tại Việt nam.

Nhưng những hành vi được nhắc nhở thật nhiều trên mặt các nhật báo đó, được tô điểm thêm bằng một vài cuộc “diễn hành cho hòa bình”, chỉ là kết cuộc của cả một cuộc đời dâng hiến cho khoa học và chủ nghĩa hòa bình. Năm 1914, khởi đầu cuộc Thế chiến thứ Nhất, người

ta còn nhớ Bertrand Russell, lúc đó đã là nhà toán học lừng danh khắp thế giới, từng bị cầm tù vì ông đã công khai chống đối việc cưỡng bách nhập ngũ.

Vào tuổi 50, Bertrand Russell được coi như một triết gia lỗi lạc của thế kỷ. Gần tuổi 80, ông lại được trao tặng giải Nobel Văn chương.

Cho tới nay tác phẩm của Russel chưa từng được dịch sang Việt ngữ, và độc giả Việt Nam dường như chỉ biết danh tiếng ông qua báo chí hàng ngày. Ngoài những vụ lớn lao đã kể trên, độc giả Việt Nam cũng chưa quên phiên tòa do ông tổ chức để phán xét tội trạng của quân đội Nga-xô khi họ tràn vào xâm lăng Tiệp khắc...

Bertrand Russell qua đời, nhân loại mất đi một chiến sĩ hữu hạng đã trọn đời đấu tranh cho chủ nghĩa hòa bình.

THƯ TRUNG và các bạn

LƯU Ý ĐỘC GIẢ TẠI ĐÀ LẠT:

**NHÂN VĂN**

số 72, Duy Tân, Đà Lạt

nơi đầy đủ các tác phẩm văn nghệ



## GIỚI THIỆU SÁCH BẢO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

\* XỨ TRÂM HƯƠNG, Quách Tấn, Lá Bối xuất bản, Sách dày 488 trang, giá 340 đồng.

Sách ghi chép những cái đẹp, cái hay thuộc xứ Trâm Hương, tức là tỉnh Khánh Hòa. Sách có nhiều phụ bản ảnh chụp các danh lam thắng cảnh.

\* TRONG THÁNG NGÀY BUỒN,  
Đinh thị Thụy Uyên, Nhân Chứng xuất  
bản. Sách dày 64 trang, giá 120 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Đinh Thị Thụy  
Uyên gồm khoảng bốn chục bài thơ. Bìa  
và phụ bản Trịnh Cung. Hoàng Trúc Ly  
đề tựa.

\* THẾ ĐÚNG, Đặc san, số 2: 24  
trang, khổ lớn, giá 40 đồng.

“Đấu trường văn nghệ trẻ ý thức tự  
lực”.

\* MỘT CHỖ CHUNG, SỐ 2 (12/69)  
in rô-nê-ô, dày 80 trang, giá 50 đồng.

Tạp chí văn học nghệ thuật xã hội.  
Liên lạc: hộp thư: số 3, Huế.

\* HIỆN DIỆN, Số 2-3, dày 112 trang,  
giá 70 đồng.

## HỘP THƯ BẠN ĐỌC

Tạp chí văn học nghệ thuật. Số Xuân Canh Tuất, chủ đề: một năm văn nghệ miền Trung, Liên lạc 149 Lê Thánh Tôn, Tuy Hòa.

\* DỪNG ĐẤT, số 2 tháng 2/1970.  
Dày 104 trang, giá 50 đồng.

Tập san văn học nghệ thuật Liên lạc:  
8 Phan Đình Phùng, Nha Trang.

\* EM CÒN HÁI TRÁI. Trần Tuấn, Kiệt, Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày 112 trang, giá 200 đồng.

Thi phẩm mới nhất của Trần Tuấn Kiệt. Phụ bản Nguyên Khai. –

\* MỘT SÁNG TRONG SƯƠNG.  
Nguyễn Đức Nam, Thái Độ xuất bản.

Sách dày 120 trang, giá 110 đồng.

Tập truyện gồm bảy đoản thiên. Bìa Nguyễn Tường Thiết.

\* TIẾNG HÁT ĐÊM ĐEN. Nguyễn Lang, Gió Ngàn xuất bản, Sách in rô-nê-ô dày 64 trang, giá 80 đồng.

Thi phẩm thứ hai của Nguyễn Lang, bìa và minh họa của Nguyễn Phước Nhơn.

## THƯ ĐI TIN LẠI

\* Ông Lê Từ, Sài Gòn.

Xin đừng bao giờ viết bài lai cáo trên hai mặt giấy cả. Đa tạ.

\* Trương Đăng Nguyệt Thanh. Đà Nẵng.

Cần đẹp và hợp với chủ đề. Ráng chăm học đi nhé.

\* Thương Hoài Hồng Trang, Nha Trang

1) Chúng tôi rất tiếc không rõ.

2) Chỉ biết MT sống hoàn toàn bằng nghề viết văn.

3) a : số 90, 35\$ cả cước phí. b: xin chịu, tìm không ra.



NHẮN TIN RIÊNG:

\* Anh Tạ Chí Đại Trường, KBC 3265.

Xin anh anh bài “Tà dôn” cho số đặc về Y Uyên. Mong khác. Tình thân.

\* Phụng (?)

Cảm ơn thiệp chúc Xuân. Hiện ở đâu? Cho biết tin. (TTT)

\* Nguyễn Xuân Hùng, Michigan.

Sẽ đăng “Bài buồn cuối năm cho người tình”. Chúc lành. Tình thân.

\* Trần Văn Lệ, Đà Lạt.

Sẽ đăng “Buổi mai trong vườn hoa” và “Tháng giêng nhìn thấy”. Trước tết, có gửi ảnh cho ông chủ TS, có nhận được không?

\* Thái Ngọc San, Huế (?)

“Xóm trại buồn thiu” gặp trở ngại.  
Cho địa chỉ để tiện liên lạc.

\* Lương Thái Sỹ, Đà Nẵng.

Sẽ đăng “Ngọn gió đông”. Cần cố gắng nhiều hơn kéo sẽ xuống đó. Tình thân.

\* Phạm Ngọc Lữ, Tuy Hòa.

Sẽ đăng “Sợi khói bay vòng”. Tình thân.

\* Kinh Dương Vương (?)

Sẽ đăng “Kẻ đào ngũ”. Chúc vẽ và viết được nhiều. Chỉ cần trung thực với chính mình là đủ. Điều tiếng thiên hạ, nghe mệt lắm! Tình thân dân?

\* Ngụy Ngũ (?)

Về đơn vị, chắc có tin lành đó vì ông

B đã hứa giúp. “Những bóng người qua đêm” có muốn nhờ chuyển cho ai không? Tình thân.

## NHẮN TIN CHUNG :

Quý bạn: Hoàng Ngọc Châu, Lê Thanh Xuân, Phạm Thanh Chương, T-D-L, Lê Văn Trung, H-Đ H-Q, Nguyễn Uyển Thượng, Yên Giang, Ngụy Ngũ, Lê Nhược Thủy, Thượng Thuật, Phương Hoa Sủ, Thái Ngọc San, M-M, Nguyễn Miên Thảo.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.

## BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC



Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ «yêu cầu miễn ghi» trên bản thảo.

### \* VĂN

Quý bạn : Phan Cung Nghiệp. Trần Thị Xuân Mai. Thế Anh. Lê Từ. Lâm Thị Ngọc Xinh. Đan Phúc. Thái Thượng. Hà Thị Kỳ nam (2). Duy Hoài Phương. Nguyễn Thiếu Lang.

### \* THƠ

Quý bạn: Đông Mai. Nguyễn Văn

Hiệu. Đinh Nhựt. Yên Thúc. Nguyễn Minh Thư. Hồ Chương. Vũ Uyên. Áng Sơn. Lưu Phương. Mộng Huyền Trinh. Trịnh Hữu Hương. Dã Cầm. Mộng Thường Nhân. Nguyễn Bắc Ninh. Phạm Đăng Nhường. Quảng đại hóa. Sầu mặc Tử. Vĩnh Xuyên. Ngũ Chương. Nguyễn Duy Nguyễn. Ngã Dạ Triều. Vương Long. Vương Phù Du (2). Thương Hoài Dung. Nguyệt Hùng Nhân. Lam Hiền. Ngô Nguyên Nghiễm. Hồ Nương. Thái Phương My. Thái Thượng. Nguyễn Đặng Hà Đông. Hà Nhượng Thể. Trần Bách Thụy (2). Nguyễn Thị Thu Sương. Phạm Cao Hoàng. Cỏ Hoang. Nguyễn Văn Thọ. Phạm Thanh Lê. Trần Phước Thuận. Trần Nhật Tuấn. Trần Thị Thảo Ca. Hà Hải Tâm. Hoàng Ngọc Luận, Nguyễn Thành Hiếu. Hạng Hối Hận. Triều Đăng Thủy. Hoàng Trần. Nguyễn tam Phù Sa. Nguyễn chu Thần thánh.

Ánh Hồng. Tô Bội Minh. Túy Loan.  
 Tang Hồ Nguyễn, Khế Liêm. L-V-N. Ý  
 Loan. Cung Cách Sơn. Hồ Phong Năm.  
 Duy Hoài Phương. Hoàng Hạnh. Tống  
 Đình Nam. Đoàn Công Ấn. Vũ Hữu  
 Định. Thương Hoài Hồng trang. Trương  
 Đăng Nguyệt Thanh. Đặng Huy Đăng.  
 Bùi Khánh Thôn. Hàn Mộng Quyên. Lê  
 Nguyễn Quân. Lưu Nhất Lê. Trần thị  
 Duyên Minh. Nhật Đàn. Thái Chí Bình.  
 Phan Cung Nghiệp. nhã Liên văn. Phạm  
 Nguyên Hồ. Đỗ Mạn Vũ. T Bửu Luyện.  
 Nguyễn Đăng Hồng. Thanh Hoài Minh.  
 Hoàng Thúy Lan.

Ban Tuyển đọc Tác phẩm của VĂN  
 đã đọc những tác phẩm của quý bạn có  
 tên trên đây và rất tiếc không thể chọn  
 đăng. Xin chân thành cảm ơn và vui lòng  
 gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

**VĂN số 150**

**Số đặc biệt: Vũ Hoàng Chương**

**VĂN**

**Tòa soạn và Trị sự**

**Số 38 PHẠM NGŨ LÃO, SÀI GÒN**

**ĐIỆN THOẠI: 23.595**

**Chi phiếu, bưu phiếu đề tên:**

**ông Nguyễn Đình Vượng (Chủ nhiệm)**

**Thư từ, bản thảo, ấn phẩm đề tên:**

**ông Trần Phong Giao (Thư ký tòa soạn)**

**Giao thiệp trực tiếp: ông Gia Tuấn**

**(phụ tá Thư ký tòa soạn)**

**Tập san xuất bản theo Nghị định**

**số 64/BTT/NĐ ngày 04/12/1963**

**In tại nhà in riêng của báo VĂN –**

**Quản lý: Nguyễn Đình Vượng.**



